

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

KHẢO VỀ ĐỘNG ĐẤT

Động đất ở Nhật-bản ngày 1 tháng 9

Xưa nay động đất kẻ cũng nhiều, sử-sách chép cũng lắm, nhưng không bao giờ dữ-dội bằng động đất ngày mùng 1 tháng 9 tây ở Nhật-bản vừa rồi. Đất động có mấy giây đồng-hồ mà làm cho một xứ đương giàu-có, thịnh-vượng, tốt-đẹp, đông-đúc, bỗng thành diên-đảo, tan-hoang, hại không kém gì bốn năm năm chiến-tranh ở Âu-lục. Còn phải ít lâu nữa mới biết rõ được tình-hình sự thiên-tai ấy thế nào, cùng là thống-kế được cái số những người cùng của bị hại vì dấy và giải-thích được cái bài học do sự kinh-nghiệm khốn-nạn ấy mà ra. Chú-ý bài này chỉ là lược-thuật lại mấy điều kinh-nghiệm về các hồi động đất trước cho rõ cái hiện-tượng động đất thế nào.

Sự động đất ở Nhật-bản mới rồi có lan động sang tận Âu-châu. Ngày 1 tháng 9, vào 3 giờ, 11 phút, 23 giây, cái địa-chấn-biểu (*sismographe*, là máy ghi động đất) ở *Parc-Saint-Maur* gần *Paris*, có ghi một cái rung-động thứ nhất rất mạnh; rồi ngày hôm ấy và ngày hôm sau, lại còn nhiều lần động nữa. Như ngày mùng 2, vào 2 giờ, 59 phút, 26 giây, thiên-văn-đài thành *Strasbourg* (ở phía Tây-Bắc nước Pháp) cũng ghi một cái động nữa mạnh lắm.

Khi ở *Paris* thấy như thế thì ở Nhật-bản vào giữa trưa. Ở Đông-kinh

(*Tokio*) và Hoành-tân (*Yokohama*), thiên-hạ còn đương tấp-nập trong các cửa hàng, các nhà máy, các phố-xá. Chớp mắt một cái thấy đất rung-động; bao nhiêu những nhà lầu lổm mới, làm theo kiểu tây, đổ ụp cả, dè chết kẻ hàng nghìn con người. Đất nẩy lên, nứt ra, những cống nước, ống khí gãy vỡ cả; khí bốc lên, cháy bùng ra các nhà, mà nhà Nhật-bản lại phần nhiều làm bằng gỗ nhẹ, dễ bén lửa lắm; nhân-dân thời chạy tán-loan trong đám lửa cháy và đám khí độc, không sao cứu-cấp được, vì các công-sở không còn nữa; không còn có cách gì để ngăn cháy được nữa. Những người còn sống sót lại trong đám tro tàn, người đói khát, kẻ bị thương, chỉ còn có đợi người ngoài đến cứu mà thôi, mà người ngoài đến cứu thì cũng còn lâu.

Ở Hoành-tân, gần bờ bể, thời ngoài cái thảm đồ nhà và cháy nhà, lại còn cái hại đồ cây nước (*raz de marée*) nữa. Những sóng bể cao bằng mấy nóc nhà, cuộn-cuộn từ ngoài khơi đánh vào, cuốn nhào hết cả người ta cùng đồ-vật, sạch-sành-sanh như quét vậy.

Một nhà địa-chấn-học (*séismologue*) trú-danh ở nước Nhật, ông OMORI đã kinh-nghiệm nhiều lần mà chia động đất ra mấy hạng, xem đo thời biết sức mạnh và sức hại của động đất đến

thế nào. Ông lấy cái tốc-độ tối-cao ở một địa-diểm nhất-định làm gốc, rồi ông chia động đất ra mấy hạng theo sức mạnh. Kể bắt đầu từ 900 li một giây đồng-hồ, động đất đã là mạnh rồi. Còn từ đấy trở lên thì chia ra các hạng như sau này :

Tốc - độ 1200 li. — Một phần tư những ống khói nhà máy bị đổ ; nhà gạch xây không kỹ bị đổ cả hay đổ một phần ; mấy cái nhà gỗ cũ bị đổ, cùng những cửa hàng và cầu quán bằng gỗ cũng bị hại ; nhà gỗ có lợp ngói thì bị xô ; đất thấp và mềm thì nứt nẻ ra. Có ít nhiều những tảng đá ở sườn núi đổ xuống.

Tốc-độ 2000 li. — Tất cả các ống khói nhà máy bị đổ hết ; phần nhiều các nhà thường bằng gạch bị đổ cả hay đổ một phần ; ít nhiều nhà gỗ bị đổ cả ; những đất thấp và mềm nẻ ra tới 2, 3 tấc ; dẽ-bối bị sập ; cầu gỗ bị đổ một phần ; cột đá các cửa đền làm không kiên-cố lắm cũng bị đổ.

Tốc-độ 2500 li. — Tất cả nhà gạch thường bị hại dữ ; 5 phần 100 nhà gỗ bị đổ hẳn ; dẽ-bối sập nhiều ; đường xe lửa hơi bị cong ; tường xây lác-đác bị hại ; bờ sông đất nứt tới một thước tây ; nước sông nước hào bắn lên bờ ; mạch giếng đảo-diễn cả ; có chỗ đất lún.

Tốc-độ 4000 li. — 50 đến 80 phần 100 nhà gỗ bị đổ hết ; dẽ - bối bị đổ hết ; đường ở đất bằng thì chỗ nứt chỗ lõm nhiều quá, không đi lại được nữa ; đường xe lửa bị vặn xoắn cả ; dầm cầu, cột cầu bị đổ ; cầu bằng gỗ cái nào cũng hỏng hết ; má chôn thật chặt cũng bị quật lên ; đất nứt vỡ ra rộng đến mấy thước, có khi nước vọt cát bắn lên ; đồng-diễn và đất thấp bị tung-hoành diễn-đảo cả, cây cối chết hết ; nhiều chỗ đất lún.

Tốc-độ hơn 4000 li. — Bao nhiêu nhà

cửa bị đổ sạch, chỉ trừ một ít cái làm bằng gỗ nhẹ thì không hại lắm mà thôi ; có cái nhà gỗ dưới có đá tảng bị bắn xa ra đến mấy thước ; đất lún, đất sụt nhiều lắm.

Ấy tốc - độ càng cao thì động đất càng mạnh và phá-hoại càng dữ.

Những tin - tức về sự bị hại trong hồi động đất mới rồi chưa lấy gì làm đích-xác được. Nhưng chắc là hại nhiều lắm. Người chết đến 15 vạn, người bị thương có lẽ còn nhiều hơn ; người bơ-vơ không có chỗ trú kẻ tới mấy triệu. Cả thành Hoành - tân (40 vạn người) bị phá hết. Thành Đông-kinh (2 triệu rưỡi), bị phá tới hai phần ba. Chung quanh thành Đông-kinh, trong một khu 5 vạn cây-lô-mét vuông đều bị hại. Đảo O. Sima, ở ngoài bán - đảo Idzu, nghe đâu biển mất. Đối với cái cảnh « thiên-tai giáng-hạ » một cách dữ-dội, to-tát như thế, thần-trí người ta cũng phải bồi - hồi bàng-hoàng, nghĩ đến cái quang-cảnh một xứ giang-sơn tốt đẹp, nhân-vật trù-phủ như thế, mà nhất-dân thành một đồng gạch đổ tro tàn, cả cái công-phu một nửa thế-kỷ khai-hóa văn-minh, một phút đồng-hồ bị phá-hoại hết, ai là người có thể cầm lòng cảm-động. Cả thế - giới chắc là biểu cảm - tình với dân Nhật - bản mà gia công giúp cho chóng khôi - phục. Vì cái tình-cảnh bây giờ đau nguy-kịch thật, sự ảnh-hưởng sau này đau khổn - khó thật, nhưng người Nhật-bản đã từng tỏ ra một dân có nghị-lực, chẳng bao lâu rồi tất khôi - phục được. Và lại xem lịch - sử động đất xưa nay, chẳng từng thấy nhiều nơi bị hại như thế, sau cái hồi kinh-hoàng lúc đầu, rồi người ta lại trở về chốn cũ mà tụ-hop làm nhà ở ngay nơi chỗ cũ ư ?

Thành San Francisco bị hại về động đất hai lần, năm 1868 và 1906, thành

Messine cũng hai lần năm 1783 và 1908, thành Lima bị hại 10 lần trong khoảng 400 năm, thành Lisbonne bị triệt-hạ hẳn năm 1755; cũng biết bao nhiêu địa-phương bị hại về động đất, thế mà chỉ ít lâu lại khôi-phục ngay, chẳng quản gì sự hại trước, mà chẳng ngại gì sự hại sau.

Nay trông thấy sự thiên-tai bất-kỳ như thế, người ta không thể không tự hỏi rằng: khoa-học có thể dự biết được trước không? kỹ-nghệ có thể phòng-bị được không?

Thuộc về câu hỏi thứ nhất thời các nhà chuyên-môn đều đồng-thanh trả lời rằng: « Ở đâu đã động đất rồi thời sau này còn động đất nữa », câu ấy nhà bác-học La-mã tên là PLINÉ đã nói ra từ hai nghìn năm nay rồi.

Câu ấy thật là thích-hợp với tình-cảnh nước Nhật lắm, vì nước Nhật có thể cho là một nơi đất không đứng yên bao giờ, và đã từng chịu cái tai-hại động đất nhiều lắm. Lại là nơi khoa địa-chấn-học thịnh-hành và tấn-tới hơn cả.

Từ năm 1902 đến năm 1907, các địa-chấn-biểu ở Nhật-bản ghi được mỗi năm trung-bình là 1605 cái động (séismes). Trong khoảng tự thế-kỷ thứ 5 đến năm 1898, sử chép tới 222 lần động-đất to, tai-hại lớn, và từ năm 1601 đến năm 1898, có 108 lần, nghĩa là cứ trung-bình mỗi 36 tháng một lần động-đất lớn.

Theo sách « Địa-chấn-học » (*Manuel de Séismologie*) của ông DAVIDSON, thời trong có một khoảng từ năm 1885 đến năm 1892 ghi được tới 8331 cái động. Coi đó thời biết người Nhật-bản thật là đặt mình luôn-luôn ở trong cái khủng-hoảng-thế-giới, nguy-hiêm vô-cùng.

Năm 1855, thành Đông-kinh đã bị tàn phá về động-đất một phen. Năm

1891 thời miền Gifu và Nagoya cũng bị phá. Thành Nagoya ngày nay có 40 vạn người ở; năm bấy giờ đồ mất 8 vạn cái nhà và chết mấy nghìn con người.

Vậy thời không người Nhật nào là không biết rằng nước mình bị động-đất luôn, cứ cách ít lâu lại phải một phen đại-hại, và cái thiên-tai vừa rồi chắc không phải là cái cuối cùng vậy.

Đó là thuộc về nước Nhật, nhưng các miền khác trên thế-giới hay có động-đất cũng biết cả. Khoa địa-dư-học về động-đất (*la géographie séismique*), là một khoa nhà bác-học nước Pháp MONTESSUS DE BALLORE đã có công nghiên-cứu nhiều, nghiệm ra rằng ở trên mặt địa-cầu này có những miền gọi là « miền đất động » (*régions séismiques*), có giới-hạn cũng rõ, ở đấy thời đất thường rung-động luôn, và bao nhiêu phen động đất lớn là phần nhiều ở đấy cả. Những miền ấy là những dải đất dài, ở vào những nơi vỏ địa-cầu yếu, ở dọc những dãy núi cao. Thường theo những đường vũng lớn thuộc về đệ-nhi-thời-kỳ trong địa-chất (*les grands géosynclinaux de l'époque secontaire*). Xét trong địa-đồ thì có ba dải động đất dài: một dải tự quần-đảo La Sonde, gồm dãy núi Himalaya, đất Tiểu Á-tế-á (*Astie mineure*), bờ biển Adriatique, đất Italie, núi Alpes, núi Pyrénées, đất Algérie, đất Andalousie, phía Nam đất Portugal; hai dải kia thì chạy dài hai bên bờ Thái-bình-dương. 91 phần 100 những động-đất đã nghiệm được là ở trong ba dải đất ấy cả.

Vậy thời khoa-học có thể biết rõ được những miền nào bị nguy-hiêm động đất. Nhưng mà sức khoa-học ngày nay chỉ đến được thế mà thôi. Muốn ước-ao thế nào cho đoán được trước chỗ nào là sắp động-đất đến nơi để cho người ta biết mà phòng-bị.

Muốn đoán được như thế thời phải có cách nào mà nghe-ngóng luôn những miền ở dưới địa-tâm là nơi khởi-diểm ra động đất, bao giờ cũng bắt đầu rung-động từ dưới ấy rồi mới lan đến mặt đất mà thành ra tai-hại.

Những nơi khởi-diểm ấy, có thể gọi là cái « lò động đất » (*foyers séismiques*), thường - thường không ở sâu lắm, động đất càng dữ bao nhiêu thời cái « lò » lại càng ở gần mặt đất bấy nhiêu. Hiện nay cũng chưa có cách nào ước-lượng cho đúng được là bao nhiêu. Nhưng mà cứ kinh-nghiệm xưa nay thời có thể nói rằng những « lò động đất » ở sâu dưới đất đến hai-mươi cây-lô-mét là cùng. Sánh với đường trực-kính (*diamètre*) của địa-cầu thì hai-mươi cây-lô-mét không là bao nhiêu thật. Nhưng dầu không sâu là mấy, mà hiện nay cũng chưa có phương-pháp gì xét nghiệm cho tới nơi được.

Những sự động đất lớn, như ở Nhật-bản mới rồi, bao giờ trước cũng thấy rung-động nho-nhỏ, gọi là « động báo hiệu » (*secousses prémonitoires*), nhưng mà ở một xứ đất thường động luôn như ở Nhật-bản, thì thế cũng không đủ báo trước được. Động báo hiệu rồi đến « động đáp lại » (*répliques*), nhỏ dần mãi đi, có khi đến mấy tháng, các địa-chấn-biểu ghi được cả.

Bác-sĩ CH. MAURAIN trong sách « Địa-cầu hình-thể luận » có luận về động đất như thế này : « Trong vỏ địa-cầu có vùng nào đất dần dần trùng lại hay răn ra, thời có một lúc hình như không đứng vững nữa mà động giật một cái, thế gọi là động đất. Cái động mạnh ấy lan cả ra các miền bên cạnh, làm cho đất trùng lại răn ra mà chuyển-động, chỗ to chỗ nhỏ, chỗ mạnh chỗ nhẹ ».

Cứ cái lý-thuyết ấy thời ông Von KOVASLIGHTY nói rằng có một cách

biết trước được động đất, là cứ đo luôn cái sức căng răn của đất (*l'état de tension du sol*). Muốn đo thế thời ngày nào cũng phải xem những đường vạch của địa-chấn-biểu, vì đất ngày nào cũng có hơi động chút đỉnh, đường vạch ấy gọi là « tiểu-động-tuyến » (*courbes microséismiques*). Sức căng răn của đất thay đổi ít hay nhiều thời cái « sóng động đất » truyền đi mau hay chậm. Song nghiệm cái tốc-độ ấy bằng địa-chấn-biểu, hiện nay cũng chưa lấy gì làm chắc bằng lắm ; cho nên cách xét nghiệm ấy cũng còn là thuộc về lý-thuyết mà thôi.

Có nhiều nhà bác-học ngờ rằng động đất có lẽ tại những nguyên-nhân ở ngoài địa-cầu, như hấp-lực của mặt trăng mặt trời, điện-lực của không-khí, là những sự xảy ra có điều-độ, nếu thực ở đó mà ra, thời có thể dự-định trước được. Nhưng xét ra không thấy đối-chiếu gì cả. Túng-sử có nữa thì cũng lại phải biết rằng những ngoại-lực ấy ảnh-hưởng vào phần nào trên địa-cầu. Đất động dầu rất dữ nữa mà ở vào giữa sa-mạc hay giữa bề khơi thì cũng chẳng quan-hệ gì cho người ta.

Vậy thời đợi đến ngày có cách quan-sát hiệu-nghiệm hơn, hiện nay phải kết-luận rằng sự động-đất xảy ra trên mặt địa-cầu chưa có thể dự-định được, dầu cũng biết được đại-khái xảy ra ở chỗ nào trong không-gian, nhưng không biết được đích-xác xảy ra vào lúc nào trong thời-gian. Song, như trên kia đã nói, chỗ nào đã động-đất rồi thời còn động-đất nữa. Những dân không may ở vào những chỗ ấy thì phải tìm cách thế nào mà phòng-bị cho đỡ hại.

Hiện nay chỉ có một cách phòng-bị, là nghĩ ra kiểu nhà và cách xây-dựng thế nào cho có thể chịu đựng được động-đất.

Nhật-bản là một dân khôn-khéo siêng - năng, không có lẽ không chú - ý về điều đó. Nội hoàn-cầu, nước Nhật là nước chuyên - trị về khoa địa - chấn - học hơn cả các nước khác ; các nhà địa-chấn-học Nhật đã nổi tiếng trong khắp thế-giới. Người Nhật đã gia-công nghiên-cứu về các kiểu nhà mà nghĩ ra những kiểu có thể chịu đựng được động-đất, lại chấn - đoán các địa - mạch xem những khi « sóng đất » nổi lên, chỗ nào mạnh, chỗ nào nhẹ, để định những khu riêng làm chỗ tị-nạn ; thật các nước khác chưa đâu khảo-nghiệm đến nơi như thế. Có nhiều lối nhà Nhật-bản đã coi làm mẫu cho cách làm nhà ở những xứ hay động đất.

Nay cả cái công khảo - sát, công nghiên-cứu ấy thành ra vô-hiệu hay sao ? Không phải thế, nhưng phải biết rằng tự hồi Nhật-bản duy-tân đến giờ, nghĩa là tự năm 1868, người Nhật đã thấu-thái được văn-minh Âu - Tây nhiều lắm và mau lắm ; dân-số và kỹ-nghệ tăng-tiến một cách mau chóng lạ-lùng. Ở các nơi thành-thị người ta xây-dựng nhiều lắm, mà xây dựng theo kiểu tây phần nhiều, chưa kịp chăm-chước theo cái tình-trạng riêng của địa-chất về nước Nhật-bản.

Cách xây dựng của Âu-Tây ngày nay thời mãi đến gần đây mới phải kinh-nghiệm sự động-đất ; thứ nhất là ở *San-Francisco* năm 1906, rồi ở *Messine* năm 1908 nhỏ hơn, khám-nghiệm những nhà lầu bị đổ ở hai thành ấy thời thấy rằng những nhà nào làm bằng « bê-tông cốt sắt » (*béton armé*) xây kỹ, theo lối kiến-trúc đời nay, thành hẳn một khối liền nhau, thời có đủ sức chống với động đất, trước là khỏi nứt lở, sau là khỏi lửa cháy. Nhưng mà lối xây bằng « bê-tông cốt sắt » cũng là mới có gần đây, mà cần phải có những tay chuyên-môn mới

làm được. Vậy thời có lẽ các nơi đó-thành lớn ở Nhật-bản còn chưa có nhiều nhà xây theo lối ấy. Nước Nhật trong khoảng một nửa thế-kỷ đã cải-cách mau đến nỗi nghiêm-niên đứng vào bậc đệ-nhất-liệt-cường trong thế-giới ; nay phải cải thiên-tai ghê-gớm như vậy mà không kịp hết sức phòng-bị, đó có lẽ cũng là cái đại-giá cho cái tân-văn-minh của nước ấy vậy.

Dù thế nào mặc lòng, nước Nhật từ xưa đến nay cũng đã từng nghiên-cứu các lối nhà để chống với động đất nhiều lắm, và trong các đền-dài lăng-miếu cũ của nước ấy có nhiều sở đã kinh-quá bao nhiêu lần động đất mà không việc gì.

Nhà của người Nhật ngày xưa, dù lớn dù nhỏ, toàn làm bằng gỗ cả. Ngày nay người Nhật cũng còn dùng gỗ để làm nhà nhiều, bởi đó mà ở những nơi thành-thị đông như Đông-kinh và Hoàn-tân mới cháy dữ như thế.

Những nhà cũ không có gác, khung nhà bằng gỗ nhẹ, dui, mè, kèo, cột, chằng-chịt với nhau, chuyển-động không việc gì ; mái thời nặng, bằng ngói, hình cong. Lối nhà ấy cũng chưa đủ chống với động đất, duy không đến nỗi hại lắm như các kiểu mới mà làm không kỹ.

Bởi thế nên Hội-đồng nghiên-cứu về động-đất của Chính-phủ Nhật lập ra đã nghĩ ra một thứ kiểu nhà gỗ riêng, xây dựng một cách khiến cho khi động đất có bị đánh nghiêng đi cũng không đổ gãy được. Nhưng mà tránh được cái nạn đề, lại phải cái nạn cháy, vì nhà toàn bằng gỗ cả.

Duy có những đền-dài cổ của Nhật thời xem ra vững-vàng lắm, nhiều nơi bị nhiều phen động đất thật dữ mà không việc gì cả, như cái lâu-thành ở *Nagoya*, hồi động đất ngày 28 tháng

10 năm 1891 cả miền chung quanh bị hại hết mà không việc gì. Ngay lần động đất mới rồi đây, nghe đâu cung vua ở Đông-kinh cũng không bị tổn-hại gì mấy.

Nhưng mà, như trên kia đã nói, lối kiến-trúc ngày nay mà đủ sức chống được với động đất, duy có lối xây « bê-tông cốt sắt ». Nhật-bản nay trùng-tu những nơi đô-thị bị phá, tất phải dùng đến lối ấy, và từ nay phải xây dựng những nhà lầu lớn cũng tất phải dùng lối ấy.

Cách khảo-nghiệm về động đất

Khảo-nghiệm về động đất một cách thật đích-xác, theo phép khoa-học, thời khó lắm. Cái đó là bởi sự động đất vụt xảy đến, vụt qua đi, chỉ trong giây phút, lại làm cho thần-trí người ta khùng-hoảng, không kịp đâu mà quan-sát gì cả. Ông bác-sĩ HUMBOLDT đã tả sự hãi-hùng về động đất như sau này. Ông nói rằng :

« Sự hãi-hùng ấy không phải là nghĩ đến những cái tai-hại về động đất đời xưa như trong sử sách còn truyền lại mà sợ đâu. Kinh-hoảng đây là thấy đất xưa nay mình vẫn cho là không gì vững-vàng bằng mà nay hốt-nhiên lay chuyển, làm cho mình mất hẳn lòng tin ở cái thế Thái-sơn Bàn-thạch của cái đại-khối kia vậy. Từ thuở nhỏ ta vẫn quen thấy nước thời động mà đất thời tĩnh. Các giác-quan của ta đều cảm-giác như thế và khiến cho ta yên-trí như thế. Nay vụt chốc thấy đất rung-động, thời một giây phút ấy đủ phá hết sự kinh-nghiệm cả một đời. Hình như có cái sức ngầm gì hốt-nhiên nó xuất-hiện ra ; sự bình-tĩnh của Tạo-vật chẳng qua là một sự mơ-tưởng mà thôi, mà người ta lại như bị ném vào trong một cối hỗn-mạng cuồng-động. Bấy giờ nghe thấy một tiếng động, nghe thấy gió thổi qua, cũng rung mình ; đi trên mặt đất

mà sợ cả cái bước chân mình đi. Đến giống súc-vật, chó, lợn, cũng thấy hãi-hùng như thế. Cá-sấu sông *Orénoque*, thường im-lặng như con thần-lân ở phương ta, cũng phải nhảy ở dưới sông lên, mà vừa chạy vào rừng vừa kêu rống. — Động đất đối với người ta thật là một sự nguy-hiểm kinh-quái lạ-lùng, không trông rõ thấy nó ở đâu, mà hình như nó ở cả chung-quanh mình vậy. Núi phun lửa, có thể tránh được, đá lửa chảy, có thể chạy được ; nhưng đất động thì chạy vào đâu, tránh vào đâu ? Đâu cũng là ở trong cái vòng phá-hoại cả. »

Một cái hiện-tượng mơ-màng kinh-quái như thế, mà muốn quan-sát cho đến nơi đến chốn, đích-xác tinh-tường, đủ để giải-quyết được những vấn-đề bao gồm ở trong ấy, thì khó biết bao nhiêu. Những vấn-đề ấy phiền-phức và khó-khăn vô-cùng. Không xét đâu xa-xôi, xét ngay một sự động. Mỗi một cái động ở dưới đất nó gây thành thế nào, nó khởi-diễn từ đâu, nó cách xa mặt đất bao nhiêu, nó lan truyền ra ngoài thế nào, cái sức mạnh, cái phương-hướng nó thế nào ? Lại phải đếm cho biết bao nhiêu cái động, mỗi cái mạnh nhẹ, lâu chóng thế nào, cách nhau liên nhau thế nào ; lại phải biết tính-chất mỗi cái động thế nào : động như đụng vào cái gì, hay là như sóng bề cuộn, hay là như rung chuyển mà động ; lại phải biết cái trung-tâm « luồng động » ở đâu và cái tốc-độ nó truyền ra ngoài thế nào.

Bấy nhiêu vấn-đề, các nhà chuyên-môn đã gia - công nghiên - cứu, tuy chưa được thập - phần tinh - xảo, nhưng cũng đã khám-phá được nhiều.

Thứ đất nào cũng có thể truyền động đi được. Ông HUMBOLDT nghiệm ra rằng dù chất đất là đá hoa-cương (*granit*), đá vụn-mẫu (*micaschiste*), đá vôi (*calcaire*), đá cát (*grès*), hay là đất

sóng bồi (*alluvions*), cũng đều thấy động được cả. Nhưng mà động truyền ra mau hay chậm, không phải bởi hóa-chất của đất mà chính là bởi hình-thể của các lớp đất, có khi cái sóng động đương chạy dứt khúc ra mà chạy ngầm xuống sâu, cũng có khi đương ở dưới sâu mà truyền lên trên mặt đất. Những nơi có mỏ ngầm dưới đất, người ta thường nghiệm ra nhiều khi dưới mỏ động mà trên mặt đất không động, lại có khi trên mặt đất động mà dưới mỏ không động. Vậy thời có sự gì ngăn-trở làm cho cái luồng động không lan được ra hướng này hay hướng nọ, hoặc tự dưới lên trên, hoặc tự trên xuống dưới? Tại làm sao mà có xứ bị một cái động đất mạnh rồi lan-động ra mãi-mãi? Tại làm sao mà cái phạm-vi của sóng động có khi rộng khi hẹp khác nhau như thế? Những vấn-đề ấy còn u ám lắm, chưa giải-quyết được hết.

Năm xưa có một nhà kỹ-sư tên là R. MALLET đã thí-nghiệm cho biết cái tốc-độ của « sóng đất » truyền qua các thứ đất khác nhau thời hơn kém thế nào. Nhân ông phải phá một cái núi đá bằng mấy nghìn cân thuốc súng, ông bèn đo xem khi thuốc súng nổ ra thời đất động ra chung quanh mau chậm thế nào. Ông nghiệm rằng vào đất cát ướt thì cái tốc-độ ấy là 250 đến 300 thước một giây đồng-hồ, vào cương-thạch mềm thời 400 thước, vào cương-thạch đặc và rắn thời đến gần 600 thước. Cái tốc-độ ấy cũng thay-đổi tùy cái sức nổ, nghĩa là tùy thuốc đạn nhiều hay ít, 1000 cân thuốc thời truyền mau là 450 thước, mà 5500 cân thì mau tới ngót 600 thước. Thuốc súng nổ thế nào thì động đất chắc cũng thế. Nhưng muốn biết cái suất-số tốc-độ cho đúng thì phải thí-nghiệm rộng hơn mới được.

Trên kia nói rằng muốn khảo-

nghiệm về động đất khó lắm. Là bởi nếu động đất mạnh thời người khảo-nghiệm cũng bị kinh-hoảng mà khó vững trí xét được; nếu động đất nhỏ thời có khi lẫn với nhiều sự rung-động khác không phải là động đất. Bởi thế nên người ta đã nghĩ chế ra một thứ máy riêng, gọi là « địa-chấn-biểu » (*sismomètre, sismographe*), có thể báo cho biết động đất khởi ra thế nào, lúc nào động, động vào phương - hướng nào, giờ nào bắt đầu, giờ nào thôi, sức mạnh thế nào, v. v.. Hồi đầu mới biết dùng một cái bình nước, trên mặt nước rắc cám, khi nào đất động thời nước cũng động, cám rinh vào thành lọ, xem vết cám vào bên nào thì biết động vào hướng nào và vết cao hay thấp thì biết động mạnh hay nhẹ. Rồi dùng đến một cái quả lắc, cuối có một đầu nhọn, buộc lên trên một cái mâm rải cát nhỏ; đầu nhọn giáp với mặt cát, khi đất động thời quả lắc chuyển đi mà đầu nhọn vạch thành vết ở trên mặt cát, xem vết ấy thì biết động đất về hướng nào.

Hai kiểu ấy thì giản-dị thật, nhưng đơn-sơ quá, vả xem cách thế cũng không đủ biết được mấy tí. Bấy giờ mới nghĩ ra dùng điện mà chế ra thứ máy tinh-xảo hơn. Ông PALMIERI là người Ý-dại-lợi bèn chế ra một cái « địa-chấn-biểu chạy bằng từ-điện » (*sismographe électro - magnétique*) đặt ở trên quan-sát-dài núi *Vésuve*.

Máy ấy có hai phần rời nhau: một phần gọi là động-cơ hay là chuyển-cơ (*transmetteur*) là phần tiếp được và chuyển đi những sự rung-động dưới đất, bất-cứ động dọc hay động ngang; một phần gọi là tự-ký-biểu (*enregistreur*), để ghi rõ lấy lúc nào bắt đầu động và lúc nào thôi, cũng bất-cứ động dọc hay là động ngang.

Cái địa-chấn-biểu của ông PALMIERI đặt ở quan-sát - dài núi *Vésuve* tự

năm 1856 ; núi ấy thường hay động luôn, to nhỏ đến đâu máy cũng ghi được đều cả. Ở trường Đại-học thành Naples cũng có một cái cùng kiểu ấy.

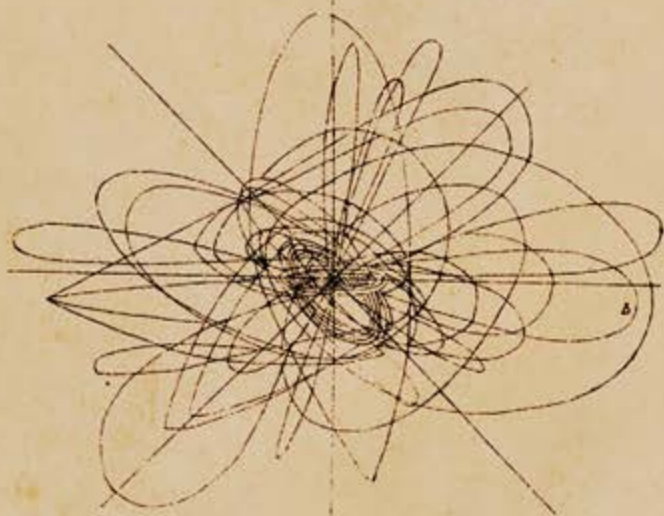
Ông MALVASIA, ở *Bologne*, lại chế được một cái địa-chấn-biểu báo trước được, khi nào đất hơi động thời có một hòn chì rơi vào cái ống, bấm vào cái cò súng, súng nổ lên cho người biết hiệu.

Lại một nhà bác-học nước Ý nữa tên là GALLI chế được một cái địa-chấn-biểu hình nhỏ, để vào trong cái khung bằng kính chừng 60, 70 phân cao, dùng tiện và nghiệm lắm, mỗi khi hơi có rung-động một tí, người ta không nhận biết, máy cũng thường ghi được. Những cái động nhỏ máy

ghi được mà người không biết như thế gọi là « vi-động » (*microséismes*).

Các nhà bác-học và kỹ-sư nước Pháp BOUCHET DE LA GRYE, LALLEMAND, CHESNEAU, v. v., cũng có công trong sự chế-tạo ấy. Ngày nay các máy địa-chấn-biểu đã hoàn-toàn tinh-xảo lắm, và ở các trường đại-học, thiên - văn - đài, quan-sát-sở ở các nước đều có cả, cho nên như mới rồi đây động đất tự Nhật - bản mà địa-chấn-biểu ở Paris và ở *Strasbourg* đều có ghi cả, đủ biết rằng máy ghi vừa nhạy mà động đất cũng vừa to vậy.

Sau đây là những đường vạch của địa - chấn - biểu kiểu Galli giữa khi động-đất thành Manille ngày 18 tháng 7 năm 1880.



Xem những đường cong-queo rối-rít đó thời biết cái hướng và cái sức động-đất thế nào.

Bởi sao mà thành ra động đất ?

Người ta thường tưởng rằng động đất là bởi núi lửa mà ra. Thực thời có hai thứ động đất : một thứ chính bởi núi lửa ra thật, nhưng thứ này ít, còn một thứ nhiều hơn thời lại phát-sinh ra những nơi không từng có núi lửa bao giờ.

Các nhà bác-học đồng-ý nhau về nguyên-nhân sự động đất bởi núi lửa mà ra. Nhưng về động đất ngoài núi thì mỗi người cất nghĩa một khác.

Nay trước ta hãy xét về động đất bởi núi lửa mà ra. Cái sức mạnh nó làm cho những bùn, nước, hơi nước, đá lửa, ở trong núi đá phun ra, tất cũng làm cho cả thân cái núi rung-động lên, mà sức ấy càng sâu càng mạnh bao nhiêu thời sự rung - động

lại càng dữ bấy nhiêu. Bởi sao mà sinh ra núi lửa ? Bởi dưới đất có những hơi nước, những khi nóng, những đá lửa đã đến một nhiệt-độ cao quá tức hơi phải bật bắn lên. Chính cái sức mạnh bắn lên ấy nó làm cho thân núi và các miền bên cạnh bị chấn-động lên. Sự chấn-động ấy cũng chẳng khác gì cái nồi nước nóng của ông PAPIN ; nước đun càng nóng, hơi nước bốc lên càng mạnh, thời cái vung nồi càng chuyển-động như muốn bật lên. Núi lửa cũng vậy : hơi núi càng bốc lên thì sườn núi càng rung-động, nhưng sự rung-động thường-thường chỉ khu ở một vùng núi ấy mà thôi, cũng có khi sườn núi thấy mà chân núi không thấy, trừ bao giờ trong núi phun lên mạnh quá thời mới lan-động ra cả các miền chung quanh.

Vậy thời có hẳn một hạng động đất liền với núi lửa ; nhưng mà cái khu vực của hạng này thường là nhỏ hẹp, và lại cũng ít khi phát-sinh ra. Còn hạng động đất khác, hoặc là hơi rung-động trên mặt đất, hoặc là chấn-động dữ-dội mà lan rộng ra một phần to trên địa-cầu, như động đất Nhật-bản mới rồi, thời nói rằng có quan-hệ với núi lửa hay là tuyệt-nhiên không quan-hệ gì với núi lửa cũng đều là không chắc hẳn cả. Thuộc về nguyên-nhân những sự động đất về hạng sau này thời ý-kiến của các nhà bác-học hãy còn phân-vân lắm.

Những nhà cho rằng động đất với núi lửa không có quan-hệ với nhau thời lấy chứng-cớ như sau này. Thứ nhất là những đất bị động thường ở xa núi lửa ; hay là ở gần núi lửa thời lại nhận ra những khi đất động phần nhiều vào giữa lúc núi yên. Cái đó thường nghiệm thấy ở đất *Andes*, đất *Equateur*, đất *Pérou*, đất *Chili*, là những nơi thật nhiều núi lửa và thật hay động đất. Ông HUMBOLDT nói rằng giữa

khi động-đất rất dữ ở *Riobamba*, bao nhiêu núi lửa bên cạnh đấy đều yên lặng cả. Song nếu cho núi phun lửa cũng tựa-hồ như cái cửa thông hơi cho cả một vùng ấy, thời đất động trong khi núi không phun không những không phải là một cái chứng-cớ rằng núi lửa với động đất không có quan-hệ với nhau, mà có lẽ lại chính là chứng-cớ rằng hai bên thật có quan-hệ với nhau vậy. Ông HUMBOLDT nói rằng : « Nếu đường thông núi lửa mà bị tắc lại, địa-tâm với không-khí ngoài không thông nhau được, thời hơi tức tất sinh ra động đất. Thường-thường những sự động đất to không có phát-sinh ra gần những nơi có núi lửa đương phun. »

Song tuy có nhiều sự động đất là đích-xác bởi núi lửa mà ra, không còn ngờ nữa, nhưng cũng có hẳn một hạng động đất thật không thấy dấu vết quan-hệ gì với núi lửa cả.

Ông BOUSSINGAULT nghiên-cứu riêng về miền *Andes* là nơi vừa có nhiều núi lửa, vừa thường hay động đất, cho rằng động đất ở xứ ấy không phải bởi núi lửa mà ra. Ông nói rằng : « Phần nhiều động đất ở miền *Cordillère des Andes*, tôi cho là bởi đất núi lún. Vì dãy núi ấy khi đột-khởi lên, chất đá đã rắn rồi, lớp nọ xếp lên lớp kia, chắc là chưa được kiên-cố lắm, không khỏi có xô-sệch mà thành ra đổ lún. »

Vậy thời theo ông BOUSSINGAULT, động đất là bởi đất lún. Tuy ông chỉ nghiệm riêng một vùng ở Nam Mỹ đó thôi, nhưng có nhiều nhà bác-học khác, như ông HOPKINS, ông VOLGER, khoáng-trương cái thuyết của ông ra mà cho rằng động đất ở nhiều các nơi khác cũng do một nguyên-nhân ấy mà ra.

Nhà địa-chất-học trứ-danh là ông

DAUBRÉE, nhân khảo-nghiệm về hồi động đất ở *Ischia*, có bảy cái ý-kiến của ông về các nguyên-nhân chung của sự động đất, xin tóm lược ý-kiến ấy như sau này.

Trước hết ông nói rằng động đất không phải là hạ đầu cũng phát-sinh ra ở trên mặt quả địa-cầu này đâu. Những xứ yên-đàn hơn nhất, như nước Pháp, nước Ii, một phần nước Nga, là những xứ các lớp đất bằng-phẳng và thẳng-thần hơn cả. Động đất giữ chỉ phát-sinh ra ở các miền đã kinh-quá những cuộc « loạn đất » và đột-khởi lên những núi non về thời-kỳ gần đây, như là *Italie, Sicile, Alpes*. Những khi động đất to, xét cái khu-vực động đất và cái giới-hạn đến đâu thời thấy như in vôi các đường núi, khiến cho nhiều nhà địa-chất-học như DANA, A. HEIM cho là động đất có quan-hệ với sự lập thành ra các dãy núi. Thuộc về « địa-kỳ » nào cũng thường nhận thấy các lớp đất đè ép lẫn nhau mà làm cho chỗ lún, chỗ dõ, chỗ vỡ, chỗ nứt. Các thời-kỳ trước đã thế, đến thời-kỳ nay chắc cũng thế, và ngoài mặt đất tuy coi ra yên-lặng, nhưng trong ruột đất thật lúc nào cũng chuyển-động. Mỗi ngày chuyển-dịch một tí, tất có ngày động to.

Ông DAUBRÉE cũng công-nhận cái thuyết của ông BOUSSINGAULT về đất lún, nhưng ông cho rằng chưa phải là cái nguyên-nhân chung của động đất. Theo ý ông thời cái nguyên-nhân chung ấy là ở cái sức bành-trướng (*tension*) của hơi nước khi đã đến một cái nhiệt-độ đủ làm cho đá chảy ra mà thành đá lửa (*laves*). Nước thấm vào các lớp đất sâu, gặp nhiệt-độ 400, 500°, có khi đến 1000° (là nhiệt-độ những đá lửa bắn ở núi lửa ra) thời bốc thành hơi hết. Hơi nước đã đến bậc nóng quá như thế thì cái sức mạnh nó vô - cùng. Ông DAUBRÉE đã thí-

nghiệm đun nước cho cực-kỳ nóng, hơi nước bốc lên mạnh đến nỗi làm vỡ được những ống chì dày 11 li, mà tiếng nổ như tiếng súng đại-bác. Ấy là nhiệt-độ mới có 450° và nước đun có mấy *centimètres cubes* mà thôi. Nay hơi nước ấy mà phát-sinh ra ở những lớp đất sâu, nhiệt-độ còn cao hơn nhiều, áp-lực còn mạnh hơn nhiều, thời thử nghĩ cái sức bành-trướng của nó sẽ đến thế nào.

Nhưng mà nước làm thế nào vào sâu như thế được? Hoặc là chảy rò những khe đá nứt, hoặc là thấm qua những chất đá xốp. Chỉ một cái sức thấm (*capillarité*) ấy cũng đủ làm cho nước lạnh từ trên mặt đất xuống được những lớp đất sâu ở dưới. Hoặc xuống thẳng ngay, hoặc còn qua những lớp nóng vừa mà còn hình nước, rồi mới đến những lớp nóng lắm mà vọt biến ra hơi nước có cái sức căng và sức nổ rất mạnh, dằng nào cũng là bởi cái bành-trướng-lực của hơi nước bị ép mạnh quá mà bật lên thành ra chuyển-động.

Ông DAUBRÉE không cho rằng động đất ở nơi có núi lửa với động đất ở nơi không có núi lửa là tuyệt-nhiên không quan-hệ với nhau. Vì dầu cho rằng động đất ở nơi không có núi lửa là bởi sự chuyển-dịch các lớp đá ở dưới đất mà ra, nhưng sự chuyển-dịch ấy lại là bởi cái sức khí nóng và hơi nước nó bật lên mà thành ra động, sức ấy chính là sức làm thành ra núi lửa. Và đã nhận ra những xứ nào các lớp đá bị nứt vỡ và chõng-chất loạn-sạ là những xứ hay có động đất; nhưng chính những đất ấy mới nhiều những khe cùng hốc, khiến cho nước chảy và thấm vào được sâu tới 20, 30 cây-lô-mét, là nơi nhiệt-độ đã cao lắm đủ làm cho nước bốc thành hơi và có sức bành-trướng mạnh, lại là nơi

thường ước-lượng ra động đất khởi-diễn từ đấy.

Nói tóm lại thời ông DAUBRÉE cho cái nguyên-nhân chung của động đất là ở cái sức bành-trướng của hơi nước cùng các khí khác ở dưới đất bị nóng quá và ép quá mà bật lên. Cái sức bành-trướng ấy mạnh vô-cùng, người ta không thể tư-lượng được. Nói rằng các lớp đá xô lùn chuyển-dịch mà thành ra động đất cũng có lẽ, nhưng nói rằng vì cái sức bành-trướng của các chất hơi mà thành ra lại còn có lẽ hơn, vì có thể mới giải được cái tính-cách riêng của động đất: là dậm-đật như có cái gậy mạnh mà chuyển đi; lại mãnh-liệt vô-cùng; lại liên-tiếp nhau luôn; lại phát-sinh ra ở một chỗ, thành ra chỗ nào đã động đất thời cứ động mãi.

Ông DAUBRÉE kết-luận một câu rằng: « Xem như thế thì động đất có lẽ là núi lửa không bật lên được, vì không có đường thông vậy ».

Có nhiều nhà bác-học gần đây như ông FUCHS thời vẫn phân-biệt hai thứ động đất: thứ có quan-hệ với núi lửa, và thứ không quan-hệ với núi lửa, cho hạng dưới là bởi sự chuyển-

dịch các lớp đá ở dưới đất, như cái thuyết ông BOUSSINGAULT ngày xưa.

Rút lại thời có hai cái thuyết để giải sự động đất: một thuyết BOUSSINGAULT cho động đất là bởi cái trọng-lực của địa - khối; một thuyết DAUBRÉE cho động đất là bởi cái trương-lực của hơi nước trong địa-tâm. Trong hai thuyết, thuyết nào là phải hơn? Ta không thể đoán-định được, song cứ ý-kiến của phần nhiều các nhà địa - chất - học, thời hai thuyết cùng đúng cả, nhưng thuyết DAUBRÉE có lẽ cai-quát hơn.

Đó là nói về nguyên-nhân những sự động đất lớn.

Còn những sự rung-động nhỏ trên mặt đất, thường người ta không nhận thấy mà chỉ có những máy rất tinh-xảo mới ghi được, thời có lẽ một là những cái vang động của những cái động chậm và ngầm ở dưới đất sâu; hai là ảnh-hưởng của sự biến-đổi ở trên không-khí, nhân cái áp-lực của khí trời khi mạnh khi nhẹ mà làm cho những lớp đất mềm-mỏng trên mặt bị chuyển-dịch đi ít nhiều chăng. Song đó còn là ức-thuyết, chưa lấy gì làm đích.

T.-C. biên-dịch



HỌC LÀ GÌ ? ⁽¹⁾

De même que tout individu constitué physiquement de façon moyenne peut courir, et *bien* courir, à condition de se servir méthodiquement de ses jambes et de ses poumons, — tout individu d'intelligence moyenne peut apprendre, et *bien* apprendre, à condition de se servir méthodiquement de son cerveau, de ses oreilles, de ses yeux.

MARCEL PRÉVOST

Người nào thân-thể bình-thường đều có thể chạy được, mà chạy được *giỏi*, miễn là phải biết dùng chân và dùng phổi cho phải phép, — người nào trí-tuệ bình-thường cũng đều có thể học được, mà học được *giỏi*, miễn là phải biết dùng óc và tai mắt cho phải phép.

上學以神聽。中學以心聽。下學以耳聽。耳聽者學在皮膚。心聽者學在腦肉。神聽者學在骨髓。(文子)

今人皆知砥礪其劍而弗知砥礪其身。夫學身之砥礪也。尸子

Bậc trên học lấy *thần* nghe, bậc giữa học lấy *tâm* nghe, bậc dưới học lấy *tai* nghe. Tai nghe thời học ở ngoài da, tâm nghe thời học ở trong thịt, thần nghe thời học đến tủy xương. (Văn-tử).

Người nay đều biết mài gươm mà không biết mài thân. Học là mài thân vậy. (Thi-tử).

* * *

Một đứa trẻ con mới sinh ra, nếu ta hỏi nó: — Ở đời cứ nằm yên một chỗ là sướng, hay là nên mở-mang cuộc đời mình ra là sướng? — chắc nó không trả lời được, và phải lâu năm nữa mới hiểu được ý-tứ câu hỏi ấy thế nào.

Nhưng mà câu hỏi ấy, nó đã thực-hành giải-quyết được rồi, dẫu không phải tự ý nó, thời cũng là Tạo-vật đã giải-quyết cho nó; là nghĩa thế này: tự khi nó mới tham-dự vào cuộc đời, nó đã hết sức tăng-tiến cho mình nó rồi. Cách nó tăng-tiến cho mình nó, là nó ăn cho lớn lên. Nó vừa sinh-tồn, lại

vừa thâu-thái những vật ở ngoại-giới mà sáp-nhập vào thân mình. Còn sống ngày nào thời còn làm như thế mãi.

Cái cách người ta hấp-thụ những vật-chất ở ngoài để tăng-trưởng thân-thể mình, với cái cách người ta hấp-thụ những cảm - tưởng ở ngoài để tăng-trưởng thần-trí mình, hai đáng thật giống nhau như hệt. Xét ngay tiếng thông-tục thường nói: « Nuôi trí mình ». (*Nourrir son esprit*). thời đủ biết. Vì hai cách nuôi mình cũng giống nhau. Nhưng mà cách nuôi thân-thể, chắc là dễ quan-sát, dễ kinh-nghiệm hơn cách nuôi tinh-

(1) Trích-dịch ở sách *L'Art d'apprendre* (Phép học thế nào?) của ông Hàn-lâm MARCEL PRÉVOST, xuất-bản ở hiệu Ernest Flammarion. Paris, năm 1922.

thần. Vậy trước ta hãy xét cách trên thế nào đã ; có lẽ nhân đó suy-loại mà biết được cách dưới.

Cái cách người ta nuôi thân-thể mình bằng sự ăn-uống, tuy vậy xưa nay cũng ít người nghiên-cứu cho đến nơi đến chốn. Đời xưa thăng-hoặc cũng có người bàn đến cái « triết-lý của sự ăn-uống » (*la philosophie de l'alimentation*): như chọn các đồ ăn cho ngon miệng, chia ra từng bữa cho điều-độ, điều-hòa các món, gia-giảm các vị, v. v. . . Lại cũng có người đã xét đến cái cách những đồ ăn khi đã nuốt vào rồi thời biến-hóa ra làm sao, nghĩa là cách tiêu-hóa ở trong ti-vị. Nhưng mà cái « kịch » nó diễn ra trong khi người ta đề ý-thức mà quyết-đấu với miếng ăn, nghĩa là trong lúc miếng ăn còn chưa qua khỏi miệng, còn thuộc quyền người sử-linh, thời xét ra mãi đến đầu thế-kỷ nay mới có người chú-ý nghiên-cứu đến và cho là một việc quan-hệ.

Người ấy không phải là một nhà bác-học như ông LISTER hay ông PASTEUR đâu. Người ấy chỉ là một ông thầy thuốc thường ở thành New-York. Nếu đọc tên ông cho các ông thầy thuốc nước Pháp, tất các ông ấy buồn cười mà cho là người tầm-thường không có tài-cán gì. Tuy vậy mà ông đã nổi danh to ; phàm người ta đã có danh tiếng, không phải là người đáng coi thường. Tên ông là HORACE FLETCHER.

Vậy ông lang Hoa-kỳ đó, rồi sau trở nên như một vị giáo-chủ, mấy triệu con người theo, một ngày tự nghĩ trong bụng rằng :

— Ta ăn. . . Chớ cứ làm sao ta lại ăn ? Ta ăn là để nuôi mình ta, nghĩa là để dung-hóa lấy những vật-chất nó bồi-bổ cho thân-thể ta. Nay miếng ăn sau khi đã qua cuống họng ta rồi thời nó biến-hóa thế nào, ta không thể biết được, ta không thể can-thiệp đến được.

Cái công việc u-ám ở trong ti-vị ta nó biến-hóa đồ ăn thành máu, thành thịt, thành mỡ, v. v. , thời đối với ta mờ-mịt như đêm tối cả. Chỉ có một phần việc là ta có đề ý-thức mà thôi, một phần việc là ta có quyền giám-đốc mà thôi, là cái phần nó bắt đầu tự ngoài môi mà cùng-tận ở đầu họng ; thời-hạn nó chỉ vừa trong khoảng ta nhai đồ ăn ở trong miệng. . . Vậy thời ta phải gia-công, phải chú-ý đề-nhật là vào cái thời-kỳ đó. Ta phải biết nhai cho thật kỹ, biết dùng cho thật kỹ cái hàm ta, cái lưỡi ta, cái « mái-trời » ta, răng ta, nước miếng ta, mà đến cả tư-tưởng ta nữa...

Ông nghĩ sao, ông làm vậy, và ai ai cũng có thể làm được như ông. Vì cái việc nhai ấy cũng là một việc dễ-dàng, ai muốn thí-nghiệm theo ông FLETCHER cũng được cả. Tôi dám khuyên các độc-giả nên bắt-chước ông FLETCHER. Sự nhai chính là một sự « thể-thao » hay, có ích cho việc tiêu-hóa lắm. Lại là một sự « thể-thao » có thể tổ cho ta biết cái phương-pháp nuôi tinh-thần thể nào, phương-pháp này tuy có bí-mật hơn, nhưng đại-đề cũng là giống như phép nuôi thân-thể vậy.

Trước hết, ta nhận ra rằng khi ta muốn nhai đồ ăn cho kỹ, thời cần phải *dụng-tâm* luôn mới được. Việc đó giản-dị như thế, thường không ai đề ý đến, tuế mà muốn làm cho cẩn-thận, cho đến nơi đến chốn, thời không thể cầu-thả được, không thể lười được. Môn-đồ ông FLETCHER (vì cái « đạo nhai » của ông truyền-bá ra, gần thành như một tôn-giáo, giáo-đồ tự-xưng là *Fletcheriens*) coi sự đó là một việc rất hệ-trọng, đến cấm trong khi nhai không được nói. Cái mệnh-lệnh của họ là : « đương thực bất ngôn ». Kỹ thể cũng có lẽ hơi quá thật ; nhưng mà phải biết rằng phần nhiều người thường hay nhai quấy nhai quá, vì rằng

nghiền miếng ăn cho thật kỹ, pha nước miếng cho vừa-vặn, để cho khi miếng ăn qua cổ thật nhuyễn thật mềm, như chất « kem » (*crème*) vậy, thật cũng là một việc phải dụng ý dụng sức nhiều, nghĩa là phải đề tâm-chí vào đấy. Thế mà xét ra phần nhiều người thời cái tâm-chí mềm yếu quá.

Đó là điều kinh-nghiệm thứ nhất; còn một điều thứ hai nữa, là nhai kỹ cần phải có thứ-tự. Nghe đâu phái *Fletcheriens* đã tính rõ mỗi miếng ăn phải đi lại trong khoang tự cuối miệng cho đến hàm răng mấy lượt mới thật là nghiền kỹ; lại ước-lượng mỗi miếng thịt hay mỗi miếng rau phải thấm mấy lần nước miếng mới thật là mềm là nhuyễn. Lại chiều đồng-hồ đo mỗi thìa « súp » hay mỗi thìa rượu « bia » phải nhai mất mấy mươi phút, vì theo phái ấy thì nước « súp » với rượu « bia » cũng cần phải nhai kia đó! Thôi thì ta cũng cho là họ làm quá; nhưng có một điều hiển-nhiên, ai cũng từng nhận, là trong một bàn tiệc rất lịch-sự nữa, thường thấy nhiều người ăn-uống nhồm-nhoàm, như nuốt lấy nuốt để, không có thứ-tự gì cả, mới gắp miếng thịt vào miệng chưa kịp nhai, đã tiếp ngay miếng bánh to-tướng, rồi lại kế theo một thỏi thịt nữa; trong mồm còn đương loạn - sạ như thế, tộp liền ngay một nửa cốc rượu *bourgogne*... Rõ gớm thật! ... Hỡi ông độc-giả tôi ơi, ông nên ra sức mà chỉnh-dốn lại cái cuộc hỗn-độn đó một chút; chỉnh-dốn được cũng vui, ông ạ, vì cái trật-tự là một sự hay. một sự thú; cái trật-tự là sự hạnh-phúc đó. Nhưng mà ông sẽ nhận ra rằng trong một việc nhai đó là việc thường làm quấy-quá, không đề ý đến bao giờ, nay muốn chỉnh-dốn cho có trật-tự, thống-hợp cho có điều-lý, cũng phải có suy-nghi, cũng phải có kỷ-luật

như là mọi sự cử-động khác, như nhảy múa, như thể-thao vậy. Nhai cho kỹ là một việc cần phải có thứ-tự.

Sau cùng, còn một điều kinh-nghiệm thứ ba nữa, là muốn nhai cho kỹ, thấy cũng lâu, lâu hơn là người ta thường nghĩ. Lâu cho đến nỗi những người thuộc về phái *Fletcheriens* mỗi bữa cơm phải phí ít ra là một giờ đồng-hồ, mà trong một giờ ấy chỉ ăn được bằng một phần ba ta thường ăn mỗi ngày theo cách cầu thả vội-vàng. Có người nói rằng đó là cái mưu khôn-ngoa của ông *FLETCHER*, truyền-bá ra cái « đạo mới » ấy là để dùng cách gián - tiếp mà hạn - chế cái thói ăn tham của người đương-thời. Thôi, ta cũng lại cho câu chuyện đó là một lời nói quá; nhưng mà ai cũng có thể tự mình nghiệm rằng muốn nhai cho kỹ, tất phải nhai lâu, phải cầu đến nhiều thì giờ, dù rằng tốt nhai khỏe mặc lòng. Mà có điều lạ thay, là người ta càng quen nhai thời lại có ý càng muốn nhai lâu. Vì rằng nhai kỹ không phải là một cái tài gì, chẳng qua là một sự chăm mà thôi. Dẫu người rằng tốt nhai khỏe cũng không thể vượt thời giờ mà lại nhai kỹ được.

...

Xem như thế thì người ta, lấy ý-thức mà quyết-đầu với cái vật-chất ở ngoài, để sáp-nhập nó vào thân-thể mình, muốn cho thắng được vật-chất, thời phải có ba cái yếu-tố như sau này: một là ý-chí, hai là trật-tự, ba là thời-giờ.

Đó là sự quyết-đầu với cái vật-chất hữu-hình; đến sự quyết-đầu với cái chất vô-hình của tư-tưởng để sáp-nhập nó vào tinh-thần trí-tuệ mình, thời đại-khái cũng là hết như thế, không khác gì.

Đã có một cái phương-pháp đề tiêu-hóa đồ ăn, thời cũng có một cái phương-

pháp để tiêu-hóa tư-tưởng. Cổ-ngữ La-mã có câu : « Tạo-vật không có bước nhảy bao giờ » (*Natura non facit saltus*), nghĩa là việc gì cũng phải dần-dà liên-tiếp, không có thể vọt-vàng hấp - tấp được; như thế thời cách tiêu-hóa tư-tưởng cũng không thể ngoài những phép - tắc của cách tiêu-hóa đồ ăn. Ta bằng-chứng suy-loại mà ta biết như thế; nhân kinh-nghiệm về việc ăn uống, mà có thể suy-nghiệm về việc tư-tưởng được.

Học là gì ? Học ấy chính là hấp - thụ lấy cái tư - tưởng nó sinh - thành ra ở ngoài ta, nghiền cái tư-tưởng ấy cho nó dễ thấu - nhập vào ta, tầm nó bằng cái tinh - dịch của trí - tuệ ta, khiến cho nó không phải là bạng-phụ vào trí ta mà thôi, lại phải sáp-nhập vào trí ta, đồng-hóa với trí ta, làm cho trí ta nhân đó được tăng-trưởng thêm lên (*Apprendre, c'est happer de la pensée née et formée hors de chez nous, c'est triturer cette idée jusqu'à ce qu'elle puisse aisément pénétrer en nous, c'est l'imbiber du fluide de notre propre esprit afin qu'elle ne se juxtapose pas seulement à notre esprit, mais qu'elle s'y infuse, qu'elle s'y assimile, qu'elle l'accroisse d'autant.*)

Làm một việc như thế thời phải dụng lực lắm, phải căng-trì lắm, phải gắng sức nhiều; học là một việc cần phải có ý-chí (*un acte de volonté*). Lại cần phải có phương - pháp cho chính-bị; nghiền cái tư-tưởng để cho nó sáp-nhập vào trí

minh được, không phải là một việc cầu-thả hấp-tấp; chính là một việc tối cần phải có TRẬT-TỰ. Sau nữa, cái tư-tưởng ở ngoài đến, không thể nghiền ra, thu vào ngay được. Chắc rằng người ta có người hàm răng mạnh hay yếu, nhai được chậm hay nhanh, thời cũng có người trí-tuệ sắc hay độn, nghiền tư-tưởng lâu hay chóng. Nhưng mà hàm răng mạnh đến đâu cũng phải có thì-giờ mới nhai được, trí-tuệ sắc đến đâu cũng phải có thì-giờ mới nghiền được. Vậy thời học cần phải có ý-chí, phải có trật-tự, lại phải có thì-giờ nữa.

Ý-chí, trật-tự, thời-giờ, đó là ba cái yếu-tố của sự học.

Kể học-giả mà kiêm được ba cái yếu-tố ấy thời cũng đáng làm môn-dồ ông FLETCHER về đường tinh - thần, có thể ngồi vào bàn tiệc tư-tưởng, nếm được những miếng ngon món tốt bổ cho trí-não mình.

Nói tóm-tắt lại thời sự học để nuôi cho trí-não cũng như sự ăn để nuôi cho thân-thể, hai bên đều là phải mượn của ngoại-giới để bổ vào cho mình, phương-pháp cũng là giống nhau, và có thể gồm trong một câu: ăn phải nhai, học phải nghĩ, nghĩ ắt là phải để trí vào sự học, phải xếp-đặt cho thứ-tự và phải nghiền-ngẫm cho lâu-dài, vị-chí là phải có ý-chí, có trật-tự và có thời-giờ vậy.

HỒNG-NHÂN dịch



QUAN TOÀN-QUYỀN MERLIN ĐỐI VỚI HỘI KHAI-TRÍ

Một bài học có giá-trị về dân-tộc-tiến-hóa

Hội Khai-Trí Tiến-Đức mới được quan Thống-sứ Bắc-kỳ giới-thiệu lên yết-kiến quan Toàn - quyền MERLIN. Một hội lớn như hội Khai-Trí, chủ-nghĩa chính là đề-huê Chính - phủ Bảo-hộ với quốc-dân Việt-Nam, không thể không tiếp mặt quan Thủ-hiến mới của bản-xứ, đề-trước là trình-bày cho ngài biết công-việc của Hội, sau là lĩnh ý ngài về mọi cái chính-sách khai-hóa của Qui-Bảo-hộ.

Ta vẫn biết tiếng quan Toàn-quyền MERLIN là một bậc hành-chính-quan rất có giá-trị của Qui-Chính-Phủ Dân-quốc. Ngài làm chức Toàn-quyền gần khắp các thuộc-địa của Đại-Pháp, việc thuộc-địa ngài thật sành - sỏi, không còn sót tí gì. Nay đã đến tột phẩm trong quan-giai, Qui-Chính-Phủ mới phái sang đây, là có ý đề ngài đem cái kinh-lịch bấy lâu mà ra sức mở-mang chấn-loát cho cõi thuộc-địa rất tốt-đẹp, rất qui-báu của Đại-Pháp này.

Ta vẫn biết thế, nên từ khi được tin quan MERLIN sang trọng-nhậm bên ta, ai ai cũng vững lòng mà trông-mong ở cái nhân-chính của Ngài.

Trong hai ba tháng ngài tới đây, ngài đã từng nhiều lần diễn - thuyết đáp lại các quan hay các hội Nông Thương của người Pháp chúc mừng ngài hoặc thỉnh-cầu ngài mọi việc. Nhưng mà chưa có dịp nào ngài nói riêng với quốc-dân ta và tỏ cho ta biết cái chính-kiến của ngài đối với dân-tộc An-nam thế nào.

Dịp ấy chính là buổi hội Khai - Trí lên yết-kiến ngài vậy. Trong các đoàn-thể của người Việt-Nam ta, tưởng Hội Khai-Trí là có tư-cách hơn nhất đề lĩnh-lược lấy ý-kiến của quan Thủ-hiến mà truyền-đạt cho cả quốc-dân

được biết. Chắc ngài cũng nghĩ như thế, nên ngài tiếp các quan viên trị-sự hàng hội một cách rất ân-cần, và ôn-tôn diễn-thuyết cho nghe trong hơn nửa giờ đồng-hồ, lời-lẽ có ý-vị vô-cùng, thật là ban cho một bài học có giá-trị về dân-tộc-tiến-hóa vậy. Một quan Toàn-quyền không phải là một ông giáo dạy triết - học, cũng không tất-nhiên phải là một nhà tư-tưởng. Nhưng ngoài cái tài hành-chính, ngoài cái trí thực-hành, ví lại kiêm có cả cái tư-tưởng cao về lẽ văn-minh của thế-giới, về phép tiến-hóa các nhân-quần, đề làm như cái chủ-não cho mọi sự thi-hành kiến - thiết trong chính-trị, thời một vị quan như thế có lẽ là đủ tư-cách làm một kẻ « mục-dân » đời nay vậy. Nghe quan Toàn-quyền MERLIN hiểu-du cho các quan-viên trị-sự Hội Khai-Trí, phảng-phất như có cái cảm-giác như thế.

Sau khi quan Thống-sứ Bắc-kỳ giới-thiệu mỗi người và kẻ tường về mục-dịch cùng công việc của hội Khai-Trí, quan Toàn-quyền ngồi lắng-lặng một lát, rồi mới bắt đầu nói. Mới thoát nghe đã hiểu ngay rằng không phải là những lời thù - tặc thường, những câu khẩu-đầu của các nhà chính-trị, nhưng là cái ý-tưởng thâm-thiết của một người lịch-lãm đã nhiều, đem cái bụng nghĩ thành - thực của mình nói ra những lời giản - dị, dễ cảm người. Không phải là lối hùng-biện ở nơi diễn-đàn, mà tựa-hồ như lối « giảng-nghĩa » của nhà bác-học.

Ngài nói thông-thả, rõ-ràng, ôn-tôn, uyên-chuyên, không làm ra giọng hùng-hồn, mà có cái khí-vị hùng-hồn, thật đúng như lời ông PASCAL nói : « Thực

hùng-biện không cần chi hùng-biện ».

Ngài nói đại-khái như sau này, ký-giả thuật lại đây cũng tự biết rằng còn lỗ - mỗ lắm, mười phần chữa được một phần. Ngài nói rằng :

— Tôi cảm ơn các ông đã cho tôi biết công việc của Hội các ông. Cứ như lời quan Thống-sứ vừa nói đó, thời cái chủ - nghĩa của Hội Khai- Tri hay lắm, hợp với ý-kiến của tôi lắm, tôi không thể không khen các ông đã khởi-xướng ra một công-cuộc có ích và mừng cho các ông làm được thành công. Hội các ông chủ-trương sự Pháp-Việt-tương-thân, Pháp-Việt - đề-huê, đề mở-mang cho nước Việt-Nam về đường tinh-thần, đường trí-thức. Quý-hóa thay cái mục-dịch đó ! Mà đẹp-đẽ thay bốn chữ Khai- Tri Tiến-Đức !

« Pháp-Việt-tương-thân ! Pháp-Việt- đề-huê ! Cuộc tương-thân, cuộc đề-huê trong hai dân hai nước đó, không phải mới có từ ngày nay, thực đã bắt đầu từ một thế-kỷ trước nay, hồi Đức-Cha Bách-da-lộc và các quân-quan Pháp sang giúp Đức Gia-long-đại-đế của qui-quốc đề gây-dựng cơ-nghiệp lớn. Người Pháp bắt đầu giao-thiệp với người Nam từ bấy giờ, và cái cảm-tình của người hai giống cũng gây ra từ bấy giờ. Từ đấy là mở cho nước Nam một cái thời-kỳ mới và một cái vận-mệnh mới.

« Nước các ông trong mấy mươi đời vẫn thuộc quyền cai-trị, quyền giáo-hóa của nước Tàu. Nước Tàu là một nước cổ văn-minh trong thế-giới. Tôi không có nói xấu cái văn-hóa nước Tàu, vì văn-hóa ấy không phải là không có phần tốt-đẹp, và chính các ông cũng đã từng được nhờ cái văn-hóa ấy nhiều. Nhưng nay các ông đã thoát-li ra ngoài rồi, lâu ngày đã thấy cái ảnh-hưởng của văn-hóa Tàu là nặng-nề quá, làm cho tiêu-mòn mất cả cái tinh-thần cổ-hữu của dân-tộc các ông, mà giốc lòng quyết-chí theo-

đòi về văn-minh học-thuật của Thái-Tây. Đương giữa cơ-hội ấy mà gặp được một cường-quốc văn-minh, vốn đã sâu có cái cảm-tình với nước các ông, như nước Pháp, sẵn lòng diu-giắt, che-chở, khuyên-nhủ, chỉ-bảo cho, há chẳng phải là một sự may-mắn cho các ông lắm dư ? Cứ bình-tĩnh mà nói, đứng giữa cái thế-giới cạnh-tranh này, giữa cái thế-giới « ưu thắng liệt bại » này, mà gặp-gỡ được như thế, quả là một sự may thật. Xưa kia, hồi nước các ông còn tự-chủ một mình, mấy khi là trong nước được thái-bình vô-sự: phi chống-cự với nước Tàu ở phía Bắc thời đánh nhau với người Chăm ở cõi Nam. Ấy là ngày xưa sự dân-tộc-cạnh-tranh chữa kịch - liệt như bây giờ, mà còn nguy-hiểm như thế đó, huống là ngày nay. Vì không có Đại-Pháp che-chở giữ-gìn cho, thời người Tàu nọ, người Xiêm kia, không kể còn nhiều các nước khác nữa phỏng có để cho các ông ở yên mà làm ăn đề mưu sự sinh-tồn tiến-hóa cho nòi-giống không ? Các ông xem-xét tình-thế trong thiên-hạ cũng đã hiểu cả, tôi không cần phải nói. Sự bảo-hộ của Đại-Pháp về đường vật-chất có ích-lợi cho nước các ông thế nào, các ông đã từng mục-kích mà biết cả, tôi cũng không cần phải nhắc lại làm gì.

« Duy về đường tinh-thần, hoặc-giả các ông còn có điều nghi-ngờ, áy-náy chút đỉnh chẳng. Hoặc-giả các ông sợ rằng các ông đã thoát-li được cái ảnh-hưởng nặng-nề của nước Tàu, ngày nay lại phải chịu cái ảnh-hưởng nặng - nề của nước Pháp, mà cái tinh-thần cổ-hữu, cái quốc-túy của các ông sẽ vì đó tiêu-diệt đi mất chẳng. Tôi thiết-tưởng sự lo sợ ấy không chánh-dáng. Không biết đối với nước khác thế nào, chứ đối với nước Pháp các ông không cần phải lo-sợ như thế. Nước Pháp chỉ có cảm-hóa người ta, chứ không có cưỡng-

hóa người ta bao giờ. Nước Pháp không có từng dem pháp-luật, chế-độ, phong-tục, ngôn-ngữ của mình mà bắt người các giống phải theo bao giờ. Chỉ có người các giống cảm cái văn-hóa của nước Pháp mà tự-nhiên theo thì có. Vậy thời về phần chúng tôi, các ông không phải lo-sợ gì chúng tôi xâm - phạm đến cái quốc - túy của các ông. Cái quốc - túy ấy có lẽ lại được nhờ chúng tôi mà nảy-nở ra tốt đẹp hơn xưa cũng có. Đó là một cái hiện - tượng đã từng trông thấy trong lịch-sử vạn-quốc.

« Không phải nói đâu xa, nói ngay nước Pháp chúng tôi, xưa cũng chịu ảnh-hưởng của La-mã, mà cái ảnh-hưởng ấy sâu-xa cho đến nỗi người *Gaulois* ngày xưa đồng-hóa theo như người La-mã vậy. Tưởng rằng giống *Gaulois* mất tiết hạnh, và không còn bao giờ nảy-nở ra một cái văn-minh *Gaulois* nữa. Thế mà không : không những giống *Gaulois* không bị diệt, mà người *Gaulois* lại được cảm-hóa cái văn-minh La-mã, mỗi ngày một biến-hóa dần đi, trong khoảng mấy thế-kỷ, nghiêm-nhiên dựng thành ra một dân-tộc mới, gây thành ra một cái xã-hội, một cái văn - minh, một cái tinh-thần, một cái quốc-túy mới, chính ở văn-hóa La-mã ra mà khác hẳn văn-hóa La-mã. Xét riêng về một khoa kiến-trúc, thuộc về phương-diện mỹ-thuật : lối kiến-trúc của nước Pháp hồi đầu là mô-phỏng của La-mã không có tinh-cách đặc-biệt gì ; nhất-biến thành ra lối *roman*, tuy còn phảng-phất cái qui-mô của La-mã, nhưng đã thoát-li mà biệt-lập ra một lối mỹ-thuật mới rồi ; nhất-biến nữa thành ra lối *gothique*, đẹp-đẽ vô-cùng, tinh-xảo vô - cùng, trang-nghiêm vô-cùng, vĩ - đại vô - cùng, mà không còn một tí gì giống La - mã nữa, cũng không có một tí gì giống mỹ - thuật nước nào cả, thật là một lối mỹ-thuật không-tiền khoáng-hậu, độc-nhất vô-

nhị trong thế-gian. Về mỹ-thuật như thế, về văn-học cũng thế, về pháp-luật chế-độ cũng thế. Nước Pháp về đường tinh-thần chính là thoát-thai ở La-mã ra mà rồi sau biệt-lập ra một lối văn-hóa, chẳng kém gì văn-hóa La-mã, mà có phần hơn cũng có.

« Các ông coi đó thời biết rằng hai dân-tộc tiếp-xúc nhau, không tất-nhiên là một bên bị đồng-hóa tiêu-diệt hẳn ; nếu có tinh-thần, có nghị-lực thời có thể mượn cái văn-hóa của nước hơn mình mà chấn-loát cái quốc-túy của mình, kết-quả có lẽ là gây ra được một cái văn-hóa mới sau này cũng nên.

« Vậy dân-tộc Việt-Nam đã gốc lòng cố chí theo đòi Đại-Pháp, thời cứ kiên tâm vững dạ, không phải ngần-ngại ăn-năn gì. Trong sự giao-thiệp người hai nước với nhau phải có bụng tương-thân, phải tỏ ý dè-huê, đừng dễ có điều gì hiềm-nghị, điều gì cách-trở. Tôi đây rất có lòng khoan-dung đối với người An-nam. Các ông cũng là một dân-tộc khá lớn, đã từng có một cuộc lịch-sử vẻ-vang. Tôi rất tôn-trọng cái văn-minh chế-độ cũ của các ông, vậy không phải trông thấy các ông thiết-tha gìn-giữ mà tôi mêch lòng đau. Các ông càng có bụng với nước các ông, tôi càng trọng. Miễn là giữ được cái giới-hạn chánh-đáng, dầu các ông quan-niệm đến quốc-gia, đến nòi giống. Chính-phủ cũng không việc gì mà quan-tâm.

« Cho nên tôi thấy các ông là những người đứng-đắn, có kiến-thức, có lịch-duyet, lập ra những hội như hội Khai-Tri này để mở-mang cho nòi giống các ông về đường tinh-thần, đường trí-tuệ, tôi lại vui mừng cho các ông lắm. Trong sự mở-mang ấy, các ông đã trông mong ở Chính-phủ, Chính-phủ sẽ sẵn lòng giúp các ông. Về phần tôi thời tuy tôi việc quan nhiều không thể trực-tiếp tham-dự công việc của các ông, nhưng

tôi thật là một lòng với các ông, và sẽ chú-ý giúp-dỡ, tương-lệ cho các ông. Các ông có thể trông cậy ở tôi được. Tôi rất có cảm-tình với dân An-nam lắm. Người ta muốn làm việc ích-lợi cho nhau, phải có cảm-tình với nhau mới được. Tôi lịch-lị đã nhiều nơi, cai-trị cũng nhiều giống, vì còn dễ được chút kỷ-niệm tốt trong dân-gian những xứ tôi đã ở qua, là vì đến đâu tôi cũng có cảm-tình với người dân, và tôi tưởng người dân cũng cảm-tình lại với tôi. Tôi mong rằng đến khi tôi rời xứ này, người dân ở đây cũng có chút kỷ-niệm với tôi như thế. Có cảm-tình với nhau thời làm gì cũng được : cái cảm - tình là cái động-lực mạnh lắm. Như Hội các ông gồm cả người Tây người Nam cùng nhau đồng-tâm hiệp-lực như thế này là hay lắm, hay lắm....»

Nhân nói về việc Đấu-xảo Mĩ-thuật ở hội Khai-Trí, quan Toàn-quyền nói tiếp rằng :

— Cái ý mở ra cuộc Đấu - xảo để tương-lệ cho mĩ-thuật bản-xứ là hay lắm, tôi khen các ông lắm. Bữa nào mở Đấu-xảo, các ông cho tôi biết, tôi sẽ thân-hành đến xem để công-nhiên tỏ cái cảm-tình của tôi đối với Hội các ông.

« Tôi xét ra dân An-nam là một dân cũng có tài riêng về các mĩ-thuật. Tôi đi kinh-lược từ Nam-kỳ đến Bắc-kỳ qua Trung-kỳ, tôi thấy có nhiều những đền-dài lăng-tẩm, nhiều những đồ-khi đồ-vật, có thể sánh với mĩ-thuật các nước không kém gì. Có nhiều cái đồ tượng để vào những nhà bảo-tàng bên Tây cũng là xứng-đáng lắm. Cái tinh-thần về mĩ-thuật ấy, các ông phải nên gìn-giữ lấy, nên di-dưỡng lấy, nên bồi - bổ lấy, vì phẩm - giá một dân-tộc phát-biểu ra ở đó. Những nghề đẹp lối khéo của đời trước, nên bảo-tồn lấy, đừng để cho mai-một đi mất, hoài của. Phải nên bắt chước Âu-tây mà sửa-sang cái hình-thức, cái phương-pháp, cái lễ-lối, cái cách làm, cho tiện-

lợi hơn, nhưng quyết không nên làm mất cái bản-sắc tinh-thần cũ, vì cái đó không thể nhất-dân gây-dựng ngay được. Thuộc về mĩ-thuật cần nhất là phải cho thành-thực (*probité artistique*), nghĩa là làm cho thật tinh, thật xảo, thật chuốt, thật nuột, và thứ nhất là đừng có mô-phỏng bầy mà làm sai mất cái bản-tính đi. Mĩ-thuật nước nào phải có cái đặc-sắc nước ấy. Mĩ-thuật nước Nam không thể giống mĩ-thuật nước Pháp được, và trái lại cũng thế. Mĩ - thuật An-nam phải có cái đặc-sắc An-nam. Cái đặc-sắc ấy, phải phát-biểu nó ra một cách rất khéo-léo, rất tài-tình, chứ đừng có phí công mà phóng-lại chép-lại của người, đẹp đến đâu cũng là của giả-dối, của bôi-bạc cả. Nếu các ông khuyên-nhủ được những nhà nghề An-nam làm theo cách như thế, nghĩa là giữ được cái bản-sắc An-nam mà lại tham-bác thêm những phương-thuật khéo đời nay, thời tôi chắc rằng mĩ-thuật nước Nam sẽ phát-dạt to.

« Hội các ông làm được những việc như thế là làm thêm danh-dự cho dân-tộc An-nam đó, mà làm thêm danh-dự cho dân-tộc An-nam, tức cũng được thơm lây cho Đại-Pháp, vì nhờ cái nhân - chinh của Đại - Pháp các ông mới được an-cư lạc-nghiep mà ra sức mở-mang cho nòi giống... »

Đó là những lời quan Toàn-quyền MERLIN hiểu-dụ cho các quan viên hội Khai-Trí. Tôi thuật lại đây, chắc là còn sai-sót nhiều, và không thể nào diễn được hết cái ý-vị thâm-trầm. Ngài nói có cái giọng ân-cần thành-thực, như tự trong lòng mà ra, chứ không phải là những câu mua-chuộc ngoài cửa miệng. Mà tư-tưởng cao biết bao nhiêu ! Tôi nói là « một bài học có giá-trị về dân-tộc-tiến-hóa », không phải là lời tán-tụng quá-đáng vậy. Mà trùng với cái lòng hi-vọng của ta biết dường nào ! Nước ta nhờ có quý-quốc giúp, sự tiến-bộ

về đường vật-chất đã trông thấy. Về đường tinh-thần, ta còn mong-mỏi ở qui-quốc nhiều hơn nữa. Qui-quốc là một nước đệ-nhất văn-minh trong thế-giới: ta mong nhờ cái văn-hóa tốt đẹp của qui-quốc mà chấn-loát cái tinh-thần cổ-hữu của giống ta, phát-biểu cái quốc-túy của ta, cho một ngày kia may ra gây được một lối văn-hóa mới, có thể gọi được là văn-hóa nước Nam chăng. Có lẽ đó cũng là một sự mộng-tưởng hoang-đường, nhưng mà một dân-tộc sống về sự-thực một phần, mà cũng sống về mộng-tưởng một phần vậy. Biết đâu đây? Vì dân ta không phải vào cái số liệt-bại, một ngày sẽ tiêu-diệt không còn dấu-tích trên mặt đất này nữa, vì còn có chút tinh-thần, chút nghị-lực, và vì qui-quốc thật thành-tâm khai-hóa cho ta, thời cái mộng-tưởng ấy cũng có ngày thành sự thực được.

Bởi ta trông-mong ở qui-quốc nhiều như thế, bởi ta ký-thác cả vận-mệnh giống nòi ta cho qui-quốc, nên thật có thể, quan Toàn-quyền nói phải lắm, một đôi khi ta cũng có bụng áy-náy, sợ rằng nay đã thoát-li được cái quyền áp-chế của nước Tàu về đường tinh-thần, lại chịu cái ảnh-hưởng của nước Pháp nặng-nề quá, thời cái tinh-thần, cái quốc-túy của ta có lẽ chung-kiếp phải ủy-mĩ mà không đời nào chấn-hưng khôi-sắc lên được. Tục-ngữ Tây có câu rằng: « Con mèo đã bị nước nóng, trông thấy nước lạnh cũng sợ. » Truyện ta cũng có câu rằng: « Phải tên nên vẫn sợ làn cây cong. » Ta đã từng chịu cái quyền giáo-hóa nước Tàu trong hai nghìn năm, đến mất cả tính-cách của dân-tộc, nay còn chưa hoàn hồn, nên vẫn còn lom-nớp sợ.

Nhưng mà nước Pháp không phải như nước Tàu. Như lời quan Toàn-quyền đã nói: nước Pháp chỉ cảm-hóa người ta, chứ không cưỡng-hóa người ta bao giờ. Nghe lời ngài nói, ta mới

vững lòng: ta không những không phải sợ rằng cái ảnh-hưởng của nước Pháp làm mất cái quốc-túy của nước ta, mà ta lại có thể mong nhờ văn-hóa nước Pháp mà chấn-loát được tinh-thần của ta, ngộ-hầu gây được một cái văn-hóa mới cho dân-tộc ta. Quan Toàn-quyền đã lấy ngay cái gương lịch-sử của qui-quốc mà phản-chiếu cho ta xem; việc trước đã hiển-nhiên như thế, việc sau còn phải ngần-ngại gì...

Nói tóm lại, các quan-viên Hội Khai-Trí được nghe cái bài học qui-hóa của quan Toàn-quyền, đều lấy làm cảm-động, ơn cái bụng ân-cần của ngài đối với Hội và phục cái chính khoan-dung của ngài đối với quốc-dân ta.

Về phần ký-giả thời khi ở phủ Toàn-quyền ra, tại đây còn văng-vẳng những lời hiền-dụ ân-cần của quan MERLIN, tự-nghĩ trong bụng rằng: nước ta trong khoảng mười năm nay, mới vào một thời-kỳ tiến-hóa mới, đã từng được biết mấy quan Toàn-quyền tỏ ra có bụng với dân ta: trước hết là quan SARRAUT sang trọng-nhậm giữa vào hồi cái cảm-tình hai nước chưa được đậm-thấm như bây giờ, ngài đã lấy tài hùng-biện mà tuyên-bố một cái chính-sách khai-hóa rất quảng-dại, rất khoan-dung, khiến cho không bao lâu thu-phục được dân, tâm trong nước; — kể đến quan LONG, thừa được nhân-tâm đã yên-ôn, chuyên-chủ về đường lý-tài kinh-tế-củng-cố cho cái thế-lực của cõi Đông-Pháp ở trên thị-trường thế-giới; — nay đến quan MERLIN sẽ tập đại-thành của hai quan trước, khoáng-trương cùng phát-dạt thêm ra, và cứ như lời tuyên-bố của ngài trên kia, tỏ ra một người đã thâm-hiếu cái triết-lý về sự tiến-hóa các dân-tộc, thời có lẽ ngài sẽ đề-xướng ra một cái dân-chính mới có ảnh-hưởng sâu-xa đến tiền-đồ quốc-dân ta vậy...

BÀN VỀ CHỮ DANH

(Dịch bài « Bắc-sơn di-văn » 北山移文)

Thế-gian xưa nay, có một chữ, là chữ danh, chẳng khác gì một vị thần rất tôn-qui, rất thanh-cao, mà phảng-phất bằng-hoàng ở trong cơn mê-mộng, ai ai cũng phải nhầm mịt mà lạy liêu, không ai đã hề có thoát khỏi được phạm-vi. Vị thần ấy không có hình không có ảnh, chỉ có cái tiếng hay xa mà có cái sức mạnh vô-dịch và vô-cùng, đập đổ trời đời như chơi, gây dựng cuộc đời cũng như bữa. Cao nên phương-ngôn ta có câu rằng: « Tốt danh hơn lành áo. » Áo đã không cần lành, thì thật có thể không cần báo, cơm có thể không cần ngon, cửa có thể không cần cao, nhà có thể không cần rộng, chức có thể không cần trọng, quan có thể không cần sang, tiền có thể không cần nhiều, vợ cũng có thể không cần đẹp, chỉ cần có một cái danh tốt ở đời đó thôi. Bởi vì con người ta cái danh đã tốt, thì dù cơm, dù áo, dù nhà, dù cửa, dù quan, dù chức, dù tiền, dù vợ, tự-nhiên ở đâu đâu nó đem đến; dù có muốn trái đời mà xua đi nữa, nhưng càng xua đi, thì nó lại càng chạy lại, khiến cho người ta ứng-tiếp bất-hạ, không có thể xua đi được. Vậy những kẻ hiền-nhân triết-sĩ xưa nay, chỉ có một cách tự mình yếm bứt cái danh nhất - thời đi, cho thói tục nó khỏi làm nhiều, để mà tu lấy cái danh vạn-thế đấy mà thôi, chứ không đi đâu mà thoát khỏi phạm-vi chữ danh được. Cái vị thần ấy, thật là một vị thần thượng-dẳng tối-linh, tuyệt-dịch tuyệt-dịch, vô-đối vô-đối vậy.

Tuy-nhiên, trong cõi đời xưa nay đối với vị thần ấy, cũng có sáu phái.

Một là phái bất-cầu-danh. Phái bất-cầu-danh, đại-đề là những người chính-nhân quán-tử, khi đem tài-nghệ ra cống-hiến cho thế-gian, đem tinh-mệch ra hi-sinh với xã-hội, chỉ biết có nghĩa-vụ mà thôi, như lẫu-lộn về chữ trung, có kẻ đầu mình là trung-thần, gánh vác lấy chữ hiếu, có kẻ đầu mình là hiếu-tử, đa-mang lấy chữ từ-ái, cũng có kẻ đầu mình là thiện-sĩ nuân-nhân, ham-mê về dờng sự-nghiệp, cũng có kẻ đầu mình là hào-kiệt anh-hùng. Mì cái danh trung-thần, hiếu-tử, thiện-sĩ, nhân-nhân, hào-kiệt, anh-hùng ấy, dù hiền hay là chẳng hiền, cũng mặc đời. Nhưng làm tôi mà trung, đi đâu mà mất được danh trung-thần; làm con mà hiếu, đi đâu mà mất được danh hiếu-tử; làm sĩ mà thiện, làm người mà nhân, đi đâu mà mất được danh thiện-sĩ nhân-nhân; cử-dộng mà hào-kiệt, chí-khí mà anh-hùng, đi đâu mà mất được danh hào-kiệt anh-hùng.

Hai là phái đào-danh. Đào-danh nghĩa là trốn danh như trốn giặc, tránh danh như tránh bần tránh dơ. Phái ấy nguyên không phải là phái tầm-thường, tài giản-hoặc cũng có tài tốt, phẩm giản-hoặc cũng có phẩm cao; chỉ vì thấy thói đời tệ-bạc, cuộc thế tanh-bành; ký-thủy giản đời, rồi ký-chung sinh ra bụng chán đời. Khi đã chán đời rồi, thì chỉ biết thanh-khiết lấy một thân, tự-do lấy một vũ-trụ, quên hẳn đi mất cái nghĩa-vụ ở đời. Người ta thấy danh thì mừng, phái ấy thấy danh thì sợ; người ta có danh thì phò, phái ấy có danh thì giấu; không biết gọi phái ấy là phái gì, xin gọi phái ấy là phái vô nợ đời.

Ba là phái hiếu-danh. Hiếu-danh là cái lòng ưu-mĩ và là cái thói thông-thường của loài người xưa nay vậy. Cho nên người đại-hiền đời Nam-Tống là ông Trần Viên có nói: « Người sĩ sinh ra ở sau đời tam-dại, chỉ sợ chẳng hiếu-danh. » Là ý cho sự hiếu-danh là cái mầm-mống phát-sinh ra mọi sự hành-động của loài người vậy. Duy cái danh sở-hiểu đó, phần nhiều là theo cái trào-lưu của thế-tục mà lên xuống. Sở-hiểu đã được chân-chính hay chưa, thì không dám chắc; nhưng chỉ chắc rằng người ấy đã biết có mùi đời, muốn tránh đường độc-ác mà lên cõi từ-bi, muốn tránh đường dẽ-tiện, mà lên cõi cao-qui, tuy chưa phải là một cái quả ngon trong xã-hội, nhưng cũng là một cái hạt tốt của nhân-quần. Những kẻ thường chê người ấy rằng: « Bác ấy chỉ hiếu-danh », lời chê ấy chỉ là thói bàng-quan tiểu-mạ đầy thời, chứ không phải là lời chính-dáng.

Bốn là phái úy-danh. Phái ấy nguyên không phải là người đã thuần-chính, nhưng còn có lương-tâm; như khi buồn đời cũng muốn làm dĩ, nhưng còn sợ người cười; khi túng mình cũng muốn ăn cắp, nhưng còn sợ người chê; khi thèm-thường cũng muốn làm sự bất-trung bất-nghĩa, để vợ lấy một vài phần phú-qui, tộp lấy một vài miếng đỉnh-chung, nhưng còn sợ người mắng. Phái ấy tuy không phải là phái thiện-nhân, nhưng cũng vì được có cái danh ở đời, nó rào giậu ngăn-ngừa, cho nên phái ấy còn đủ dắt-diu được lên đường thiện.

Năm là phái bất-cổ-danh. Phái ấy đại-khái là những người đại-ngu đại-ác, vô-liêm vô-sĩ. Phương-ngôn ta có câu rằng: « Gái dĩ già mồm. » Và câu rằng: « Diệc không sợ sùng. » Đó là cái chân-hình phái ấy. Lại Tống-sử có câu rằng: « Tiểu-mạ hoàn tha tiểu-mạ, hảo-quan hoàn ngã vi chi, » nghĩa

là cười mắng mặc người cười nể, quan sang ta cứ ta làm; đó là cái chân-tướng phái ấy. Phái ấy lấy nơi ô-trọc làm cõi sinh-nhai, cho nên những điều xấu-xa tội-ác, phái ấy vẫn cứ bản-nhiên mà làm; không ngôn-luận nào thiết được đến tai phái ấy, không danh-dự nào động được đến tâm phái ấy. Phái ấy là phái trầm-luân.

Sáu là phái giả-danh. Phái ấy không phải là phái trầm-luân, nhưng cũng không phải là phái lương-hảo. Phái ấy nguyên có một cái mục-dịch riêng thuộc về đường lợi-kỷ; lại đủ có cách tinh-khôn, khéo nghe ngóng thời-thế, đời xô về mặt nào, thì ngã về mặt ấy, đời chuốc về mầu nào, thì nhuộm về mầu ấy, để ăn cắp lấy danh-dự của đời. Khi ăn cắp danh-dự đó, không phải là có thành-tâm yêu mến gì danh-dự đâu, chẳng qua mượn cầu danh-dự, để đạt sang đến cõi vinh-lợi mà thôi. Khi đã được vinh-lợi rồi, thì cái chân-tướng vàng thau, sẽ bại-lộ ra, cũng không có thể giả mãi được.

Nói tóm lại, cái danh là cái lụy, nhưng con người ta đã sinh ra ở đời, tránh sao cho khỏi được lụy; chỉ bằng ta cứ thực-nhận ngay lấy chữ danh là chữ quý là hơn. Song người đời khi đối với chữ danh, có khi coi chữ danh như luồng không-khí (phái bất-cầu-danh), cũng có khi coi chữ danh như kẻ khấu-thù (phái đào-danh), cũng có khi coi chữ danh như ả mĩ-nhân (phái hiếu-danh), cũng có khi coi chữ danh như tòa tư-pháp (phái úy-danh), cũng có khi coi chữ danh như kẻ manh-lũng coi nhật-nguyệt lồi-dinh, kẻ điên-cuồng coi xiêm mũ quần áo (phái bất-cổ-danh), cũng có khi coi chữ danh như món đồ hàng, có thể đem ra buôn-bán đổi-thác mà lấy lợi (phái giả-danh).

Năm phái trên tuy có khác nhau,

nhưng dù phải dù trái, dù khôn dù dại, dù cao dù hèn, cái chân-tượng bao giờ cũng vẫn hiển-nhiên, cái bản-vị cũng không hề thay đổi. Duy một phái giả - danh, cái chân - tượng bao giờ cũng thấp - thoáng, chẳng khác gì cái ma - chơi ; cái bản - vị lại nhiều lúc đổi-thay, chẳng khác gì trò múa-dối. Tiên-thánh đầy mà phẩm-tục đầy, văn-minh đầy mà dã-man đầy, kim-ngọc đầy mà bại-như đầy, nga-mi đầy mà xú-diện đầy.

Đại-đề phái giả-danh khi ra đời có ba kiếp hóa-thân. Đệ-nhất-kiếp đứng về cái địa-vị thật sáng thật cao, đủ khiến cho người ta choáng mắt xiêu hồn. Đệ-nhi-kiếp đứng về cái địa-vị thật sang thật quý, đủ khiến cho người ta lệ lười lắc đầu. Đệ-tam-kiếp đứng về cái địa-vị thật dở, thật bẩn, thật xấu-xa, đủ khiến cho người ta muốn gần cũng không có thể mà gần, muốn gần cũng không có thể mà gần. Than ôi ! ai đặt ra chữ danh làm gì, để thiêu-não cho lòng người, vất-vả cho thân người, mà điều-đứng cho kiếp người thế nhỉ !

Xét cho kỹ ra, đời nào là đời không có kẻ giả-danh. Phương Đông ta khi xưa xã-hội trọng về đường nho-nhã ; xã-hội trọng về đường nào, thì tức danh-dự ở về đường ấy. Nay « chẳng tham ruộng cả ao liền, tham về cái bút cái nghiên anh đồ », cái danh-dự anh đồ tốt-đẹp biết là đường nào ; biết đâu lại không có kẻ giả-danh anh đồ để đạt cái hi-vọng có mình ước-ao đầy ru ? « Văn-thần thất-phẩm đã sang, vũ-thần thất-phẩm còn mang gươm hầu », cái danh-dự văn-thần qui-báu biết là đường nào, biết đâu lại không có kẻ giả-danh khoa-bảng để đạt cái mục-dịch triều-đình tôn-trọng đầy ru ?

Cho đến ngày nay, dồng tây tiến-hóa, bốn bề cạnh-tranh, xã-hội lại xô trọng về đường văn-minh, sinh ra ở

thế-kỷ thứ hai mươi này, đời hai chữ văn-minh, thì lấy gì làm danh-dự. Nay, « đi cho biết đó biết đây, ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn », biết đâu lại không có kẻ giả-danh du-học, giả-danh phái-bộ đầy ru ? « Nhiều điều học lấy giá-trương, người trong một nước thì thương nhau cùng », biết đâu lại không có kẻ giả-danh đồng-hào, giả-danh ái-quốc đầy ru ? Nay học-thuyết Lư-Thoa, mai ngu-ngôn Y-Sách, biết đâu lại không có kẻ giả-danh tư-tướng để nạt người ? Nay hội-dồng đầu phiếu, mai biên-bản thu cheo, biết đâu lại không có kẻ giả-danh cải-lương để tư-kỷ. Lại như danh-dự đại-biêu, ai bằng ông nghị-viên ; nhưng về đường lợi-dân ích-quốc, các ông nghị-viên có toàn hiền cả đấy không ? Danh-dự truyền - bá, ai bằng ông giáo - sư ; nhưng về đường luân-lý trí-thức, các ông giáo-sư có toàn biết cả đấy không ? Danh-dự trước-thuật, danh-dự hô-hào, ai bằng ông văn-sĩ ; nhưng về đường kinh-học sử-học, khoa-học triết-học, các ông văn-sĩ có toàn lĩnh-hội cả đấy không ? Danh-dự khuê-môn, danh-dự học-thức, ai bằng các cô nữ-học-sinh, nhưng về đường nữ-công, nữ-dung, nữ - ngôn, nữ - hạnh, các cô nữ-học có toàn giảng - tập cả đấy không ? Còn như thương-hội gián-hoặc cũng có cái thương-hội thủy-hợp mà chung-ly ; thư-xã gián-hoặc cũng có cái thư-xã hữu-danh mà vô-thực. Thậm-chi ông quan, cũng có ông quan buông ăn buông ngủ, buông tắm buông chơi, chỉ biết vệ-sinh lấy một mình cho dài-các. Có đào, cũng có có đào biếng sênh biếng phách, biếng hát biếng múa, chỉ biết nước-hoa cho thơm sặc mà lãng-lơ. Cuộc đời càng cạnh-tranh vô-cùng, thì cái thần giả-danh lại càng xuất-hiện vô-tận, nghĩ cũng nực cười thay ! mà cũng ngán thay !

Nay có một tích cổ trong lịch-sử

nước Chi-na, thuộc về phái giả-danh, xin kể ra đây để người đồng-bang ta cùng xem cái chân giả-danh ở phương Đông này có ghé-gồm hay không.

Đời bấy giờ là đời Lục-triều (Ngô, Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, khoảng ba trăm năm) thừa cái phong-tục suy-dồi của Hán-mạt di-truyền lại, tại triều quan to quan nhỏ, quan trong quan ngoài, hình như đã có giá tiền ấn-định, như bác Tuổi Liệt không công-trang gì, chỉ có tiền ba trăm vạn quan, mà cũng được ngất-ngưỡng làm cụ lớn Tư-đồ, vân-vân. Phương-ngôn ta có câu rằng « Quan gì quan tiền », thật là hợp với tình-cảnh đời ấy. Sĩ-phu ở đời bấy giờ đại-đề là những phường vô-sĩ, bốn-cạnh thành phong, trong hoạn-trường chẳng khác gì một chỗ thương-trường, mà ông quan cũng chẳng khác gì một chú lái, cái thế-lực đồng tiền bấy giờ đã có thể bài được kim-môn như bốn, nhập được tử-thất như chơi. Bấy giờ đã có kẻ thương đời làm ra bài *Tiền-thần-luận*, đã có câu rằng : « *Phàm kim chi nhân, duy tiền nhi dĩ* », nghĩa là khắp người đời nay, chỉ tiền mà thôi, không biết cái danh-dự là gì. Thiên-hạ thực đã không qui-trọng gì ông quan, mà cũng không qui-trọng gì anh có tiền nữa.

Lại nói đến nổi danh-dự ở đời bấy giờ, như anh Vương Nhuang rõ-ràng là danh-dự thất-hiến hãn-hoi, mà khi hiến-vinh rồi lại hóa ra một thằng đại-biền-lận, anh Vương Đôn rõ-ràng là danh-dự cần-vương hãn-hoi, mà khi phú-quí rồi, lại hóa ra một đứa kẻ-trộm già. Thiên-hạ lại không qui-trọng gì những cái danh-dự hảo-huyền ấy nữa.

Vậy thiên-hạ bấy giờ chỉ trọng những người cao-ân ở chốn sơn-lâm. Vì những người ấy thường có đức lạ tài cao, mà xử-thân ra ngoài cõi tục, không chịu a-dụ chen-chúc với đời.

Vả lại cái danh-dự ấy là cái danh-dự thanh-tu, cái danh-dự khổ-hạnh, cái danh-dự huyền-mặc, cái danh-dự cao-siêu, xưa nay chưa hề có kẻ giả-mạo. Cho nên thiên-hạ chỉ mong có những người như ông Y Doãn đi cây ở đồng Sần mà có tài ra giúp vua Thuang, ông Lã Vọng đi câu ở bến Vị mà có đức ra giúp vua Vũ, ông Gia-Cát Lượng xem sách ở trong chốn thảo-lư mà có tri-lược ra giúp vua Huyền-Đức, vân-vân.

Mà hiện ở đời Lục-triều, cũng có mấy người chân - chính cao-ân, đủ khiến cho người đời quý - trọng hãn-hoi ; như ông Tạ An-Thạch khi nằm khệnh ở Đông-sơn, chỉ tiêu-dao mấy tập giai-văn ở bên đình Minh-nguyệt, và thường-thức mấy cô kỹ nữ ở trong quán Bạch-vân, mà khi ra giúp đời, vừa nói một câu chuyện, đã lui được giặc Hoàn-Ôn, chưa đánh xong vân cờ, đã phá được quân Hồ - lỗ. Lại như ông Đào Hoảng-Cảnh ở núi Mao-sơn, chuyên-tinh về nghề thuốc, chỉ làm một vị lương - y đi chữa bệnh cho người, hiên-danh là người đạo-dức ; vua Lương Vũ-đế đón ra không chịu ra ; rồi trong nước có chính - sự gì to-lớn, vua tất sai người vào tận núi hỏi ông, đời gọi ông là « sơn-trung tề-tướng ». Đời mà không phụ những người cao-ân, thì những người cao-ân cũng không phụ gì đời. Thiên-hạ bấy giờ, trên đến triều-đình, dưới đến dư-luận, cho chỗ thâm-sơ là tổ hào-kiệt, coi người xử-sĩ như vị thần-minh, cái danh-dự ào-sĩ bấy giờ, tướng cũng chẳng khác gì cái danh-dự khoa-bảng ở nước ta hai-mươi năm về trước, và cái danh-dự văn-minh ở nước ta hai-mươi năm sau này vậy.

Bấy giờ có một thầy vô-danh hạ-sĩ là thầy Chu Ngung 周顒, hiệu thầy là Ngạn-luân ; về đường kinh-sử, thầy cũng hơi lồm-bồm ; về lối văn-chương,

thầy cũng hơi tập-tè ; thầy lại bập-bẹ cả nghĩa sắc - không, nghi-ngoáy cả nghề tiên-thuật nữa. Duy thầy nhất-sinh chỉ mơ-tưởng những sự làm quan, muốn theo về phái quyền mua chức tậu, thì thầy kiết-xác không có tiền ; muốn theo về phái hiếu cử liêm vời, thì thầy dở-dang không có đức ; muốn theo về phái thi nhau trong hội kiểm-cung, thì thầy dốt-dát không có máu ; muốn theo về phái vật nhau trong làng bút-nghiễn, thì thầy duềnh-doãng không có tài. Thầy mới nghĩ ra được một cách quý-quyết khôn-gioan, giả-cách từ-giã thế-sự, đi vào ở núi Bắc-sơn, chơi nước biếc, chơi non xanh, chơi trăng thanh, chơi gió mát ; cũng dầy vơi một bầu rượu thành, cũng nghèo-ngao mấy quyền kinh tiên ; cũng hái rau vi, dễ nếm mùi dật-dân ; cũng kết lá sen, dễ khoác áo đạo-sĩ ; cũng làm ra cách cao-ân, không thiết gì lợi-danh. Được ít lâu, quả-nhiên nổi tiếng là ân-sĩ. Triều-đình có chiếu-thư vào cầu, thầy ứng-chiến liền ra ; Triều-đình đặc-cách bổ-thụ cho thầy tri-huyện Hải-diêm. Thầy ở Hải-diêm, không nghe có chính-tích gì, chỉ thấy bụng thầy to, áo thầy sang, xe thầy đẹp mà thôi. Thầy nhiệm-chức mấy năm, mẫn lệ, được thăng-bổ vào làm quan Kinh, đường lại đi qua núi Bắc-sơn. Bấy giờ thầy buồn đời đã có lâu, thầy lại nhớ đến nơi chốn - vốn ngày xưa, thầy lại ghé thuyền vào qua chơi thăm núi. Khi đó, chẳng khác gì phường giả-danh nho-nhã bán Lễ-buôn Thi, khi hình-thể đã bành-bao rồi, lại xúng-xính mặc áo lam-bào, vào thăm miếu ông Không ông Mạnh. Lại chẳng khác gì phường giả-danh văn-minh, tò Âu diêm Á, khi tiền-bạc đã rủng-rinh rồi, lại ngất-ngưỡng ngự mây ô-lô, đến thăm tượng ông Lư ông Mông. Ông thần Bắc-sơn có thiêng, ầu cũng phải tức mình với chàng xuyên-diệp-ân-sĩ.

Ông Không, ông Mạnh, ông Lư, ông Mông có thiêng, ầu cũng phải tức cười về bác lái-buôn nho-nhã và ông thợ mã văn-minh.

Vậy đời bấy giờ có người danh-sĩ là ông Không Trĩ-Khuê, giận đời, thảo ra một bài *Bắc-sơn di-văn*, làm ra lời ông thần núi đưa thư cho nhau, kể ra cái sự-trạng chân-giã, và cái tình-cảnh núi non, rồi khuyên nhau đuổi cái chàng xuyên-diệp-ân-sĩ ấy ra, không cho gần núi nữa. Mà văn-chương lại tôn-nghiêm khoáng-chá, và thế-thiết lâm-ly ; khiến cho thần núi còn tôn, phẩm núi còn cao, nghìn năm trông vào, giá núi mới định. Lại khiến cho những phái giả-danh ở muôn đời, không có thể còn giấu được phế-can, mà phô được kỹ-dạng nữa ; thực là một bài văn kiệt-tác ở đời Lục-Triều. Nay xin căn dịch ra đây, để phụ-chứng về sự giả-danh như sau.

北山移文

Lời văn thần Bắc-sơn đưa cho nhau

六朝人孔稚圭

Của ông KHÔNG TRĨ-KHUÊ đời Lục-Triều

(Bài văn này chia ra làm mười sáu đoạn)

I

(Thần núi đưa thư)

鍾山之英。

草堂之靈。

Chung-sơn một mái thảo-đường,
Chẳng thần nhưng cũng nên dường anh-linh.

馳煙驛路。

勒移山庭。

Gần xa cho thấu sự-tinh,
Ruổi mây thẳng lối sơn-dinh đưa thư.

II

(Hạng đệ-nhất cao-siêu, chân-chính ân-sĩ, thần những ước-ao)

夫以。耿介拔俗之標。
瀟灑出塵之想。

Kề người thoát tục khi xưa,
Lòng tiên tiêu-sái chẳng dơ bụi trần.

度白雪以方潔。

干青雲而直上。

Thân kia bạch-tuyết là thân,
Tinh kia độ với thanh-vân là tinh.

吾方知之矣。

Rõ màu cao-khiết rành-rành,
Non xanh kết-nghĩa, sẽ mình với ta.

III

(Hạng đệ-nhị cao-siêu, chân-chính ân-sĩ thần cũng mong-mỏi)

若其。亭亭物表。

皎皎霞外。

Lại người cao gót lánh xa,
Tiêu-dao ngoài thú yên-hà mà chơi.

芥千金而不盼。

屣萬乘其如脫。

Vàng nghìn, coi hạt cải rơi,
Xe muôn cỗ nữa, cũng coi dèp thừa.

聞鳳吹於洛浦。

值薪歌於延瀨。

Sông Diên nước chảy lừ-dừ,
Vào rừng hái củi đó giờ những ai?

Phượng-xuy nhớ khúc vô hoài,
Ai về bến Lạc nhẩn người tri-âm.

固亦有焉。

Có cồ-độ, có tràng-lâm,
Có chẳng đồng-diệu đồng-tâm có người.

IV

(Hạng giả-danh ân-sĩ, thủy chung bất-nhất, thần vốn không ngờ.)

豈期。終始參差。

芥黃反覆。

Ngờ đâu những thói dòng-dải,
Nay vàng mai tía đổi lời trước sau.

淚翟子之悲。

慟朱公之哭。

Tơ chia đen trắng mấy màu,
Đường chia nam bắc biết đâu mà dò.
Làm cho thầy Định thầy Chu,
Thương đời nên nổi rơi châu mấy lần.

乍迴遶以心染。

或先貞而後黷。

何其謬哉。

Trước sao băng-tuyết in ngần,
Giờ sao nét tục hơi trần khó coi,
Tích tâm, tâm tích nực cười,
Con người như thế là người lắm to.

V

(Thần tự than núi chửu có người chơi.)

嗚呼。尙生不存。

仲氏既往。

Than-ôi! kẻ khá đời xưa,
Thượng-sinh, Trọng-thị bây giờ ở đâu?

山阿寂寞。

千載誰賞。

Non xanh vắng-vẽ trăm chiều,
Nghìn năm vắng-dặc ai vào thăm chơi.

VI

(Chân-tướng thầy Chu.)

世有周子。

儻俗之士。

Thầy Chu tấp-tênh ra đời,
Nửa thanh nửa tục pha mùi tục tỵn.

既 文 既 博。

亦 玄 亦 史。

Cũng văn, cũng sử, cũng huyền,
Cũng phùng kim-cổ thánh-hiền lâu thông.

然 而。學 通 東 魯。

習 隱 南 郭。

Cũng môn Quách, Lỗ nam đông,
Theo thầy cũng học lấy dòng ân-luân.

竊 吹 草 堂。

濫 巾 北 嶽。

Tò-mò cũng sáo cũng khăn,
Cũng tiên Bắc-nhạc cũng thần Thảo-lư.

誘 我 松 桂。

欺 我 雲 壑。

Trên thông, dõ quế ỡm-ờ,
Đã buồn cả hốc lại lừa cả mây.

難 假 容 於 江 皋。

乃 纓 情 於 好 爵。

Nước non dững-dính bấy chầy,
Ngựa xe gặp ghé những ngày quan sang.

VII

(Tả cái giả-dạng khi thầy Chu
mới vào núi)

其 始 至 也。

將 欲。排 巢 父。拉 許 由。

Từ phen thầy mới vào hang,
Cũng toan ngắt-nguổng nạt phùng Sào, Do.

傲 百 氏。蔑 王 侯。

Nghìn xưa ai kém ai đâu,
Chẳng vương, chẳng bá, chẳng hầu, chẳng
khánh.

風 情 張 日。

霜 氣 橫 秋。

Góm-ghe là khi là tình,
Tình lay bóng nhạt khi hoành hơi thu.

或 歎 幽 人 長 往。

或 怨 王 孫 不 遊。

Ngậm-ngùi ai kẻ đồng-du ?
Vương-tôn dật-khách ai hồ dễ ai.

談 空 空 於 釋 部。

厭 玄 玄 於 道 流。

務 光 何 足 比。

涓 子 不 能 儔。

Vụ-Quang, Quyên-lữ mấy người,
Bàn kinh nói kệ dố ai bằng thầy.

VIII

(Tả cái xử-thái khi thầy Chu tiếp sứ ra núi)

及 其。鳴 鶴 入 谷。

鶴 書 赴 隴。

形 馳 魄 散。

志 變 神 動。

Hang sâu thán thán ngày ngày,
Ngựa trời dẫu đã đường mây sớm vào.

Hạc-thư đưa đến nguồn đào,
Mừng-mừng rõ-rõ hồn xiêu phách rời.

爾 乃。眉 軒 席 次。

袂 聳 篷 上。

Thầy dà nói nói cười cười,
Khi nói mặt nở, khi cười tay giờ.

焚 芟 裂 而 裂 荷 衣。

抗 塵 容 而 走 俗 狀。

Áo sen quần áo thừa xưa,
Thừa xưa may lấy bấy giờ xé đi.

Tiền chi, phật nữa mà chi,
Đầy trần đầy tục đầy thì quan sang !

IX

(Tả cái tình-cảnh khi thầy Chu bước ra
đi, núi-non buồn-bã ngơ-ngác)

風 雲 淒 其 帶 憤。

泉 石 咽 而 下 館。

Gió mây những giận cùng hờn,
Đá tro khối thảm, suối tuôn mạch sầu

望林帶而有失。
顧草木而如喪。

Trông ai nào thấy ai đâu,
Cỏ cây non nước một màu buồn tênh!

X

(Tả cái thái-trạng thầy Chu tất-tả về sự
phủ-qui, mỗi-một về đường lợi-danh)

至其。紐金章。綰墨綬。
跨鵬城之雄。
冠百里之首。

Ấn vàng dây mực bên mình,
Khóa then khi đã quận thành về-vang.

張英風於海甸。
馳妙譽於浙右。
道軼長檣。
法筵久埋。

Khi Hải-diện, khi Tích-giang.
Tiên-thư một đục, đạo - đường nhện
vương

岐撲讀諱犯其慮。
牒訴倥偬裝其懷。

Khi ra, khi vô vội-vàng,
Khi đập, khi thét, khi tường, khi phê.

琴歌既斷。
酒賦無續。

Cuộc chơi dẫu lúc bộn-bề.
Cầm-ca từ-phủ nhăng nghề phong-lưu.

常綢繆於結課。
每紛綸於折獄。

Văn thư ngày tháng giục mau,
Kiện thảo ngày hồi, lẽ thảo đêm bàn.

龍張趙於往闕。
架卓魯於前鋒。

Sớm chiều công-trạng lo-toan,
Thua Trầm Trác, Lỗ, được ngàn Triệu,
Trương.

希蹤三輔豪。
馳聲九州牧。

Bôn-xu trong lợi-danh tràng,
Lăm-le Tam-phụ, mơ màng Cửu-châu.

XI

(Tả cái tình-cảnh thầy Chu đi vắng, núi
non lạnh-lẽo, hạc oán viên sầu.)

使其。高霞孤映。
明月獨舉。

Đề cho cảnh cũ bấy lâu,
Sớm khuya dằng tù trắng rầu vì ai.

青松落蔭。
白雲誰侶。

Thông kia xanh ngắt ai chơi,
Mây kia trắng-xóa ai người cố-tri.

磻戶摧絕無與歸。
石徑荒涼徒延佇。

Vắng teo đường đá cửa khe,
Đợi ai ai đợi đi về đợi ai.

至於。還颺入幕。
寫霧出櫺。

Bề bàng mây núi hôm mai,
Màn trong gió cuốn, cột ngoài vụ tuyền.

蕙帳空兮夜鶴怨。
山人去兮曉猿驚。

Người đi, xui cảnh nên buồn,
Hạc pha giọng oán, vượn đồn trận kinh.

昔聞投簪逸海岸。
今見解蘭塵縛纓。

Thầy xưa nước biếc non xanh,
Thầy nay buộc lấy trần-anh lạ đời.

XII

(Tả cái tình - hình núi non cười mắng
thầy Chu, trách-móc thầy Chu, và hồ-thẹn
ngao-ngán vì thầy Chu.)

於是。南嶽獻嘲。

北隴騰笑。

列壑爭譏。

攢峯策諍。

Vậy nên núi mĩa non cười,
Bay tin nhả gió, tung lời gửi mây.
Bắc nam lũng nọ thung này,
Chê thầy tở bợm, mắng thầy con buôn.

慨遊子之我欺。

悲無人以赴弔。

Nghĩ điều mắc-hợp mà buồn,
Cùng ai giải tỏ nguồn-con sự đời.

故其。林慚無盡。

澗愧不歇。

Suối rừng dơ-duốc vì ai,
Đã nay ngơ-ngần lại mai then-thò.

秋桂遺風。

春羅罷月。

Xuân thu cỏ dọi hoa chờ,
Quế ngao-ngân gió, lá hồ-hững trăng.

騁西山之逸議。

馳東泉之素謁。

Nói ai, ai biết mà rằng,
Tây sơn Đông-nhạc tỏ chừng cho hay.

XIII

(Kể thầy Chu khi hiển-vinh rồi, lại vào
qua chơi thăm núi.)

今又。促裝下邑。

浪棹上京。

雖投情於魏闕。

或假步於山扃。

Tình-cờ lại gặp hôm nay,
Thầy Chu xuống huyện định ngày lên kinh.

Chiếc thuyền dờ bến thênh-thênh,
Tiện đường nhập-khuyết thăm tình cố-sơn.

XIV

(Kể ý thần núi không muốn tiếp-mặt thầy
Chu).

豈可使。芳杜厚顏。

薛荔蒙恥。

Chớ nên, xin chớ có nên,
Cỏ hoa luống dề mảy phen mặt dày.

碧嶺再辱。

丹崖重滓。

Núi non xỉ-nhục bầy chà,
Làm chỉ lơ-lão phen này gặp nhau.

塵遊躅於蕙路。

汗綠池以洗耳。

Ngõ thơm ai chớ đi vào,
Tai trần ai chớ rửa ao lục-trì.

XV

(Thần núi khuyên nhau đuổi thầy Chu ra).

宜。扁舳幌。掩雲關。

歛輕霧。藏鳴湍。

Ấy nên cửa động mây che,
Đầu non sương khóa, mặt khe nước ngừng.

截來軒於谷口。

杜妄轡於郊端。

Đề cho góc núi bên rừng,
Xe trần ngựa lục nó dừng bạ-men.

XVI

(Cỏ cây phụng-lịnh thần núi, thực-hành
về sự đuổi thầy Chu ra, không cho gần núi
nữa).

於是。叢條瞋胆。

疊嶺怒魄。

Cỏ cây trăm giện nghìn hồn.
Cành vung lá dập nổi cơn tam-bành.

或飛柯以折翰。

乍低枝而掃迹。

Bình xe vụt gãy thì cành
Lá thì quét sạch-sánh-sánh vệt trần.

請迴俗士駕。

爲君謝逋客。

Mời ông bỏ-khách lui chân,
Từ đây kẻ tục chớ gần non tiên!

HOÀI-NAM CA-KHÚC⁽¹⁾

懷南歌曲

(Của cụ HOÀNG QUANG, hiệu là Thai-dương-xử-sĩ,
về đời Nguyễn-sơ, nguyên-soạn).

III

Tế thời lụy ứa chéo khăn,
Tưởng trong hai chữ « vận tuần » mà
ngâm.

Loạn này hầu dễ mấy năm ?
Hay là đổi trị hai trăm có thừa (2) ?
Có đâu trái mấy nắng mưa,
Bao nhiêu ách-tắc như xưa hãy còn.
Bây giờ mới biết lẽ khó,
Đắng cay phải chịu, ngọt ngon dễ nài.
Ra đàng những thấy chóng gai,
Đất trời chẳng rộng, trách ai hẹp-hòi.
Có đâu oan-nghiệp luân-hồi,
Thế-gian rằng có lẽ trời ở mô ?

No thời quá ngắn chi no,
Chớ mơ bị thóc mà mua sáu đồng.
Khó nghèo ở lỗ đã xong,
Giàu sang coi lại chẳng thông ở trường.
Khôn-ngon cũng giống diên cường,
Phong-quang nào phải buồng tuồng
Ai làm thất-sở sanh-sơ, [như xưa.
Thân ta như ốc ngằn-ngờ lộn hồn (3).
Giả ơn nhân-nghĩa muôn ơn,
Đã khô máu mỡ, chi còn tằm hơi.
Chua cay đắng xót lòng người,
Một ngày không chứa trăm nơi dậy loạn.
Chiêu-binh giả lập Hoàng-tôn,
Quan nghe huyện Mộc, đóng đồn Ba-
lâm (4).

Đánh nhau cướp bóc âm-âm,
Kẻ tranh khâm-ly, người làm tham.
Khéo là rước oán mua cừu, [muru.
Chuột bầy đào lỗ dễ hầu chi nên.
Đua bơi hơi sức cho phiền,
Hết chèo Cam-lộ, cùng thuyền Thủy-ba.
Chẳng hay tài-cán chi ta,
Chọc ong võ-vẽ, hỡi dả ích chi.
Nào câu : « Địa-lợi, thiên-thi »,
Lấy lưng chú Táo, mưu kỳ ông Tham.
Chẳng chờ thời-thế khả làm,
Những riêng tri-tuệ, những ham cay
bừa (5).

Một mình hầu dễ mấy thờ,
Bao nhiêu thảo-mộc, hầu chờ phong-
Chẳng thi tứ-thú làm dân, [vân.
Gỗ tròn có sức thi lẫn mặc lòng.
Sao như cá chậu, chim lồng,
Khó đã cay đắng giàu cùng khúc-nôi.
Há rằng khó cực mà thôi,
Giàu bao nhiêu dễ dặng ngồi mà ăn.
Bán buôn cho nhọc tấm thân,
Ở kiệm, ăn cần, nào hẳn của ta.
Thí nghèo xưa chẳng rộng ra,
Giữ tiền làm mọi rày dả ích chi.
Sang giàu tích dặng mấy thì,
Giá ngàn buổi sớm, tà-huy (6) ban
Khen ai bày đặt cờ trên, [chiều.

(1) Xem N.-P. số 74, 75.

(2) Từ năm Mậu-ngọ (1538) đức Thái-tổ Gia-dụ vào trấn Thuận-hóa, đến năm Ất-tị (1777) đức Duệ-Tôn Hiếu-dinh chạy vào Nam-kỳ kể được 219 năm.

(3) Lộn hồn có bản chép là mượn hồn.

(4) Khi ấy Hoàng-tôn bị Tây-sơn bắt, giả-tò tòa lập làm vua. Có tên huyện Mộc người Quảng-trị huyện Hải-lăng, chiêu-tập binh-mã, cứ đạo Cam-lộ, chống nhau với quân Trịnh, nhưng mà rồi cũng phải thua.

(5) Sách Mạnh-tử có câu : « Hữu tư-cơ bất như đãi thời, hữu trí-tuệ bất như thừa-thế » 有礎基不如待時。有智慧不如乘勢。Đây là nói không biết chờ thời-thế, chỉ cậy trí-tuệ, tư-cơ.

(6) Tà-huy là mặt trời xế chiều, câu này là nói giá ngàn buổi sớm rồi lại tan, mặt trời xế chiều rồi lại lặn, nghĩa là không được sang giàu mấy lúc.

Xúc lòng kẻ cướp, mỗ đều đánh răn.

Ở đâu chẳng chứa trị dân,
Con không cha mẹ, cô-bần ai thương?

Đau lòng mượn lấy văn-chương,
Xúc ngấm một văn kẻ thương sự đời:

Thương đời loạn! thương đời loạn!
Chẳng qua thiên-ý đánh xui; hay nổi nhân-mưu thất toan.

Năm qui-tị tháng chín, tai mới nghe Tây-giáp lỏng trị (1).

Sang giáp-ngọ tháng năm, tờ lại thấy Bắc-hà phản-gián.

Ngờ như năm trước, nói vậy lại qua;
Ai ngờ phen này, tướng thôi hóa lẫn.

Cửa lũy Thầy sát mà một; hai mươi: một
tháng chín, bỗng dà binh-giáp thẳng xông.

Thành Phú-xuân vàng mà phai; hai-mươi
lăm tháng chạp, phút thấy điện dài vi-soán (2)

Cảm thương sự nghiệp sinh-sơ; xiết nỗi
chưa tới ly-tân.

Mong bốn tháng giêng mới chày; quân
bỏ thuyền, đều lấy bạc vàng.

Nghìn ngày nợ nước nợ quên; tôi bỏ chùa,
lành vòng lên đạn.

Tướng nhiều người hưởng thừa thái bình,
dặng mấy kẻ cùng khi hoạn-nạn.

Ăn cây nào rào cây nấy; chẳng thấy
ngoan-dân nhà Châu (3).

Đặng buông nọ bỏ buông kia; đều những
Đình-công nhà Hán (4).

Ắt khéo là kinh-thảo thừa tất-phong;

Ắt khéo là thành-thần khi bản-dăng (5).

Kia Diên-thị đem về Tề-địa; thế đã
nghe hơn bảy-mươi thành (6).

Nọ Doãn-công bền giữ Tấn-dương; thành
chẳng lụt còn ba tấm ván (7).

Huống nay bảy phủ hãy còn (8), trách
bấy một người chẳng dặng.

Son nữ để cho phai thơ; thiết nữ xui cho
mục khoán.

Cấm cảnh thay! Ao lạnh, vạc nghiêng,
thành xiêu, ngôi tán.

Chốn Tiêu-tương tám cảnh, chẳng còn
nghe dỗi ca phụng, nổi thuyền rồng.

Miền cung-cấm chín trùng, luống những
thấy phất cờ tau, bày trận nhạn.

Đoài chéch-mác ghé dặng; tường xót-xa
đòi đoạn!

Nhà Tôn-miêu tan tành đồ trọng-khi; chéch
vu hương, nghiêng bát nước, đồ bản thờ.

Chốn phủ-làng thâu góp của danh-lam;
những xanh vạc, lại đồ đồng thối rồng-răng.

Ấy xã-tắc xiết chỉ là khuru-khư (9); ấy
sinh-dân xiết chỉ là đồ-thần!

Gẫm lẽ thiệt « hoán chủ gian, tan con
nghé », ai ngờ ta không thừa mẹ cha.

Tử thân hư « như con cá bỏ rỏ đơm »,
ai ngờ ta khác chưng thồ-sân.

Chỉ huy cờ đã về tay; sinh sát đao cầm
đàng cán.

(1) Đời Hán dân Bội-bãi nổi loạn, vì cũng như đứa trẻ con bừa đồ giáp-binh ở chốn Hoàng-trị; câu này là nói Tây-sơn nổi loạn.

(2) « Vi soán » là vây cướp, câu này là nói quân Trịnh vào vây cướp Phú-xuân.

(3) Ngoan-dân nhà Châu vốn là lương-dân nhà Thương, khi Châu lấy nhà Thương mà dân vẫn nhớ vua cũ nhà Thương, không chịu vua mới.

(4) Đình-Công là tôi Hạng-Vũ, bắt được Hán Bái-công mà lại tha; sau lại về đầu Hán-Hán Cao-tổ trách là bất-trung, mà giết đi.

(5) Có câu: « Tất phong tri kinh thảo 疾風知勁草, bản dặng thừ thành thần 板蕩識誠臣 » nghĩa là lúc gió mạnh mới biết cỏ cứng, buổi xiêu-rạt mới biết tôi thành.

(6) Nước Yên lấy của Tề hơn bảy-mươi thành, Điền Đan làm tướng nước Tề, dùng mẹo thu-phục, lại được.

(7) Doãn Đạc giữ thành Tấn-dương, khi Tri-Bá vây thành, xối nước vào thành, còn ba tấm ván thì ngập hết, thế mà dân cứ giữ thành không chịu đầu, sau lại đánh được Tri-Bá.

(8) Bảy phủ là: Diên-bàn, Thăng-ba, Quảng-nghĩa, Qui-nhơn, Phú-yên, Diên-khánh, Bình-khang.

(9) Khuru-ki từ ngữ là có đống, rền xã-ắc ki ông si cũng tể, thì thành ra gò đống.

Mồ thêu đêm mẩy đoàn kẻ cướp; thương
hỡi thương! giàu sức-tích chẳng động ăn.

Gạo năm tiền một chén hăm-hiu; thăm
bấy thăm! bạc tiền đồng thời mới bán.

Lấy chi dưỡng sức cầm hơi; lưỡng những
ngóng đầu chau trán.

Nhà ở cùng cây cỏ ở, chốn thị - thành
bỗng hóa rừng xanh.

Người ăn như chó mèo ăn; vật lấm
mẫu xem bằng vàng giã.

Nếu nói ra thì nước mắt giỏ sa; nếu kể
đến thì lòng thương khôn giã.

Nhà nuôi bữa, kẻ hôn không kẻ xác, khổ-
nào thay! cả lượng vậy, thuốc lượng điều,
củi bán cân.

Chợ mua tiền, thấy lộn chẳng thấy ăn;
tha-thiết bấy! bánh bán lá, khoai bán xâu,
cơm đóng oản.

Nghĩ nào uống khát ăn thêm; khôn bấy
nằm cầu ở quán.

Kẻ già yếu, thác lặn ngòi rãnh, xương
trắng quận Hà-dông.

Người thất-thơ, đi bỏ quê-hương, cỏ xanh
miền nam-giã.

Nỗi ái-ưu đã rồi dạ, rồi lòng; miền cốt-
nhục cũng hết ngoan, hết ngoan.

Bên giếng bắc đôi quên liêm-sĩ, em vịn
cánh tay anh mà ăn cướp cũng đành.

Chốn làng đông đôi hết nghĩa-nhân, mẹ
củi miếng thịt con mà động ăn nào quản.

Cỏ rau trăm họ sắc xanh lè (1), vượn hót
muộn dần hình quái-dân (2).

Giữa chợ đôi nằm thất-thêo; người rằng:
Ông ngày trước mới thấy dũ, võng, xiêm, đai.

Bên đường rách chịu xơ-vơ; kẻ rằng: bà
ngày xưa mới thấy xuyên, hoa, hột, hoăn.

Dân đời loạn-lạc, từng nghe chép đề
lưỡng-biên.

Sinh thừa hiềm nghèo, so lại hơn trong
truyện vãn.

Cơm cháo đắng, lấy cỏ rau làm ngọt.
bòn non, non đã trở trời.

Mắm muối không, lấy nước mặn làm
ngon, mứt biển, biển đã hóa cạn.

Thửa bình-thường đôi chịu đủ cam; ngày
tết nhất no thêm quá ngàn.

Cửa rước chùa xuân buồn được-được;
nào cây nêu, cây mía, những tiềny pháo,
tiếng du.

Bàn thờ ông vãi chạnh khân-khân;
nào miếng bánh, miếng nem, những cơm
trưng cơm phạn.

Chùa xu xoi có thấu chẳng là, dân loạn-lạc
no nao dặng chân.

Nắng đã trưa, mà mù còn tối; ấy là người
phải đao-thương mà khô-cốt sần-bì.

Trời chẳng động, mà sóng cứ kên; ấy là kẻ
chịu cơ-hàn màu-hồn ai oán.

Kẻ sao cũng muốn việc thăm-thương, trông
cho động mặt trời bão-noãn.

Tờ nay, sĩ ở Đông-tân, ngu miền nam-bạc.

Than rằng đã lãnh gian-truân; rồi lại gặp
kỳ phán-hoán.

Số là thủy « Thiên-hạ hoại-loạn dĩ cực
天下壞亂已極 », lửa hiềm thăm lại
thêm sâu.

Chữ gặp kỳ « thành-nhân cơ-hội khả vi
聖人機會可為 », mira rước dặm mầu
cửu-hạn.

Nói khôn cũng muốn việc thừa-xưa; thương
phải tạm vãi lời tự-thân.

Song le truyện cũ đã tra; chép lại sách xưa để
án.

Lời rằng: Đại-hàn chi hận, tất hữu đương-
xuân 大寒之後必有陽春; đại-
loạn chi hận, tất hữu chi trị, 大亂之後必有
至治. Vậy có đoán rằng:

Khí đồng con mà khỏe,

Gà vồ ô liền bay,

Chó ngoắt đuôi mừng chủ,

Lợn ấu no ngủ ngày (3).

Bây giờ đã hẳn mọi đường,
Ăn-năn nỗi chùa, nhớ thương vô-cùng.

Đang cay, thấy ruột làm xong (?),
Ngọt ngon kẻ nề chiều lòng thêm chua.

Những người phụng chúa thờ thù,
Làm nên đã mẩy qui-mô trong đời?

(1) Có chữ: « Dân hữu thái sắc », nghĩa là dân đói phải ăn rau, sắc mặt xanh lè.

(2) Có chữ: « Cư hình học diện », nghĩa là dân đói hình dạng như con hươu con vượn.

(3) Ấy là câu sấm nói: năm Thân thì loạn; năm Dậu thì ly-tán; năm Tuất thì chúa tể
gặp nhau; năm Hợi thì thiên-hạ thái-bình.

Quân-thân ngay thảo với ai ?
Đá vàng lỗ miệng, chông gai trong lòng.
Vách gian rặng đã cần-phong,
Mười tay đã chỉ, mười trông đã xem.
Tối tăm đã biết rằng đêm,
Miễn lòng duốc đỏ, nghi-hiềm nổi chi.
Đã rằng: quân-tử tế-thì,
Sao câu : « Phi quỷ tế chi » (1) lại làm.
Khá thương hăm-nịch nhân-tâm,
Thuyền không Thang, Võ, ai cầm vớt
Đánh nam sao bắc nữ quên (2), [lên.
Hay gần thời đoái, xa miền chẳng
thương.

Nước hao, con nước lại càng,
Chờ năm nào nữa, mới sang thái-bình.
Than rằng biển thể mênh-mênh,
Bốn bề sóng gió, đổ mình nơi nao ?
Dễ chiều hạn-hán khát-khao,
Sợ hắt gặp mống, trông nào thấy mưa.
Lấy ai vớt chúng dân ta ?
Sao người tư-mục (3) trời chưa sớm
Hay là trước thử châu rồng, [trồng.
Làm cho khổ-tiết, mới dùng ấy chẳng ?
Há rằng thiên-ý hay răn ?
Hồng-môn với Hạ g, còn rằng Bái-công.
Xưa còn Sơ-cửu tiềm-long (4),
Rày đã ở ruộng, mặc lòng lãng-vân (5).
Cả tôm sao chẳng biết thân,
Thấy rồng ở cạn dặng gần lại khinh.
Giao-long vốn giống thần-linh,
Trong ao há dễ có tính ở lâu.
Một mai Cửu-ngũ (6) đương đầu,

Chín trùng mưa móc, ăn sâu khắp
Sá chi chuột lỗ kiếm ăn, [nhuần.
Cây mình có sức hiệp dân buông-tuồng.
Mệnh trời nào biết tắc phản,
Vín vai đã tưởng trèo lên cao.
Xét mình tài mọn sức nao,
Giống linh, báu cả cầm nào dặng vay.
Xem gương Trần Thắng thì hay (7),
Nghênh-ngang nào dặng mấy ngày
[xưng-vương.

Ngàn năm dầu nhấ chôn xương,
Nổi dơ danh ấy như gương đề đời.
No say mãn tiệc thì thôi,
Ngựa xe giòng ruồi chưa nguôi buông-
tuồng.

Mấy thu sao khéo uống công,
Đặng chữ gian-hùng chén quắc mà
Phải chi lòng hẩn như lời, [thôi.
Trước sau đều hộ con trời mới nên.
Hưởng thêm hương lửa bển duyên,
Ngày sau đã hẩn con tiên châu rồng.
Một mai rồi nước gở xong,
Trong trời công-nghiệp cao trồng ai
Muôn năm để lại tiếng khen, phen.
Bia vàng tạc đá, phi-nguyên hay chẳng ?
Tiếc thay chẳng thuận đạo hằng,
Nghĩa-nhân lỗ miệng dãi-dặng rằng
khôn.

Ngọn cờ chiêu chúng hương-thôn,
Bảo đàn làm chữ Hoàng-tôn bia bày (8).
Cho nên ứng-thuận lòng người,
Ai đâu dám cãi mệnh trời vậy vay.

(1) Không-tử rằng : « Phi kỳ quỷ nhi tế chi, siêm giã 非其鬼而祭之諂也 » nghĩa là chề không phải quỷ nên cúng mà cúng, là siêm-nịnh ; cũng như là không phải vua mà thờ, vậy nên quân-tử phải lựa vua mà thờ.

(2) Vua Thang sang đánh phương nam, phương bắc trông mong, ý câu này là chề nhân-tâm bấy giờ không được thể.

(3) Tư-mục 司牧 là ông vua giữ việc chăn dân.

(4-5) Kinh Dịch tượng hào Sơ-cửu còn là tiềm-long, nghĩa là rồng còn lặn. Ví như vua còn ẩn. Đến hào Nhị là tượng long hiện tại điện. Nghĩa là rồng hiện ra ở ruộng, ví như vua đã xuất-hiện ra.

(6) Đều hào Cửu-ngũ là tượng « Phi long tại thiên », nghĩa là rồng bay ở trời, ví như vua đã lên ngôi.

(7) Trần Thắng ở đời cuối nhà Tần, cũng nổi lên xưng-vương, rồi cũng mất.

(8) Kai Ấy Tây-sơ ra đánh Quảng-Nam, bắt được ông Hoàng-tôn Dương, đem về Bình-định, giả đồ phò tá, dễ chiêu-dụ thiên-hạ, và gả con cho Hoàng-tôn, sau lại ép Hoàng-tôn ở chùa. Hoàng-tôn biết ý, trốn vào Gia-dịnh. Đức Đức-tôn truyền ngôi cho, hiệu là Tân-chính-vương, sau mất, truy tặng là Mục-vương.

Đã vầng hồng-nhật trên tay,
 Hãy còn ở thói nước mây lãnh-loàn.
 Bây giờ đã hẳn mặt chẳng?
 Phần tổ trung-nghĩa, mực nhằng tà-
 Làm cho thiên-hạ lãnh-than, [gian.
 Tội-danh biết đề mấy ngàn muôn thu?
 Bây giờ coi thể đã có,
 Quân thần ban tối, cừ thù bữa mai.
 Làm vua ví chẳng mệnh trời,
 Nếu tranh mà đặng, nhiều người cũng
 mor.

Xưa kia cớ đã về ta,
 Trong tay chẳng phất đề ra tay người.
 Có thân thì đoái sau này,
 Chẳng ngay cùng chúa, ai ngay cùng
 minh.

Cáo kia chớ cậy có thành,
 Trần Hòa dễ chống dân-tinh đặng dẫu.
 Au-nguy còn tưởng khoe mầu,
 Thành cao oan-nghiệp, ao sâu tội-tinh.
 Sao chẳng học phép dụng-bình,
 Lấy trung làm giáp, mài thành (1)
 làm gươm.

Nghĩa-nhân trận ấy thường-dâm,
 Giữ bền, đánh dặng, ai làm chi hơn.
 Cớ sao rước oán, gây bôn,
 Một mình khiến chống cho hơn cả trời.
 Mượn hồn ốc hồ cho người,
 Vì dân bảy phủ (2), gửi lời một thơ.

*Sinh loạn vì ai trước mượn tay,
 Kinh-doanh gã Nhạc có tài hay.
 Thả mối tặc-tử câu bình bắc,
 Mượn lưới Hoàng-tôn bữa cõi tây.
 Nắm mặt ba dinh (3) thù hã dặng,
 Ấn gông hai xứ oán còn cay.
 Bao-tàn sao chẳng soi gương Hạng,
 Nước đỏ Ô-giang khó vớt thây.*

Thơ thôi thăm-thiết tuồng thơ,
 Trèo cây dương gió, ngọn cờ dương
 Sao cho hùm nọ có vậy. [lay.

Đất hỏi dẫu dày, trời hỏi dẫu cao?
 Cao dẫu dễ có riêng sao,
 Phúc nào khỏi thiện, họa nào khỏi
 dảm?

Gẫm xem thiên-mệnh nhân-tâm,
 Chuyển-hoàn sự ấy, há lãnh ngư-ngư.
 Làm chi nên nổi ngất-ngờ,
 Vì dân thì phải khu-trừ loài gian.
 Tắm lòng hương-lửa chưa tàn,
 Lậy trời chớ phụ, xin ban mười nguyên:
 Một nguyên các đạo tương-liên,
 Ba ngàn đồng-dức hiệp miền Mạnh-
 tân (4).

Hai nguyên ứng-thiên, thuận nhân,
 Ngồi chánh bắc-thần trước lập Hoàng-
 tôn.

Ba nguyên sĩ tuyền tài khôn,
 Can nghe, kể dụng, chớ mồn tặc phản.
 Bốn nguyên cớ dụng nghĩa-nhân,
 Đến dẫu chớ phạm của dân thu-hào.
 Năm nguyên nghịch-dặng rủ nhau,
 Bao-tàn thì chết, theo sau thì dưng.
 Sáu nguyên an nghỉ Điện, Thăng,
 Chiêu về trăm họ, nghiệp hã dặng no.
 Bảy nguyên khừ chủng tham-ó,
 Chớ còn nổi giặc đề thủ muôn dân,
 Tám nguyên rộng bữa lưới nhân,
 Khấp thâu hào-kiệt trong trần chớ rơi.
 Chín nguyên quan-ải trùng-khai,
 Mở đường thương lữ (5) trong ngoài
 châu vua.

Mười nguyên đem lại để-đó,
 Xa thơ một mối cơ-đồ muôn năm.
 Nguyên rồi lại vái lãnh-dâm,
 Xin cho như nguyện chớ lãnh mới
 thiêng.

Kẻo còn đeo nổi buồn riêng,
 Rau ăn chưa báo, nắng hiên chưa dền.
 Ngõ nhờ thiên-vận sớm nên,
 Phần dôi đời trị, phỉ nguyên bình-sinh.
 Trên mừng đặng chúa thánh-minh,

(1) Chữ thành này là trung thành 忠誠.

(2) Bảy phủ là : Triệu-phong, Điện-bàn, Thăng-hoa 2 huyện, Qui-nhân, Phú-an. Quảng-nghĩa, Diên-khánh, Bình-khang.

(3) Ba dinh là : Bình-thuận, Gia-dịnh, Ba-long.

(4) Chúa Võ-vương có 3000 quân đồng-tâm đồng-dức, hợp ở bến Mạnh-tân, đề đánh chúa Trụ.

(5) Thương là người đi buôn, lữ là người đi đường.

Chầu về bốn biển, tấm kinh bất không.
Thái-bình mở tiệc ca bông,
Thịt no đực hóa, rượu nồng giáo vắn.
Nơi nơi đủ mặc, no ăn,
Khúc ca ba áo đôi quần xanh-xang (1).
Bỏ khi loạn-lạc cơ-hàn,
Đói nằm thất-thiểu dọc hàng bơ-
vơ (2).

Tấm lòng chẳng hồ ngáy-thơ,
Trông dung chấp vá mấy lời giải
khuây.
Thiết-tình nào lựa câu hay,
Ai xem biết dặng lòng này chớ chê.
Trước sau mọi nỗi chép ghi,
Coi chớ há dám tạc bia đề đời.
Hết

KHẢO VỀ CÁC LỖI VĂN TÀU

V

XI - Thẻ văn tụng tán

Tụng là một thẻ văn trong bốn thẻ *Thơ*, làm ra lời xưng-giương công-đức, kể thần-tử thường dùng để dâng lên bậc quân-thượng, về sau này tự kể bằng-bằng cũng dùng thẻ *Tụng* để xưng-giương lẫn nhau. Hoặc dùng để xưng-tụng cổ-nhân để ngụ cái ý tôn-ngưỡng. Bài *Bá-Di tụng* của Hàn Thoái-Chi tuy gọi tên là *Tụng* mà kỳ-thực không phải là thẻ văn *Tụng*. *Tán* cũng là loài văn *Tụng*, cổ-giả chủ khách tiếp-kiến nhau đều có lời *tán* xưng-giương lẫn nhau, để tỏ tình thân-yêu, cho nên lời văn mà khen tán điều hay của người nào cũng gọi là *Tán*. Song các nhà làm sử cứ mỗi truyện tất có một bài *Tán*, lời *Tán* ấy thì gồm cả người hay người dở, cũng có khi làm ra lời chê, đó không phải là chính-thẻ *Tán*. Phạm thuộc loài văn *Tụng Tán* chia ra có 5 mục: *Tụng* 頌, *Tán* 贊, *Nhã* 雅, *Phù-mệnh* 符命, *Nhạc-ngữ* 樂語.

1) *Tụng*. — Cổ - giã làm *Tụng* thường khắc vào đá, như trong *Sử-ký*, có chép bài *Tụng* khắc vào đá để

tụng công-đức nhà Tần, bài ấy nên để về loài văn *Bí-chi* là phải. Đời Tây-Hán truyền lại các bài *Tụng* thời phần nhiều không có khắc vào đá, mà cũng có bài có văn, có bài không có văn, như là Vương Tử-Uyên có làm ra bài *Tụng Thánh-chủ-đắc-hiền-thần*.

2) *Tán*. — Các nhà làm *Sử* thường hay làm bài *Tán*, như Tư-Mã Tương-Như có làm bài *Tán* để khen Kinh Kha, đó là bài *Tán* rất cổ. *Tán* có hai lối: có bài có văn, có bài không có văn.

3) *Nhã*. — Liễu Tử-Hậu có làm bài *Bình-Hoài-di-Nhã*, đó là vịnh-tán cái võ-công lừng-lẫy, ví như thơ *Thường-vô* ở trong thiên *Nhã* kinh *Thi*, cho nên gọi là *Nhã*.

4) *Phù-mệnh*. — Cổ - giã các đế vương thụ-mệnh làm vua, các bầy-tôi thường làm ra bài văn để phò-trưng công-đức, kể cả các điềm tương-thụy để tỏ ra rằng lòng trời quuyến-cổ, nhy là thơ *Huyền-diều* ở trong kinh *Thư* đều là thẻ văn *Phù-mệnh*. Bởi vậy, trong văn-tuyên có đặt riêng ra một mục văn ấy.

5) *Nhạc-ngữ*. — Từ đời Tống về

(1) Hán-sử có câu ca rằng: « Tịch vô-nhu, kim ngũ-khố » nghĩa là trước không khổ, nay năm quân, là vì nhờ nhân-chính mà được no ấm.

(2) Câu này có bản chép là: « Hàn-nhai thức nhấp, thái-dương đợi chờ. » Nghĩa là ở trong hang lạnh, thức nhấp chờ mặt trời chiếu vào, ví như đương đời loạn mong chờ Thánh-quân.

sau này, phạm trong cung-dinh nhà vua có diễn-kịch, thời có sai các từ-thần làm lời *nhạc-ngữ* để cho kẻ linh-nhân (con hát) hát, phần nhiều là tán-giương sự thái-bình. Dân-gian khi tâm-thường yển-hội cũng có làm bài *nhạc-ngữ* để hát, thường làm theo thể *biên-ngẫu*, cuối cùng tiếp thêm bài thơ, cũng có khi không có thơ, hoặc gọi là lời *Trí-ngữ*.

XII — Thề văn từ-phú

Từ là một tên riêng trong văn-thề, cũng như lời văn *Luận*. Song *Luận* thì nói chất-thực, mà *Từ* thì hơi văn-hoa, xem như *Tả-truyện* có khen *Từ-Sân* là người có văn-từ. Tăng-thị phân-biệt các văn-thề cho những bài nào không văn thì thuộc về thể *Luận*, bài nào có văn thì thuộc về thể *Từ-phú*. Đời Xuân-thu chỉ có người nước Sở là hay nhất về thể *Từ*, cho nên đã có tiếng gọi là *Sở-từ*, người đời sau cũng thường bắt-chước làm theo. Tự đời Hán, Ngụy cho đến đời Nam-Bắc triều, thời thể *Phú* thịnh-hành lắm. Đời Đường cũng lấy thể *Phú* thi học-trò. Đến khoảng giữa đời Đường có họ Hàn họ Liễu ra, từ đó thể *Thú* mới phân ra có thể *Biên-ngẫu*, thể *Tản-hành*. Phạm thuộc về thể văn *Từ-phú* chia ra có 7 mục: *phú* 賦, *Từ* 辭, *Tao* 騷, *Tháo* 操, *Thất* 七, *liên-châu* 連珠, *Kệ* 偈.

1) *Phú*. — *Phú* cũng là một thể thơ, từ Tuân Khanh 荀卿 mới gọi tên là *Phú*. Tống Ngọc: người nước Sở làm ra rất nhiều thể *Phú*. Đời Hán đời Ngụy đều nhân theo, nhưng toàn là cổ-thể cả. Từ đời Đường trở về sau mới có thể luật-phú, dùng các câu tứ-lục đặt xen vào, và có dùng thể *phú* để thi học-trò.

2) *Từ*. — Thể *Từ* cũng giống như thể *phú*, đều là phụ theo với thể thơ, về sau mới thành riêng ra một thể. Thể *Thu-phong* - từ của Hán Vũ-đế thời gần giống như thể thơ.

3) *Tao*. — Khuất Nguyên người nước Sở mới làm ra thể *Tao*, gọi là *Tao* 騷 là đề tả cái ý-tử lao-tao ưu-uất, cũng như là những biến-thể trong thơ Phong-nhã. Trong văn dùng nhiều tiếng thổ-âm nước Sở, về sau nhiều người bắt-chước làm theo.

4) *Tháo*. — Không phụ-lữ có làm ra bài *Qui-son-tháo*, *Y-lan-tháo*, xét cái thể-chế thì cũng không khác gì thể *Tao* mấy, chỉ có không dùng tiếng Sở-âm là khác với thể *Tao* mà thôi.

5) *Thất*. — Trong Sở-từ có bài *thất-gián* 七諫, về sau Mai Thừa đời Hán mới làm bài *Thất-phát* 七發, đặt ra lời hỏi nạn phạm bảy câu, nên gọi là *Thất*.

6) *Liên-châu*. — Thể văn *Liên-châu* khởi-thủy tự Dương Tử-Vân, đời Hậu-Hán vua Chương-đế có sai Ban Cố, Giả Qui, Phó Nghị làm theo thể văn ấy, văn-ngĩa quán-thông liền như chuỗi hạt châu, nên gọi tên là *Liên-châu*. Hoặc làm thêm rộng nghĩa bài của người trước ra, thì gọi là *Diễn-liên-châu*, *Quảng-liên-châu*, *Sưong-liên-châu*.

7) *Kệ*. — *Kệ* là lời Phạm-ngữ của nhà Phật. Cưu-ma-la-thập đời Tấn có tặng mười bài *Kệ* cho Sa-môn Pháp-Hòa. Các nhà Văn-nhân đời Đường cũng hay bắt-chước làm theo.

XIII — Thề văn Ai văn Tế

Ai là lời thương viếng người chết, như là những thể *Lỗi-văn*, *Văn-văn*, *Điếu-văn*, *Ai-từ*. Văn *Tế* thì dùng rộng hơn không những là dùng để viếng người chết, như là văn đề tế-cáo thiên-địa, sơn-xuyên, xã-tắc, tôn-miếu, phạm những việc kỳ-đảo, thù-tạ, chủ-chớ đều có cúng tế thì đều có văn đề cáo với thần-minh cả. Phạm thuộc về loại văn *Ai văn Tế* chia ra có 27 mục: *Cáo-thiên-văn* 告天文, *Cáo-miếu-văn* 告廟文, *Ngọc-diệp-văn* 玉牒文, *Tế*

văn 祭文, *Dụ-lễ - văn* 諭祭文, *Ai-từ* 哀詞, *Điều văn* 弔文, *Lối* 誄, *Tao* 騷, *Chúc* 祝, *Chúc-hương-văn* 祝香文, *Thượng-lương-văn* 上梁文, *Thích-diện-văn* 釋奠文, *Kỳ* 祈, *Tạ* 謝, *Thần-dạo - văn* 歎道文, *Trai - từ* 齋詞, *Nguyễn-văn* 願文, *Tiểu - từ* 醺詞, *Quán-từ* 冠辭, *Chúc-hổ-từ* 祝嘏辭, *Trai-văn* 賽文, *Tán-hương - văn* 贊香文, *Cáo-văn* 告文, *Minh-văn* 盟文, *Thệ-văn* 誓文, *Thanh-từ* 青詞.

1) *Cáo-thiên-văn*. — Cỗ-giã các đời đế-vương thụ-mệnh làm vua, đều có làm lễ cáo trời, như vua Thang cũng có mấy câu khấn trời, xưng rằng: « *Dur-tiêu từ* 呂 v. », nghĩa là tiêu-từ tòi tên là Lý. Từ đời Tây-Hán còn truyền lại thẻ văn ấy nhiều.

2) *Cáo-miếu-văn*. — Cỗ-nhân ngoài sự kính trời trọng nhất là lễ tôn dâng tổ, khi trong nước có việc gì lớn tất là cáo tổ-miếu, lòng văn xưng là: « *Từ-thiên-tử* 某 天子 某 » đó là lễ nhất-định, đều có văn cáo cả.

Ngọc-diệp-văn. — Đem văn tế trời viết vào vàng-diệp, lấy ngọc trang-sức thêm vào để phong kín lại, nên gọi là *ngọc-diệp*. Phàm các vị đế - vương đi làm lễ phong-thiện đều dùng văn ấy. Sử-ký thì gọi là tờ nê-kim kiềm-ngọc là giấy dát vàng khảm ngọc.

4) *Tế-văn*. — Tăng-thị cho chương *Hoàng-diệu* là tờ về loài *tế - văn*. Song xét lời-lễ thì thuộc về loài *Ai-từ*. Thiên *Võ-thành* có chép mấy lời khi qua các danh-sơn đại-xuân đều có văn tế, thẻ thời *tế-văn* không phải chỉ dùng để riêng tế người chết. Từ đời Tấn mới gọi văn tế viếng người chết là *Tế-văn*, còn thấy có ba bài ở trong tập văn ông Đào Nguyên-Lượng.

5) *Dụ-lễ-văn*. — Gặp khi nào có vị đại-thần mất, thì thiên-tử sai từ-thần soạn ra bài văn, rồi sai kẻ cận-thần cầm bài văn ấy ra làm lễ tế, đó là

văn *Dụ-lễ*, tự đời Minh đến đời Thanh vẫn thường làm.

6) *Ai-từ*. — Sở-từ có bài *Ai-sinh* 哀郢, Tư-Mã-Tương-Như có bài phú *Ai-Nhị-thế* 哀二世, đó đều là thẻ *Ai-từ*. Đông-Hán Ban Mạnh-Kiên có bài *Lương thị Ai-từ*, Tào Tử-Kiến nước Ngụy, Phan An - Nhân nước Tấn cũng có làm mấy thiên *Ai-từ*. Lối văn ấy trước có bài *Tự*, sau làm ra lời văn văn, cũng có khi toàn-thiên làm ra vận-văn cả.

7) *Điều-văn*. — Văn *Điều* với văn *Tế* khác nhau, văn *Tế* thời dùng để tế viếng người chết, văn *Điều* thời tả cái lòng thương đau, phần nhiều là có ý hoài-cổ, như là bài *Điều Khuất-Nguyên* của Giả Thái-phó đời Hán, bài *Điều Ngụy-Võ* của Lục Sĩ-Hành đời Tấn, đều là thẻ văn cận-cổ.

8) *Lối*. — Sách *Văn-tâm điều - long* có chép rằng: Bày-tôi nhà Ân có làm lời văn *Lối* để truy-thuật hành-trạng vua Thang, nhưng bài văn ấy không thấy truyền lại. Chỉ còn thấy những bài văn của vợ Liễu-Hạ Qui làm lời *Lối* cho chồng; bài của Lô Ai-công làm lời *Lối* cho đức Khổng phu-tử, văn *Lối* ấy thật rất cổ, lời văn chắt-phác không có thẻ nhất - định. Đời sau làm lời *Lối* thì tất có bài *Tự* đề đầu, trong *Lối-văn* thì trước kể gia-thế, sau kể đến tài-hạnh rồi đến quan-chức, cuối-cùng kể đến lúc chết, đại-lược như thế cả.

(9) *Tao*. — Bài *Cửu-ca* của Khuất-tử, họ Diêu đề về loại văn *Tao*. Lại như bài *Chiêu-hồn* của Tống Ngọc, cũng là một thẻ văn ấy. Người đời sau làm ra những khúc *Tống-thần*, *Nghênh-thần* đều là loại văn ấy cả.

(10) *Chúc*. — Đời vua Nghiêu có ba lời chúc của người Phong-nhân, nhưng đó không phải là lời khấn thần. Thiên Kim-dăng có tờ *Chúc-sách*, *chúc-văn*

là khởi-thủy tự đó. Trong *Lễ-kỷ* khi tế chạp cũng có văn chúc. Tự đời Hán Tấn về sau truyền lại thẻ văn ấy rất nhiều, viết lên bản thì gọi là *Chúc-bản-văn*.

(11) *Chúc-hương-văn*. — Cỗ-giã cúng-lễ tất đốt tiền ngải để tịch tà-khi, nay mà đốt hương là theo phép nhà Phật, khởi-thủy từ đời Đông-Hán. Đặt ra văn *chúc-hương* là khởi-thủy từ đời Nam-Tống.

(12) *Thượng-lương-văn*. — Không biết mới có tự đời nào, song tự đời Tống trở về sau, trong tập văn Dương Thành-trai, Vương Giới-Phủ đều có thẻ văn ấy. Lời văn làm thẻ Biền-ngẫu, đều ngụ ý chúc-tụng, cũng là cái di-ý như thơ *Ti-can* trong thiên *Tiêu-nhã*.

(13) *Thích-diện-văn*. — Cỗ-giã khi mới nhập-học tất làm lễ thích-diện tế tiên - thánh tiên-sư. Văn *Thích-diện* cũng tức là văn Tế dùng ở trong nhà Học.

(14) *Kỷ*. — Cỗ-giã có tế chớ không có kỷ, song khi mưa nắng thất-thời cũng có kỷ-đạo, như bài văn *Kỷ-vũ* của vua Vũ để nhà Tống thời thực là cỗ.

(15) *Tạ*. — Cỗ-giã đối với thần-minh có kỷ-đạo thời phải có tạ, kỷ-đạo mà được thời làm văn tạ.

(16) *Thán-đạo-văn*. — Là văn về môn đạo-giáo đương khi thịnh-hành ở đời Đường.

(17) *Trai-từ*. — Là khi trai-giới trước phải làm lời tri-cáo.

(18) *Nguyện-văn*. — Là lời phát-nguyện cáo ở trước Phật-tiền.

(19) *Tiểu-từ*. — Nghĩa chữ *Tiểu* là cái tên riêng khi tế rồi uống rượu. Sau này các nhà lãng-đạo lập đàn kỳ-

đạo đều gọi là *Tiểu*. Bởi thế văn kỳ-đạo lúc lập đàn tray đều gọi là *tiểu-từ*.

20) *Quán-từ*. — Cỗ-giã lúc mới gia-quan (đội-mũ) tất làm lễ cáo-tổ, lời văn tế-cáo về việc ấy gọi là *quán-từ*.

21) *Chúc-hỗ-từ*. — Tức là lời văn chúc đề kỷ-phúc.

22) *Trại-văn*. — Kinh *Thi* có những thơ đề kh. itế báo-trại diên-lồ, là phân năm được mùa bày tửu-lễ ra để tế tạ thần-minh. *Trại-văn* tức là văn tế tạ. *Trại* nghĩa là báo-đền.

23) *Tán-hưởng-văn*. — Là văn về phái đạo-gia hưởng tế thần Đông-hoàng thái-nhất.

24) *Cáo-văn*. — Thiên-tử có văn cáo-miếu, các nhà quan sĩ đại-phu không dám ví với thiên-tử chỉ gọi là *cáo-văn* là văn khẩn đề đạt-ý với tổ-tiên.

25) *Minh-văn*. — Tả-truyện : Chư-hầu cùng ăn thẻ thời biên lời tin-ước vào sách, tức là bài *minh-văn*. *Minh* nghĩa là sáng, là tỏ cáo với đấng thần-minh.

26) *Thệ-văn*. — *Thệ-văn* thường thấy ở trong kinh *Thư*, là lời thề cáo với đấng thần-minh, cũng tương-tự như *minh-văn*. Song *minh-văn* thời dùng với các nước bằng hàng, mà *thệ-văn* thời dùng để ước-thúc kẻ dưới, cho nên hơi khác nhau.

27) *Thanh-từ*. — Dùng về việc trai-tiểu, viết vào tờ giấy xanh nên gọi là *thanh-từ*. Mới có từ đời Đường, đến khoảng năm Gia-tĩnh đời Minh, đạo-giáo thịnh-hành, thiên-tử cũng chăm lễ tu-trai, nên các từ thần cũng đưa làm thẻ văn ấy để nịnh ý vua.

(Hết)

ĐÔNG-CHÂU dịch

LƯỢC-KHẢO VỀ TUỒNG HÁT AN-NAM

Điệu « hát bội » nguyên là « Chiêm-thành-âm ». Tuồng hát nguyên là thoát-thai trong các bản tiểu-thuyết của Tàu mà ra, nhưng có âm - luật. Điệu hát có nhiều cách, như là « nam-xướng », là hát nam ; « bắc-xướng » là hát khách ; lại có xướng bạch, thần, văn, hường-tán, nói lối, ngâm, lý, văn-vân ; song câu nói-lối thời như cách tân-văn mà phải hợp vận đúng điệu ; câu hường-tán thời không dùng vận, thuộc về câu chua-con giải-ngĩa.

Tuy điệu hát của ta phổ theo lối hát tàu, mà có chỗ phải tăng - bớt thêm cho đúng tiết-tấu nam-khách nhạc-bộ của mình, chứ lớp tuồng tàu thời chỉ lấy các khúc từ-diệu mà diễn, diễn các cổ-tích như bản-kịch *Tỳ-bà-kỳ*, *Tây-sương*, *Mẫu-đơn-dinh*, *Đào-hoa-phấn*, đó là toàn vở tuồng tàu hết-thảy. — Hát tàu có : sinh, dâng, tịnh, sừ, mặc ; hát ta có : kếp, đào, lão, tướng, bông-lơn, chạy-hiệu, văn-vân..

Nghề hát khởi-thủ từ đầu, không thấy lịch-sử nói đến ; nhưng xét ra từ nhà Trần đã có những cách hát như là bạn hát phường chèo cũng mãi-mai như cách hát bội. Tôi lại có nghe các ngài tiền-bổ thuật chuyện lại rằng hồi trước đức Trần Hưng-Đạo đánh giặc Tàu thắng-trận, có bắt được một bạn con hát của chúng đem theo trong quân, dẫn về bắt dạy cách hát lại cho bạn hát của mình, vì thế mà y-phục thời giống kiểu hát Tàu, mà bài-bản câu hát lại là của bản-xử thanh-âm. Đến khi lưu-nhập Trung-kỳ thời các tỉnh đường trong như Bình-dịnh, Quảng - nghĩa lại thịnh-hành về lối hát kể về, văn, như : *Mã-long*, *Mã-phụng*, *Bạch-viên*, văn-vân... chớ không sửa lớp tuồng như bây giờ.

Từ hồi bản - triều đình - bình cỗi Nam, mới chế-lễ tác-nhạc, bày ra những khúc « thái », « xướng », « tân », « tấu phụng », « phẩm nghi », để khi thiên-thu khách-tiết yến-diên mà diễn các thứ hi-kịch ấy tấn tữ chúc thọ, cách hát có lối « bắt bài bông », múa « bắt tiền quá hải », múa « bắt-dật », múa « trình-tướng », múa « tứ-linh », múa « phước lộc thọ », từ đó nghề hát thay đổi đã nhiều, gồm đủ các lối múa hát, mới thành ra một lối hát hoàn-toàn.

Tục truyền ngày xưa có hai vị hoàng-tử mới năm sáu tuổi, ham mê về điệu hát bội lắm, mỗi khi trong nội-dinh có yến-diên diễn-kịch, thời hai anh em mắng ham xem hát, quên cả bữa ăn uống. Một hôm ăn mình trong bữa trường hát không ai biết, kịp đến khi bãi chầu tan hát, thị-vệ nữ-quan tìm kiếm khắp các nơi không có, sau bọn con hát dọn buồng, mới trông thấy hai anh em ôm nhau ngồi sững dưới ghế hương-trác, thần-sắc tán-loạn, cử-dộng không biết gì, mới tâu lên vua, thương tiếc không cùng, truyền đem hậu-táng. Bọn con hát cảm-niệm cái lòng quyến-cố của hai vị trong lúc sinh - tiền, mới phụng thờ làm Tò, hằng ngày hát các rạp đầu đầu cũng thỉnh bản thờ đi theo. Bây giờ gọi là ông Làng hát bội vậy. Có người nói rằng : ông Làng tức là ông Hoàng mà tiếng nói sai, người thời nói ông Hoàng Anh tên là Đình, song không thấy sử sách chép lại, không rõ thuộc về thời-dại nào, tằng-chi cũng là chuyện mờ-hồ không lấy gì làm đích-xác cho lắm. Thế mà lấy thực-sự mà chứng, thời hiện nay các rạp hát vẫn sùng-bái hai

vị tượng người con trẻ, mặc áo lá tua, cổ mang kiềng vàng khánh vàng; còn phải chắt phải, giả - chân làm sao, hãy xin các nhà khảo-cổ minh-cứu sẽ bổ thêm. Đây tôi lại xin nói qua về các lối tuồng hát.

Văn-chương tuồng hát là một lối văn - chương đặc-biệt của người An-nam minh. Tuy lột nếp tàu mà thực không giống tàu, có cái tôn-chỉ huyền-diệu linh-động lạ thường, thực một lối văn-chương kỳ-tuyệt diệu-tuyệt, không phải mọi người ai ai học thông văn thao, thời đặt nổi tuồng hát được hết thấy đâu; người đặt tuồng hát cần phải thâm âm-luật, lại hiểu thấu nhưn-tinh thể-thái, trong xã-hội bao nhiêu điều hay điều dở toàn mô-tả cho ra, nghề nào, nghiệp nào phải diễn-giải cho rõ, cho đến sự ly-kỳ quái-trang kỳ - hình, xuất - một vô-thường, địa-ngục thiên-đường, cửu-lưu tam-giáo, vạn-vật vạn-cảnh; ngộ đến câu nói thuộc về thân-thể người trung-thần biểu-tử, thời tả thể nào cho ra trung-thần biểu-tử, ngộ đến câu đùa ngỗ-ngịch phản-bạn, cũng phải lấy lời ngỗ-ngịch phản-bạn mà diễn, khiến người xem sinh lòng ghét bỏ hay là sinh lòng cảm-động được. Câu tuồng như vậy mới là thấu-đáo thâm-đắc áo-lý huyền-diệu của nhà diễn-kịch. Thầy thuốc thời tả cho ra thầy thuốc, thầy địa thời tả cho ra thầy địa, nói cho đến cái tâm-thuật của người ta; muốn bày mưu lập chước, dầu trí-xảo dầu ngu dốt, làm cho người ta xem đến đấy hình như muốn đề mình vào trong cuộc, thiết-thân xử-nghĩa nên làm làm sao, dầu mắc phải cảnh-ngộ tráo-chác, con tạo ghét-ghen, xoay vần chẳng nữa, song không thể vui lầy được cái lòng trung-nghĩa sáng-suốt, sự vận-động trong một đời người, cái công-đức vĩ-đại toàn bằng diễn ra lời nói trên mảnh giấy cả.

Cối đời là một cái trường hí-kịch lớn, giữa rạp hát là một cái ảnh-tử của trường hí-kịch lớn ấy, vậy cho nên nhứt cử nhứt-động, như bóng theo hình, vai hát hay mà tuồng không hay, lấy đâu truyền cho hết cái tinh-thần của người trong bản hí-kịch. Bởi vậy mà phép đặt tuồng, thứ nhứt là trọng mẹo-mực, thứ nhì là câu hát. Mẹo không chín lớp, thời lộn xèo những lời nói như là phục-bút, thần-bút, ám-chỉ; câu hát phải cho hùng-hồn tạo-nhã, chu-mật tinh-tường, đọc câu tuồng mà đã phân-biệt ra được kẻ trung người nịnh, phán-đoán được sự thành-bại về sau, luy chưa rõ hết nguồn-cơ mà cái mẹo tuồng đã kết - cấu xong nghĩa đen trắng. Nói tóm lại cách đặt tuồng thời cũng như cách đặt tiểu-thuyết, đại-đồng tiểu-dị, chỉ có cú-pháp đóng theo âm-luật mà thôi.

Các pho tuồng xưa ít có hương-lán, vì ý-ngoại đề cho con hát tự làm màu-mỡ cũng đủ. Đại-khai như: pho tuồng *Tây - du*, *Thuyết - đường*, *Lôi-phong-pháp*, *Trung-sự trung-thuyết*, *Lão-bạn-sanh-châu*, là toàn dùng lời nói chất-phác thực-thả. Đến triều Thánh-tổ có các đức ông Hoàng, nhiều ngài sáng-lập ra những rạp hát to lớn, phỏng theo « Lê-viên », « Cúc-bộ » của Tàu, hoặc bạn hát con trẻ, hoặc bạn hát đàn bà, bạn hát đàn ông, tuyền-khúc trưng-ca, cái thanh-hung hào-tinh đều chúc-thác ở về lối văn-chương hí-kịch hết thấy; vì vậy mà điệu hát tuồng, thịnh-hành một cách rất chóng. Còn về triều Minh - mạng có lập trường Trường-xuân, sau đổi lại tên Thanh-bình-thự, đến triều Thành-thái lại đổi ra Võ-can-đội, hiện bây giờ lại đổi làm trường Thanh-bình, thế là biết lịch-triều đều có giáo-tập ba đội con hát đề trong một năm có năm lễ miếu-hưởng và khi tế Nam-giao, khi tế Văn-thánh, Xã-tắc, Lịch-đại - đế-vương-miếu, các lễ khánh-tiết, v. v., toàn

dùng Thanh-bình-đội thái mùa bát-dật, ấy là một đại-lễ trong nhạc-bộ vậy.

Lại khi châu hát trong Duyệt-thị, thời Nội-các các quan có dâng nhiều vở tuồng mới, nếu pho tuồng nào hay, thường được thưởng, lại sao chép thành đôi ba bản, phân-tri các sở tàng-thư. Pho tuồng như là *Quần-phương-hiến-thoại*, — *Quần-anh-kiệt*, — *Bắc-Tổng*, — *Nam-Tổng*, — *Ngũ-hồ bình-nam*, — *Ngũ-hồ bình-liêu*, — *Thủy-hử truyền-kỳ*, — *Phản-Đường*, — *Chinh-dông*, — *Chinh-tây*, — *Phong-thần*, — *Anh-hùng-hội*, — vân. vân. .

Vì diễn-kịch trong Nội-dinh có khi mười ngày nửa tháng mà chưa xong một lễ khánh-tiết, thời bản tuồng phải thay đổi luôn. Các nhà văn-nhơn mặc-khách, tranh nhau đặt tuồng, ngót có trăm pho, nào là tuồng vật nói về sự-tích trong một gia-dinh như tuồng: *Cao-phi-viên-tầu*, — *Trương-Ngáo*, — *Ông-Bồ*, — vân. vân. . Còn tuồng đại-quan nói về sự-tích chính-trị của nước, như tuồng: *Tam-quốc*, — *Sơn-hậu*. — Có pho tuồng đến trăm hồi, bảy tám chục hồi là thường. Tuồng vật bốn năm hồi, có những pho: *Bạch-kỳ-châu*, — *Châu-lý-ngọc*, — *Hỏa-nhiệm-hầu*, — *Dương-chấn-tử*, — *Tam-nữ-dồ-vương*, — *Thiên-tống kỳ duyên*, — *Sinh-tái tá-quốc*, — *Lý-Phụng-đình*, — *Kim-long-xích-phụng*, — *Ngự-Vân-quán*, — *Lý-tồn-hiếu*, — *Tam-khởi*, vân. vân. . Đó là kể qua về cái thời-kỳ trước không rõ danh-tính những người đặt pho nào là ai; đến triều Tự-đức biết lược-lược đại-khái những pho tuồng lớn mà thôi, như pho tuồng ngự-chế có pho: *Vạn-bửu trình-tướng*, — pho *Học-lâm*, — pho *Nha-ngẫu*, — *Hàm-hòa*. . . Song trong mấy pho ấy, phần nhiều các ngài Hoàng-thân, các quan Nội-các ngài nào có văn-tài đều có được dự vào đặt một vài hồi trình ngự-lãm duyệt-y mới gọi là tuồng ngự-chế đó thôi. Nghe đầu Tiên-đế chỉ đặt pho

Vạn-bửu hồi 30, 31 là thực tự lịch thánh ngự-chế, các pho tuồng kia cũng thế. Ngự-chế chỉ một vài hồi, còn bao nhiêu là các văn-thần làm. Ngoài ra các bộ ấy, Đức ông Trấn-Biên có soạn pho tuồng: *Tạc-khống-truyện-kỳ*, Đức ông Nam-Sách, Đức ông Ninh-Thuận, Đức ông Hoảng-Hóa quận-vương, ba ngài đồng soạn pho tuồng *Tuyệt-diệu-bình-yên*, sự-tích rất ly-ký biến-hóa vô-cùng. Các quan có cụ Đào Đăng-Tấn soạn pho: *Từ-quốc-lai-vương*, — *Từ-dân-từ-thú*, *Diễn-vũ-đình*; cụ Ngô Qui-Đồng soạn pho: *Nhạc-oai-danh*, vân. vân. . . Còn nhiều bộ nữa thời không thấy danh-hiệu lạc-khoản, cho nên nhiều khi ngộ-nhận người không soạn tuồng lại dành lấy danh-hiệu có soạn tuồng, ấy cũng một việc khá tiếc, đương-thời vì không chú-ý đề sau thành ra mai-một danh-tự.

Thuộc về trung-cồ-dĩ-tiền, lối văn-chương hi-kịch mà được tiến-bộ như thế, là nhờ có những nhà thưởng-tám lạc-sự bồi-dưỡng cho, mới thành ra một nhạc-bộ có văn-chương, có âm-luật hoàn-toàn ở trong lịch-sử đời nay.

Chớ như hơn ba mươi năm về sau đây, không có ai đặt nổi những pho tuồng như trước nữa, có chăng cũng đặt được một vài hồi tuồng vật mà chơi thôi, thế mới biết cách soạn tuồng hát là khó lắm.

Xưa sở-dĩ đặt tuồng hát ra, chẳng những để diễn-kịch mà thôi, hằng ngày khi rảnh-rang thông-thả xem chơi cũng như xem các thứ truyện kỳ vậy.

Trong Nội-dinh thường có một ban chực châu tuồng, nghĩa là cử ngồi mà đọc, nhưng đọc có âm-vận, nghe rất êm-ái. Người ngoài ít biết cái điệu ấy, dầu biết cũng biết sơ-lược đó thôi, chớ những câu tuồng hay thời phải hiểu điệu hát rồi nhiên-hậu mới biết

hay. Trước hết phải biết cái sáo tuồng. Bắt đầu mở quyền có hai câu «song-quan». Câu song-quan nghĩa là thân góp những việc hành-dộng trong một hồi đó; tuy có tuồng không có câu song-quan, nhưng pho nào đã là tuồng bộ, thời tất hẳn phải có song-quan để cho người xem biết trước cái tón-chỉ của bản tuồng ấy định diễn những truyện thể nào. Đầu lớp tuồng khai-diễn gọi là «giáo-dầu», hết hồi gọi là «văn-lấn». Đến câu hát thời có những mấy chục cách hát khác nhau. Câu hát khách có hai thứ: một là hát phú, hai là hát thơ, thời câu hát bằng chữ hán cả, ví dụ như hát phú:

Lưỡng đạo nga mi, uyển nhược xuân sơn hoành viễn đại 兩道蛾眉。宛若春山橫遠黛。— *Nhứt song phụng giản, hồn như thu thủy dạng kim ba.* 一 雙鳳簡。渾如秋水漾金波。

Hát thơ như câu:

Liên-tử hữu tâm không vọng ngẫu, 蓮子有心空望藕。

Tân-lang vô vị chuyển thành đào. 檳榔無味轉成桃。

Câu chữ liên-tử 蓮子 trùng-âm với chữ liên-tử 憐子 là yêu người, — chữ ngẫu 藕 là để sen, mà lại một nghĩa là đôi lứa, — tân-lang 檳榔 là hạt-cau mà cũng nghĩa là người chồng mới, — đào 桃 là hạt đào mà cũng nghĩa là đào trốn; bởi vì những tiếng trùng-âm mà khéo sắp đặt như vậy, thật là có tài lắm.

Người ta nghe hát ít biết được câu hát hay, phải có đọc tuồng mới rõ cách tiêm-xảo dụng-tâm của nhà soạn kịch vậy, đối - đáp đã cân xứng, lời-lẽ lại tao-nhã, tả ra một vai đào đi tìm chồng. Lại có cách hát khách mà hát lầu-mã.

Hát nam cũng có hai thứ: một cách hát nam-dụng, một cách hát nam-ai. Hát nam-dụng như là câu:

Lương-giới trải miền thủy-quốc, gỏi trắng lòng một bức kỳ-quan; hương trời sắc nước xuê xoan, lòng đêm tố-nguyệt vênhàn tịch-dương; gió thanh-thao dọn-dàng sóng nhỏ, bóng mơ-màng ai đó vấn-lấn? — Ấy là khúc hát một người con gái chèo thuyền đi bẻ sen.

Còn nam-ai như câu:

Bến liễu sóng sâu dập-dã,
Bâng-khuâng lòng hai ngã khứ-lưu.

Bắt bài-ban như câu:

Nhung xa tái giá, tái giá. 戎車載駕載駕。Kịch cổ kỳ đường, kỳ đường, 擊鼓其鏜其鏜。hồ tướng tranh tiên hề thùý cảm ngự, 虎將爭先兮誰敢禦, hùng-binh tiếp-hậu hề thực năng đương. 雄兵接後兮孰能當。Ấy là cách hát quân-ban đi đánh giặc. — Còn câu: *Kiểm kích lung hoành, đóng tấy cọng phần chinh.* 劍戟縱橫。東西共奮征。Nhứt trường kích thích, thế đại triển hùng anh — 一場擊刺。誓大展雄英。Ấy là câu hát của các vai tướng-ban.

Xướng, bạch, ngâm, thời toàn dùng những bài thơ tám câu hay là bốn câu.

Lý có nhiều cách, như câu:

Mông - mệnh góc bề bên trời, thấy những người thiên-hạ chớ nào người tri-âm, buồn riêng thói lại tủi thâm, một duyên đôi ba nợ, ba bốn lăm, bốn ba lăm, thương thương nhau,

Cách lý nhà-nghe có câu:

Phù-dung chum - chim miệng cười, cười chỉ rửa hử? hay là cười cái bóng huê phù-dung?

Lý sắc-bùa có câu:

Tuyết vừa bật thời rung ngó, thấy trong màu đạo mô-hồ khốn phần,

Lý Quảng, — lý Mọi, — lý đào bễ hoa, — lý đào giã diên, — lý bán hàng, — lý quân canh, — mỗi cách lý mỗi khác, kể không xiết.

« Thân » như câu :

Ai a ! nhất chi trường kích lục quân cung, 一枝長戟六軍供. thiên lý gian-quan bách chiến trung, 千里間關百戰中. khurông-khai anh-hùng thành dễ sự, 慷慨英雄成底事. thê-lương không từ đối tây phong 淒涼空自對西風.

Nói-lối, cũng có lắm câu đối-dáp rất hay, như tuồng *Diễn-vũ-dinh* của cụ Đào có câu : *Cánh học-hồng, vì bằng gặp gió liêng mây xanh, thời gan ưng-khuyên tao quyết nghiền tro quăng bễ bạc*, giọng rất bi-phẫn, khéo tả ra cái vui kếp có anh-hùng-bản-lãnh.

Tuồng *Vạn-bửu*, lớp *Ngọc-triệt-tương-tư* Hoàng-anh có câu : *Bóng trắng soi như người ngọc gần kề, hơi gió phất như tiếng vàng thú-thứ* ; bây giờ tiếng thú-thứ không ai nói đến, nguyên nghĩa thú-thứ là giọng non-nẻo của người con gái.

Tuồng *Tam-khôi* có câu tả lúc sầu-tĩnh rằng : *Giấc hà-tư lấp-lững bướm năm canh, lòng viễn-biệt mật-mù sương ngàn dặm* ; như câu tả những người hàm-ân : *Bôi lọ loan học chước trung-mưu, đã com dốc đến ơn tri - kỷ*. Ấy chữ « đã com » và chữ « bôi lọ », là xưa hết thấy ; lắm khi câu tuồng có điển có điển-tích mà mình nhận không ra, thời cũng lạt-lẽo mếu tuồng.

Nói đến mếu tuồng, muốn biết cho

tinh thời phải coi suốt một hồi mới hiểu cách kết-cấu hay dở của người ta, chớ một vài câu đã thấm đầu. Nhưng đó chẳng qua là kẻ sơ-lược, góp-nhất mỗi cách hát, mỗi câu, lục ra mà coi cho biết, vì những người hậu-sinh thường khinh-dị sự đặt tuồng hát, không biết đương-thời biết bao nhiêu người đã khổ-lâm, dùng hết tâm - huyết để vào tuồng hát. Tuồng hát có cái khí-vị cổ-phong, phần nhiều dùng những tiếng ca-dao, ngôn-ngữ, thơ hay, văn cũ, tiếng trợ-ngữ, câu thành - ngữ rất nhiều, lại tiếng nói thông đủ trong ba kỳ, thật là một áng văn-chương rất quý-hóa. Thế mà áng văn-chương ấy ngày nay bình như đã trái mùa lắm, không những đã ít người biết xem tuồng, mà tuồng cũng hao mòn không thành thiên-thập cho người ta xem. Coi như bộ tuồng *Vạn-bửu-trình-tuồng* là một bộ tuồng có giá-trị đặc-sắc hơn hết trong các thứ tuồng, hồi đến lảng văn thơ nôm không người nào là không biết cái tên vẽ-vang ấy, nhà nào tấn-thân sang-trọng lại không trân-tàng một vài chục quyển, đến bây giờ khó lòng mà kiếm cho ra năm ba quyển, huống-hồ toàn-bích, ấy thế mới nên tiếc cho chưa !

Nghe đầu quan Tá-ly bộ *Học Tiên-dầu-tiên-sinh* có xin trích ra một món tiền để tìm-tòi sao-lục các bản tuồng cổ lại, đưa vào các viện tàng - thơ, khiến cho người sau còn được thưởng-giám cái văn-chương cổ-diệu, thật là một sự bảo-tồn xứng-đáng thay.

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử (Huế)



MỘT NHÀ THI-SĨ TRỨ-DANH NƯỚC TA

CỤ NGUYỄN ĐÌNH-CHIỀU LÀM TRUYỆN « LỤC-VÂN-TIÊN »

(1825-1885 (?))

Một nước dặng vẻ-vang bao nhiêu là nhờ văn hay thi giỏi, chứ chẳng phải nhờ chinh-chiến hùng-bào, công-thương to, kỹ - nghệ thanh mà thôi đâu. Đời nào cũng vậy, nước nào cũng vậy, người đều trọng cái tinh-thần hơn vật-chất. Cái hồn của một nước phảng-phất ở trên mấy bộ văn hay nhất của nước ấy. Văn mà làm cho nước vẻ-vang bao nhiêu thì các nhà làm văn có công ơn với quốc-dân bấy nhiêu. Trong văn Pháp chẳng có bài bình-luận chi hay hoặc quyển sách chi hay mà người đọc không biết lý-lịch (*biographie*) của tác-giả. Cái tiểu-lịch-sử của một nhà làm văn trứ-danh là một bài học rất hữu-ích cho ta.

Những bộ thi trong nước ta như *Kim-Vân-Kiều*, *Chinh-phụ*, *Cung-oán* thì giá đáng ngàn vàng. Người mình đọc, cung-tụng mấy câu thi hay, chăm-trở mấy câu văn đúng, biết sinh mỗi cảm-tình lai-lãng với mấy câu thi thần, song chẳng có ý tọc-mạch, tìm-tòi cho biết lý-lịch của tác-giả; chẳng muốn biết cơ-hội nào, cảm-giác nào, cảnh-tượng nào làm cho tác-giả sanh mỗi thương-tâm, than-thở mấy câu văn thoát-tục nào-nùng đề cho mình dặng xem mà phong - ngời bấy giờ. Thậm - chí có người ngâm *Kiều* cả đời mà hỏi đến thì không biết ông đặt chuyện *Kiều* là ai! Bởi cái quan-niệm về quốc-văn như thế, nên trong văn ta có nhiều bộ hay, song vì không ai nghĩ đến tác-giả, không chép tên họ đề lưu-truyền lại làm cho mai-một hiền-tài, như gương truyện *Bích-câu*, *Chinh-phụ* vậy.

Xem nội trong quốc-văn ta thì có nhiều quyển có giá-trị phần nhiều là

văn-văn (*poésie*). Song có hai quyển có giá-trị hơn hết, có ảnh-hưởng to-tát cho xã-hội ta là truyện *Kiều* của cụ Nguyễn Du và truyện *Lục-Vân-Tiên* của cụ Nguyễn Đình-Chiều. Văn của các nước ít có bộ nào mà dặng đủ hạng người trong xã-hội ưa đọc như hai bộ văn này. Từ bậc hạ-lưu cho đến thượng-lưu chẳng ai mà không cảm-hứng cái lý-thú rất huyền-diệu.

Ấy vậy, hai bộ này có ảnh-hưởng to chừng nào thì nhị-vị tác-giả có công ơn với quốc-dân ta chừng nấy. Lý-lịch của cụ Tiên-diên, thiên-tài, mĩ-thuật của cụ thể nào, độc-giả dư biết, vì nhiều nhà văn-sĩ bây giờ khảo-cứu thường, có nhiều bài bàn về cụ Tiên-diên trên tập *Nam-Phong* này. Cụ Nguyễn Đình-Chiều thì ít người biết. Nay muốn khảo-cứu lý-lịch cụ, truyền-bá luân-lý của cụ thì rất khó, vì đời cụ không ai để lại sách-vở chi biên về lý-lịch cụ. Tuy vậy mà sanh mỗi cảm-tình với cụ bao nhiêu phải rằng bấy nhiêu.

Trong các nhà thi-sĩ xưa ta duy có cụ Nguyễn Đình-Chiều là đáng thương xót nhiều. Đời người của cụ thì lao-đao lận-dận vô-cùng. Đọc cái lịch-sử cụ lại càng chua xót, thương-tiếc thay cho một nhà thi-sĩ ta.

Cụ Nguyễn Đình-Chiều, tục thường gọi là Đồ-Chiều, sanh lối năm 1825 tại Sài-gòn. Còn hai năm nữa thì tới kỷ ăn lễ kỷ-niệm trăm năm của cụ, không biết chừng ấy người Nam ta nghĩ sao, nên làm chẳng? Cha mẹ cụ gốc người Thừa-thiên có di-trú tại Huế. Thừa bé cụ học-lành tại Huế. Năm thứ ba triều đức Thiệu-trị (1843) cụ thi đậu tú-tài tại Sài-gòn.

Hỡi ôi ! ba năm sau, cụ phải đau mà chịu mù hai mắt. Bọn học-sanh tỉnh Biên-hòa, có nghe danh và tài học cụ nên xin cụ lập trường dạy học. Cụ liền lập trường tại Bình-vi. Xem như cụ mắt đã tối rồi, như người khác thì đã ra thân vô-dụng cho xã-hội, mà cụ còn dạy học đặng thì biết cụ là người thế nào, bèn chỉ là thế nào ! Tới đây ta mới nhớ lại nhà sử-học Pháp là ông AUGUSTIN THIERRY cũng như cụ. Lúc thừa-nhận cụ có biểu người nhà đọc cho mình nghe một quyển truyện Tàu đề nhan *Tây-Minh*. Cụ nghe rồi, thấy trong đấy có nhiều cảnh thâm y như cảnh-tượng cụ đã gặp-gỡ, nên sanh mỗi thương-tâm vô - hạn mà tác - thành truyện *Lục-Vân-Tiến*.

Trong lúc nhà nước Đại-Pháp qua Nam-kỳ, cụ cũng cùng các ông đồ khác theo binh mà chống cự lại. Lòng ái-quốc của cụ đáng kính, ai ai cũng vậy. Lúc bại-trận rồi, Nam - kỳ bị chinh-phục rồi, cụ không ngờ tân-trào rất có nhân, không theo hành-hả, bắt-buộc những kẻ lúc trước chống-cự lại, nên cụ phải thất-thơ thất-nghiệp, nay cúi bẻ một đầu gành, không chỗ an-thân. Rất thâm-thiết thay cho một bậc thiên-tài như cụ. Lúc bình-tĩnh rồi cụ mới rõ cái chế-độ của tân-trào, nên an lòng về ở yên tại Ba-tri (hạt Bến-tre). Cụ liền lập trường tại đấy. Học-trò cụ càng ngày càng đông, tụ-hợp về đặng nghe giảng dạy.

Mà hỡi ôi ! Ông tạo sanh ra các đấng thiên-tài rồi dường ăn-năn tiếc cái ơn riêng mình đã ban cho loài người, muốn lấy lại. Cụ đã tối mắt rồi nay lần lần chẳng nghe đặng chi cả. Tin thắm này truyền lẫn ra dân-gian, ai ai cũng thâm-thiết cho cụ. Nhà-nước hay đặng nên tình giúp cho cụ một số tiền, thưởng-công một nhà thi-sĩ như cụ, đặng an lúc tuổi già.

Nhưng cụ từ chối không lãnh. Cụ rằng : Rất cảm-tình nhà-nước chiếu-cổ, cụ ở an với học-trò và cũng có dư chút đỉnh mà điều - đình ngày chót của cụ. Tới đây mới biết cái phẩm người của cụ. Vậy thì sự lánh *quyền cao lộc cả, vui thú thanh-nhân, an-thường thủ-phận* mà cụ than-thở trong truyện *Lục-Vân-Tiến* chẳng phải là chẳng có. Cụ nói ra bao nhiêu thì làm theo bấy nhiêu :

Ông quán. — « Quán rằng Nghiêu Thuấn thuở xưa,

Khó gần Sào-Phủ, khôn gần Hứa-Do.
Di Tề chẳng khứng giúp Châu,
Vào nơi non núi ai hầu chi ai.
Ông Y, ông Phó ôm tài,
Kể cày người cuộc đoái-hoài chi đâu.
Thái-công xưa một cần câu,
Sớm khuya sông Vị mặc dầu vui say.
Nghiêm Lăng xưa mấy đua bay,
Cày mây câu nguyệt tả-tơi áo cầu.
Trần Đoàn xưa mấy lo âu,
Gió mây thông-thả công-bầu chiêm bao.
Nay xưa dễ có khác nào,
Muốn ra ai cấm muốn vào ai ngầu. »

Ông chài. — « Sông trong rừa ruộ sạch trơn,
Một câu danh-lợi chẳng sờn lòng dầy.
Rày voi mai vịnh vui vầy,
Ngày thời hươg gió đêm thời chơi trăng.
Ngày ngày thông-thả làm ăn,
Khỏe thời chài lưới, một quăng câu dầm.
Linh-dinh nay chít mai dầm,
Một bàn trời đất vui thăm ai hay.
Kinh-luân đã sẵn trong tay,
Ngửa nghiêng mặt nước vui say giữa trời. »

Ông tiều. — « Lòng già chẳng muốn của ai.
Lộc rừng nuôi bữa hôm mai no lòng.
Ra vào rừng núi thông-vong.
Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.
Công-danh phú - quý mặc ai,
Gắm trong cuộc thế hôm mai khó rày. »

Lối năm 1885 cụ đã yếu quá, hết biết chi nữa. Cụ chẳng còn ham muốn

chi nữa, đến quyền *Lục-Vân-Tiên* mà cụ cũng không ngó tới.

Rất tiếc thay cho một bậc thiên-tài như cụ, mà mắc phải cái thân tàn-tật khôn thể làm chi cho thỏa nguyện mình!

Mục-dịch cụ Đồ Chiểu làm ra quyền *Lục-Vân-Tiên* là để dạy người nhà và học-trò cụ, chứ chẳng phải quyết tập-luyện câu văn cho tuyệt-xảo mà làm một nền quốc - văn cho ta. Bởi thế phần nhiều độc-giả chẳng thích truyện *Lục-Vân-Tiên*. Có nhiều câu văn trong đây rất là tầm-thường, ít có câu văn tuyệt-bút như truyện *Kiều* mà đâm ngay vô lòng ta, làm cho ta đọc đến phải lấm lúc rơi châu. Dầu vậy, chứ hấp-tấp mà bình-phẩm rằng văn cụ vô-giá-trị thì lấm to. Cũng nhờ mấy câu văn tầm-thường ấy mà cụ được phong-ngợi muôn đời, nếu ai xem kỹ văn cụ, cái thiên-tài của cụ rất điều-hòa, khác hẳn với cụ Tiên-diễn. Văn ấy có một cái lý-thú riêng, rất rõ-ràng, rất là dễ hiểu. Ta cũng công-nhận rằng cụ xút cụ Tiên-diễn, vì cụ thân tình với cảnh khổn-đốn, không dặng ai-oán não-nùng, không soi quả tim người như cụ Nguyễn Du. Cái « hay riêng » của văn cụ khó giải dặng. Ấy cũng nhờ rõ-ràng và mấy tiếng thường khéo xếp-đặt mà người ta thường gặp trong văn cụ.

Tóm tắt lại thì cái mỹ-thuật rất sút truyện *Kiều*, ký-giả đã có nói trên rằng cụ không ý tác-thành một nền quốc-văn có mỹ-thuật, nhưng mà là một bộ thi luân-lý rỗng để dạy người vậy.

Trai thời trung-hiếu làm đầu,

Gái thời tiết-hạn là câu trau mình.

Cụ muốn dạy rõ đạo làm người đối với bốn-phần mình và lấy luân-lý làm

gốc. Cụ có cái quan-niệm rất thanh-cao về vấn-đề « *Quân, Sư, Phụ*, » cái thuyết đầu của luân-lý xã-hội Việt-Nam.

Ban đầu quyền *Lục-Vân-Tiên* còn dùng dạy học-trò và người nhà cụ. Sau lần lần cả nước đều hay, đều biết hứng câu văn và luân-lý của cụ.

Bấy giờ cả dân-gian đều ham đọc, từ ông đồ hay chữ thông-minh cho tới mấy chị hàng tôm dốt-nát tầm-thường. Ấy thiệt là một bộ thi có ảnh-hưởng to cho phong-hóa về mấy chục năm trước. Đời nay là đời duy-tân, ăn mặc cũng đổi, tiếng nói cũng muốn đổi, chẳng ai nhớ đến cái phong-hóa đẹp-đẽ thừa xưa, nên bộ *Lục-Vân-Tiên* lần lần cũng vô lối văn cổ-diễn.

Người Pháp sang ta mà biết hưởng văn ta có hai người là ông ABEL DES MICHELS vừa dịch truyện *Kiều* vừa dịch truyện *Lục-Vân-Tiên*, và ông EUGÈNE BAJOT dịch truyện *Lục-Vân-Tiên*. Ông BAJOT là giáo-sư dạy tại trường CHASSELOUP LAUBAT (Sài-gòn) lối năm 1885. Ông đọc truyện *Lục-Vân-Tiên* biết hiểu thấu tâm-lý của tác-giả, ông sanh mỗi cảm-tình vô-hạn, nên dịch trọn ra thi Pháp (1). Trước đầu quyền sách của ông có một đoạn lý-lịch của cụ Nguyễn Đình-Chiêu. Người ngoại-quốc mà biết am-hiểu cái hồn của văn ta như thế, biết sanh mỗi thương-tâm như thế, nghĩ mà nức-cười cho phần nhiều mấy cậu tuổi nhỏ nước ta đời nay, — tương-lai của Việt-Nam ta đó!, — mới vừa nhom-nhem tiếng tây mà đã trở lại khinh-khi tiếng mẹ đẻ mình, không muốn học, không biết trong lịch-sử quốc-văn ta có lấm lúc vẻ-vang. Bàn đến cụ Tiên-diễn, cụ Nguyễn Đình-Chiêu thì bơ-ngơ, báo-ngáo mà nói đến tên các cụ CORNEILLE, VICTOR HUGO, thì nhảy-nhót la vang

(1) — *Histoire du grand lettré « Louc-véan-Téian »* par EUGÈNE BAJOT. Un volume in-8° Challamel, Editeur, Paris. Bản dịch này là thoát dịch, chứ không dịch đúng từng câu từng chữ.

tên mấy quyển sách « *Le Cid* » « *Les Contemplations* », dường như mình đã rõ tốt, hiểu thấu như mấy nhà bình-phẩm văn Pháp vậy. Thiết là « có võ mà không ruột ngay » như lời ông Phạm Quỳnh đã nói rất đúng.

Dưới đây xin trích vài đoạn hay nhất của truyện *Lục-vân-Tiên*, để cống-hiến cho đọc-giả xem :

I

Vân-tiên tạ thầy đi thi

Xây nghe mở hội khoa thi,
Vân.Tiên vào tạ tôn-sư xin về.
Bấy lâu cửa thánh dựa kề,
Đã tươi khí-tượng lại xuê tinh-thần.
Nay đã gặp hội phong-vân,
Ai ai mà chẳng lập-thân buổi này.
Chỉ lăm bần nhạn ven mây,
Danh tôi dần rạng tiếng thầy đồn xa.
Làm trai trong cõi người ta,
Trước lo báo-bồ sau là hiền-vang.
- Tôn-sư bần luận tại-nàn,
Gẫm trong số-hệ khoa-tràng còn xa.
Mấy trời chẳng dám nói ra,

Xuôi thầy thương tứ xót-xa trong lòng,
Sau dầu tỏ nỗi đục trong,
Phải toan một phép đề phòng hộ thân.
Rày con xuống chốn dương-trần,
Thầy cho hai đạo phù-thần đem theo.
Chẳng may mà gặp lúc nghèo,
Xuống sông cũng vững, lên đèo cũng an.
Tôn-sư trở lại hậu-đàng,
Vân.Tiên ngơ-ngần lòng càng sanh nghi...

II

Lúc đi về

Ra đi vừa rạng chơn trời.
Ngủ-ngủ ngó lại nhớ nơi học-đường.
Tiên rằng : « Thiên các nhứt phương,
Thầy đeo đoạn thâm tứ vương mỗi sấu.
Quản bao thân trẻ dài-dầu,
Mang đai Tử-Lộ, quảy bầu Nhan-Uyên.
Bao giờ cá nước gặp duyên,
Đặng cho con thảo phỉ nguyên tôi ngay.
Kể từ lưới dâm đến nay,
Mối mê hầu đã mấy ngày xống sượng.
Đoái nhìn phong-cảnh thêm thương,
Vội-vội dậm cù nẻo đường còn xa...

NGUYỄN NGỌC-CHỈ
(Sóc-trăng, Nam - kỳ)

DUYÊN KỲ-NGỘ MỘT CHI HÀNG HOA

(Tiểu thuyết)

Bên bờ sông Châu-giang thuộc xứ Sơn-nam kia, mấy cụm lau hiu-hắt, và chồi liễu lơ-thơ, dưới bóng tre xanh rậm-rạp um-tùm, một túp tranh con, ấy chính là cái nhà yêu-qui của cô hàng hoa Nguyễn Thị-Lan đó.

Có vốn là con nhà gia-thế, người tỉnh Hải-dương, ông cha ngày trước vào bậc phú-hào, cũng đã chiếm một phần danh-dự bậc nhất bậc nhì trong chốn hương-thôn. Chẳng may má hồng phận bạc, tuổi xanh khuất bóng thung-đường, mẹ góa con côi, không bao lâu mà những gia-sản của ông cha để lại cho ngày trước, nó đã theo với

ngọn nước thủy-triều cuối mùa thu mà mỗi ngày một sút dần đi. Nào có phải ần hoang phá hại gì đâu, chẳng qua số phận long-dong, trời xanh quen thói má hồng đánh ghen !

Mẹ con đưa nhau đến xứ này ở, đã trải mấy thu, rau cháo nuôi nhau, lần hồi khuya sớm, cái thú sinh-nhai thực là êm-đẹp lạ thường ; tuy trong ảng cổ lều tranh, mà cũng chẳng kém gì kê cửa cao nhà rộng, ruộng cả ao sâu ; con mẫn mẹ, mẹ yêu con, cái thiên-luân lạc-sự của một gia-đình như thế, kể cũng là ít có vậy.

Sao đời vật đổi, ngày tháng trôi

đưa, không bao lâu mà cô đã xuân-xanh xấp-xì tới tuần cập-kê. Cô tuy chả được đâu mắt phượng mày ngài, lưng ong má phấn, nhan-sắc trăm-ngư lạc-nhạn như cô Kiều, cô Vân ngày trước; nhưng mà cái tóc đen nhanh-nhánh, cái má đỏ hồng-hồng, cái dáng đi yếu-diệu, cái tiếng nói dịu-dàng, lạ gì con gái đến thì, cái nhan-sắc có một, cái nhân-duyên nó đáng lên mười, đem câu tài-sắc mà so, thì ở trong chốn thôn-quê nhỏ-mọn này, cái nhan-sắc tầm-thường của cô, cũng có thể đặt lên bậc nhất bậc nhì chi đó. Cô là con gái nhà nghèo, cô có thiết chi cái đẹp, cô chỉ mong sao cho đủ ăn đủ vận, đủ nuôi mẹ già, nên trong vẻ đẹp của cô, nó lại kém người ta một vẻ là không có son tô phấn điểm, lược chải trâm cài. Than ôi! cái nghèo nó làm cho người ta thua thiệt trăm phần.

Bấy giờ cô vừa mười-bảy tuổi, mẹ già tóc bạc da mồi, cô phải đem thân ra mà chịu cái gánh nặng sinh-nhai; cô chọn ngay được một nghề doanh-sinh rất là nhẹ-nhàng, rất là thanh-thú, rất là hợp với cái tình-cảnh của cô. Có vốn đầu cho nhiều, mà bảo rằng buôn Tần bán Sở, mua vận bán ngân; thôi thì một gánh hàng hoa, sớm qua chợ sớm chiều qua chợ chiều.

Cái nghề bán hoa phải đi thật sớm, cứ sáng ngày ra, nghe con chim nó riu-rit trên cành, cô dậy thổi cơm nấu nước, hầu hạ mẹ già, đoạn rồi cất gánh ra đi. Ngày nào cũng vậy, sớm cô đi bán hoa, chiều cô đi hái hoa, tối chưa về đến ngõ, đã thấy mẹ già đón cửa, hỏi một tiếng: — Con đã về đấy, con, — ấy thế là bao nhiêu những sự gian-tân, đi sương về mù, buôn thúng bán mẹt, cô không quản gì cả; cô chỉ ước ao hằng ngày được tấm lòng vui-vẻ của mẹ già, cô được dài-lâu vui-vầy ở dưới gối mẹ già, ấy là thỏa cái tấm lòng hiếu-thảo của cô.

Gần làng có ở, về trại bên cạnh, có

một ông già, tên là Trần Lục-Ông, gần sáu-mươi tuổi, không có vợ con gì cả, nhất-sinh ông chỉ thích trồng hoa, cái cách sinh-nhai của ông trông cả vào cái vườn hoa, ấy cái vườn hoa là cái hi-vọng cảnh già của ông, là cái thần-tiên cảnh-giới của ông.

Cô Lan ngày ngày đến mua hoa của ông già, lạ thay cái tay thần-tiên của cô thật là khéo hái hoa, cây nào cô đã hái qua thì lại càng tươi tốt bội phần, mà nếu ngày nào cô không đến, thì cái vườn hoa qui-báu của ông hình như có ý thê-thảm tiêu-diệu, đó là cái sự kinh-nghiệm của ông già trong khi tưới hoa mỗi một buổi sáng mà ông thường trông ngắm-nghía như vậy.

Bởi một lẽ đó, nên ông không bán hoa cho ai cả, chỉ để riêng bán cho cô Lan; hề thấy cô đến mua hoa, ông mừng-rỡ lắm, cười cười nói nói: « Gớm, cái vườn hoa của tôi nó mong có đã nóng cả lòng ». Cô Lan thấy ông cụ vui tính, dễ-dãi, bán hàng lại phải chẳng, cô nghĩ đến cái tình-cảnh của ông, sớm trưa vô-võ một mình, lắm lúc cô cũng thương thâm xót vạy.

Trời đất xoay vần, bể dâu biến đổi, bà mẫu-thân cô Lan phút đã từ-trần. Tình-cảnh cô bấy giờ thực là điêu-đứng khổ-sở!

Một mình cô biết làm sao? Nỗi nhà tang tóc nỗi mình bơ-vơ!

Anh em nào? họ đương nào? sự khâm-liệm, việc tống-táng, cô biết nhờ cậy vào đâu? Đang lúc ruột tằm bối-rối vô tư, thì bỗng đâu thấy ông phật Thích-ca hiện hình ra trước mặt; ông phật ấy là ai? chính là ông lão bán hoa cho cô mọi ngày đó.

Cô vội bước ra chào, nức-nở nói không ra lời, đôi giọt ngọc rỏ trên má đào, làm cho ông già cũng phải cau mặt mà thở dài, thương tình con trẻ thơ-ngây, ông phải xuất tiền ra lo-liệu tất cả mọi sự cho nàng.

Thế là nàng đã nợ ông một cái ơn trời biển ; nợ lòng biết trả bao giờ cho xong ? ...

Từ khi huyền-đường khuất bóng non tây, một mình nàng vợ-vợ vòng-vòng trong xóm nhà tranh ; nào là buồn rầu thân bạc-mạnh, nào là đau-dớn nỗi chung - thiên. Lúc đêm khuya dưới ngọn đèn xanh, cô ngồi nghĩ quanh nghĩ quẩn, nghĩ vẩn nghĩ vơ, tứ-cổ vô-thân, biết nhờ cậy ai ? họa chăng là ông lão bán hoa nhân-từ phúc-hậu kia, ông sẵn lòng thương ta, yêu ta ; vì chẳng bằng đôi phải lứa, thì ta chỉ quyết đem thân mà làm khuyển-mã cho ông. Nhưng mà con gái mười-bảy, mười-tám, đã sợ hết duyên gì mà đã phải với vợ ông lão móm làm chồng ; cô nghĩ vậy mà cô lại phì cười ; ấy cái tâm-sự của một cô thiếu-nữ long-dong thật là vợ-vần quá. Song có lẽ bàn với ai, nói với ai, họa chăng là cái ngọn đèn xanh trên bàn cùng là cái bóng trắng suông ngoài cửa sổ. Bởi vậy mà thâu đêm lại ngày, hết cười lại khóc, ngày làm bạn với gánh hàng hoa, tối về tựa cửa ngồi chong, hết trông con đom-đóm lập-lòe, lại nghe con giế kêu rả-rả, nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng.

Thoi đưa thấm-thoắt, cái mối sầu riêng của cô nó cũng lần-lần mà tháng trọn ngày qua, cô đã ba-năm-hai-bảy tháng chung-chế mẫu-thân rồi. Song cái ngày sầu qua là ngày ngo-ngần đến, một cái bóng hoa vô-chủ, thì giữ sao cho khỏi bướm là ong lơi, cô thấy cái thối đời nó bạc-hãnh, cô lại càng thêm chán-ngán cho đời, nhiều phen cô đã toan cắt tóc đi tu, song mà cái nợ lòng chưa trả, chữ hiếu kia còn canh-cánh bên lòng, thành ra sương sa hôm sớm, nàng chỉ phải luôn luôn phòng-bị với những quân ong bướm vô-loài.

Một hôm cô vào đền bà chúa Liễu lễ xin thẻ và cầu mộng, đề xin ngài chỉ bảo cho cái duyên-kiếp tương-lai ; đêm hôm ấy cô nằm chiêm bao thấy một người đàn-bà đọc cho một câu kệ rằng :

*Phải đem tình trả hiếu,
Ai biết nợ là duyên.*

Có cũng biết cái nhân-duyên của cô về tay ông lão bán hoa, cô cũng yên tâm như thế, mà không phân-nân chi cả. Tuổi đời bạc-hãnh, cô đã trải rồi, thì cô cũng yên lòng như câu phương-ngôn nói : *Trời mưa nước chảy qua sân...*

Một hôm cô lại đến mua hoa, ông già cũng nói như những lần trước : « Góm cái vườn hoa của tôi nó mong có đã nóng cả lòng ».

Cô trả lời rằng : « Nếu cụ rộng cho tôi được sớm trưa ở đây trông nom cái vườn hoa cho cụ, thì lọ là còn phải rày mong mai chờ chi nữa. »

Ông già sỗ-sảng liền hỏi : « Chẳng hay có ngờ tôi có bụng gì mà cô dạy quá lời như vậy ? »

— Cô Lan : « Thừa cụ, chẳng giấu gì cụ, con nghĩ đến cái ơn cụ trong khi mẫu-thân con lâm-chung, thì không bao giờ con quên cụ được, đêm qua con có nằm chiêm bao thấy chúa Tiên ngài cho một câu kệ rằng : *« Phải đem tình trả hiếu, ai biết nợ là duyên »*, chắc là con với cụ có cái duyên-nợ ba-sinh, nếu cụ rủ lòng thương tôi, thì con xin ở lại đây để hầu hạ cụ, lưng cơm bát nước, gọi là chút nghĩa xương-tủy, trẻ thơ nóng-nổi, xin cụ tha lỗi cho. »

— Cụ già : « Có nghĩ như thế là ít có lắm, song tôi đâu dám đem cái thân tàn mà làm làm-lỡ cái thanh-xuân đẹp-dẽ của cô ; thôi, xin cảm ơn cô. »

— Cô Lan : « Thừa cụ, con thực tình như vậy, xin cụ cứ nghe con. Gọi là trả chút nghĩa người, lòng này dâng-dặc muôn đời chẳng quên ; . . »

Nề lời khôn lẽ chối lời, ông già nghe cũng êm tai, thế là chẳng phải mối lái gì, mà một ông lão 60, một cô con gái đôi-mười đã cùng nhau đẹp duyên cá-nước ; một người như cây mai già sức-sích, một người như bông huê lan hơn-hở tươi cười.

*Kinh yên từ trước đến sau,
Trong khi gặp-gỡ biết đâu duyên trời.*

Lòng trời không phụ người ngoan, vợ chồng ăn ở với nhau, hơn một năm trời, cô Lan mãi-nguyệt khai-hoa, sinh được một thằng bé con trai, thực là hai vai chĩnh-chiên ba đình nở-nàng, đặt tên là Trần Huy - Bích, vợ chồng yêu quý như hòn ngọc trên tay ; một chồng một vợ một con, chỉ nhờ có cái nghề trồng hoa mà kiếm ăn lần lữa tháng ngày.

Sự dâu sóng gió bất-kỳ, đến năm thằng bé lên bảy tuổi thì xảy ra một sự rất là ghê-gớm ! Số là lần đấy có một chàng công-tử bột, con nhà hào-phú, quen thói trăng-hoa, thấy cô Lan là người-nhan-sắc, thì sinh lòng quyến anh rủ yếm, rở hết ngón nọ đến ngón kia ; nhưng mà ai, chứ như cô Lan thì phổng bao nhiêu vương-tôn công-tử cô có quân vào đâu, ông già hom-hem kia, là nghĩa già đời của cô, thằng bé qui-báu kia, là cái hi-vọng suốt đời của cô, thờ chồng nuôi con, một lòng sắt-đá.

*Êm-dềm trường rủ màn che,
Trường đông ong bướm đi về mặc ai....*

Chàng công-tử ta từng kể phải dùng đến mẹo kiếp-gian, thuê một lũ côn-quang, đang khi đêm tối, vào bắt ngay nàng đi ; buồm cao treo thẳng

cánh thuyền, mông-mênh nào biết bề trời là đâu ! Nàng thì phách lạc hồn xiêu, kêu van hết cấp, chỉ còn một sự liều mình giữ tiết là xong. Trong khi quân giặc đưa nàng đi bốn năm ngày trời, thì nàng chỉ những than vụn khóc thầm, sợ nữa mắc phải lưỡi dao oan-nghiệt, mong thù này còn có lúc trả xong ; đến hôm ấy thì bỗng thấy trước mặt nàng có một cái thuyền đi lại, ấy là cái thuyền của bác công-tử đó.

Thuyền vừa áp mạn, công - tử bước sang, đỡ - dành khuyên - giải trăm chiều, nói rằng nếu nàng bằng lòng cùng hần kết - duyên, thì hần sẽ đưa nàng về cố-hương, và giúp đỡ cho chồng con cũ nàng một cách tử-tế.

Nhưng dù chàng khéo nói đến đâu, cũng chỉ làm cho nàng thêm khổ-não tẩm lòng má thối, nàng nhất - định không chịu, mà cự lại lắm câu rất kịch-liệt, làm cho chàng kia phải độ mặt tia tai. Nó biết rằng tẩm lòng sắt đá không thể nào xiêu được, đang lúc đêm thanh, bèn đun nàng xuống sông, để cho sạch hơi tiếng ; may sao lòng ngay dạ thảo, giang-thần còn gìn-giữ người ngoan, nàng ngoi-ngóp thể nào lẫn vào được đến bờ sông, một mình lần-quất trong bãi đồng xanh. Hay đâu gió đưa mây rước, nàng đi quanh đi quẩn mãi, tìm vào được đến một cái chùa, tên gọi chùa Ngọc-long, chùa có một vị sư già ở, sư già thấy nàng có tướng phúc-hậu, lành lòng liền thương, nuôi nấng ở đấy đề trông nom đỡ các công việc trong chùa. Nàng tuy được chốn nương thân, bình-yên vô-sự, cũng đã lấy làm đại-lạnh-phúc lắm rồi, song nhiều khi nghĩ đến chồng già con dại, thì sầu đông muôn học, lại hình như chan - chứa trong can-trường, sớm

trưa lá bối phan mây, tuy vui đạo Phật chưa khuây lòng người.

Mà nói đến tình-cảnh cha con ông lão già thì lại càng thảm-hại nữa. Trong khi bất-ý chẳng ngờ, nàng bị bắt đi, ông cũng chẳng biết đầu đuôi ra sao cả, ngờ-ngác rụng-rời, phần thì thương con, phần thì nhớ vợ, một mình đứng tủi n ổi sầu, đã than với bóng lại rầu với hoa.

Cái vườn hoa tươi-tốt của ông ngày trước, bây giờ nó đã hóa ra một cái cảnh tiêu-diêu, cảnh cỗi không buồn sửa, hoa tàn chẳng rồi vợ. Cái nghề cây, có chăm tưới-tắm vun-bón thì nó mới tươi-tốt, nhưng mà như ông, cha già con mọn, thì người buồn cảnh còn lấy gì làm vui nữa. Dần dần gia-kế của ông một ngày một kém, làm không đủ ăn, hai cha con phải dắt nhau đi khiêu-hóa, đi quanh đi quẩn, ngờ đâu tình cờ không hẹn mà nên, bỗng một ngày hai cha con đưa nhau đến chùa Ngọc-long.

Bấy giờ nàng đương đứng hái hoa lễ Phật, chợt trông thấy thằng bé đứng ngoài cửa tam-quan, đang nói chuyện với ông già : « Giá cái giàn hoa của nhà ta còn đến rày, thì có dễ nó tốt bằng hai bằng ba cái giàn hoa này nhỉ ». — « Quái-tiếng ai vắng-vắng như tiếng thằng Huy-Bích », nói đoạn,

nàng quay ra thì bỗng nhiên ngờ-ngác rụng-rời :

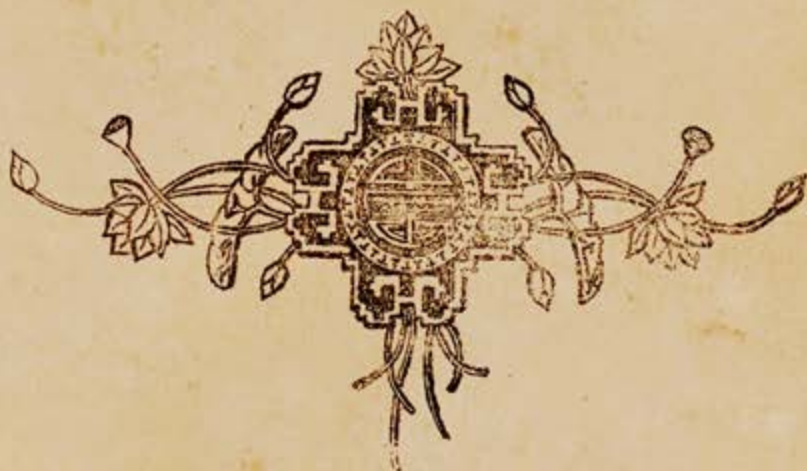
« Kia, Huy-Bích con ơi ! vì đâu cha con đã dắt-diu đến đây ! », rồi nàng chạy lại ôm lấy thằng Huy-Bích mà rằng : « Ngờ đâu Trời Phật run-rủi mà mẹ con lại được gặp-gỡ nhau đây ! ông lang-quản già của thiếp ơi ! Bắc nam cách-trở đôi đường, thiếp tuy không nhớ ông như những câu thề-tục thường-tình, nhưng mà thiếp thương ông lắm, mà nhất là thiếp thương thằng Huy-Bích này lắm ». Lời tan-hợp nổi hàn-huyên, chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng.

Đoạn rồi dắt nhau vào cửa thiền-môn, trước ra lễ Phật sau vào bạch sư.

Sư già thấy sự ngạc-nhiên, cũng lấy làm cảm-tình, bèn nuôi cả hai cha con ông già ở đấy, ông già thì vun cảnh trồng cây, còn Huy-Bích thì nuôi cho đi học, về sau thi đỗ làm quan, ông già hưởng thọ tám tuần, cô Nguyễn Thị-Lan cũng thọ ngoại bảy tuần, một nhà lộc nước ơn trời, con con cháu cháu muôn đời vinh-hoa.

Còn chàng công-tử kia sau bị việc hành-kiếp phải tội lưu chung-thân.

NGUYỄN NGỌC - THIỀU



MỘT CÁI HỌC-THUYẾT MỚI

Thuyết « đối-dịch » của ông Einstein

Khoa-học sở dĩ có cái oai-quyền đáng trọng và cao-kỳ, là vì càng ngày càng phát-minh ra được nhiều sự lạ. Vũ-trụ huyền-bì như một vùng thâm-lâm, mà Khoa-học là một khu quang ở trong rừng rậm ấy. Người ta bao giờ cũng chặt phá các bụi cây để mở rộng cái phạm-vi chật-hẹp của Khoa-học, nhưng chặt mãi mà vẫn thấy còn nhiều quãng tối-tăm và chưa ra khỏi cõi vô-tri vô-giác. Tuy-nhiên, trong bọn tiêu-phụ có công phát quang ấy, ít người đã vác rìu đi xa bằng ông EINSTEIN.

NORDMANN (*Einstein & l'Univers*)

Đã mấy năm nay, sau cuộc đại-chiến-tranh năm 1914-1918, ở các nước văn-minh, cái thuyết đối-dịch (*théorie de la relativité*) của ông EINSTEIN đã thành một câu mĩ-dâm trong học-giới và một mối tranh-luận của các nhà khoa-học. Trừ ở nước Việt-Nam ta không kể, còn ở các nước khác như nước Pháp, nước Anh, nước Nhật, cho đến nước Tàu, nếu kẻ nào nghe nói đến tên ông EINSTEIN mà không biết là ai, thì có lẽ bị mọi người chê cười là một anh văn đưng ngoài tư-tưởng-giới.

Hai chúng tôi may đã đọc được một vài quyển sách tây bản về thuyết đối-dịch của ông, không dám tự-phụ là biết rộng hơn ai, nhưng cũng lấy làm khoái-tri như ông LA FONTAINE khi mới được đọc mấy câu kinh hay của thánh BARUCH. Tuy vậy, chúng tôi cũng không dám bắt-chước ông LA FONTAINE mà đi đến đâu cũng hỏi: «Chớ ông đã đọc kinh *Baruch* chưa?... Chớ ông đã đọc sách EINSTEIN chưa?» Chúng tôi viết bài này chẳng qua cốt để tóm ghi lấy bằng quốc-văn mấy điều đại-khái về cái thuyết của ông và đề-giới-thiệu cùng quốc-dân ta một bậc bác-học đã nổi tiếng lừng-lẫy trong thế-giới bây giờ. Viết bài này thật là

bạo qua, vì những thuyết ấy siêu-việt, phiền-phức và khó hiểu lắm, đến nỗi một nhà thiên-văn-học Pháp đã phải nói: « Nếu ai không giỏi số-học thì cứ trông thấy những nét gạch xiên-xẹo và những tên gọi riêng cũng đủ kinh người như vào một trại thú dữ, không dám nhìn nữa. » Nhưng khó thì khó, chúng tôi cũng chịu tiếng bất-tự-lượng mà làm liều, họa may trong muôn phần diễn-thuật ra được một đôi phần chẳng, cũng không phải là việc vô-ích. Vậy xin các độc-giả cũng thể-lắt mà khoan-dung cho.

Tiểu-sử ông Einstein

Trước hết chúng tôi hãy kể qua đề các ngài rõ ông EINSTEIN là ai đã.

Ông EINSTEIN là người nước Đức, sinh tại thành *Ulm*, năm 1879. Thoạt tiên, ông làm việc ở sở phát hành chế-tạo thành *Berne*, sau dạy học tại trường Bách-công thành *Zurich* và trường Đại-học thành *Prague*. Sau đấy ít lâu, ông được mời làm giáo-sư trường Đại-học *Berlin*, là nơi ông được nhiều thi giờ để học-hành, khảo-cứu. Năm 30 tuổi, ông xuất-bản một bài đại-luận về thuyết tương-dối. Bài luận ấy lời-lẽ cứng-cát và có ảnh-hưởng rất lớn trong tư-tưởng-giới. Một nhà lý-học khen rằng

xưa kia chưa từng có bài luận nào xuất-sắc như thế và coi như một sự cách-mệnh trong tư-tưởng người ta về cái thế-giới hữu-bình (*une révolution introduite dans la conception physique du monde*). Năm 1916, ông lại đem in một quyển nữa bàn về thuyết ấy.

Cối-rễ thuyết tương-đối

Nay ta thử xét xem cái thuyết tương-đối ấy mới lạ, cao sâu thế nào, mà thiên-hạ đã phải tôn ông EINSTEIN là một bậc vĩ-nhân trong khoa-học-giới, là một cái chòm cao của tư-tưởng người ta (*un des sommets de la pensée humaine*). Xét kỹ ra thì người đời trước cũng đã từng nghĩ đến cái vấn-đề này, như ông Trang-tử nước Tàu, ông LUCRÈCE ở La-ma, ông HENRI POINCARÉ ở nước Pháp ngày nay, v. v., nhưng trước ông EINSTEIN chưa ai chứng-giải một cách phân-minh và thực-nghiệm như ông.

Từ xưa tới nay, bao giờ cái ngoại-giới (*le monde extérieur*) nó bao-bọc ta kia, cũng vẫn gợi và khiến trí ta phải suy-nghĩ đến. Vô-cùng là gì? Vũ-trụ có vô-cùng không? Tri-thức người ta có giới-hạn thì sao suy-tính được cái vô-cùng ấy? Muốn đo-lường mọi vật ở trong vũ-trụ, thế tất phải dùng cách đo-đạc của mình đặt ra, nhưng đo-đạc như vậy thời biết chắc thế nào là đúng mực và đáng tin được? Các giác-quan ta có thể biết hết được tất cả các hiện-tượng biến đổi ở chung quanh ta không? Đó là các vấn-đề mà những nhà tư-tưởng thuộc phái đối - đích (*les relativistes*) thường gia-công nghiên-cứu xưa nay.

Thuyết của Trang-tử

Ấy chính Trang-tử là một nhà triết-học Tàu, sống vào khoảng năm 330 trước Gia-tô giảng-sinh, đồng-thời với Mạnh-tử và ARISTOTE nước Hi-lạp, đã có cái tư-tưởng đối-đích ấy. Về thời bấy giờ mà ông đã biết rằng

người ta kiến-thức hẹp-hòi, những điều mình biết đối với những điều mình không biết thực chẳng thấm vào đâu, nếu mình hiểu rằng ở ngoài vùng trời đất mà mắt ta trông thấy còn có các thế-giới khác nữa thì sẽ coi thân mình chẳng bằng một hạt thóc trong kho. Vậy người ta không nên ganh hơn kém với nhau làm gì, vì những điều ta biết nhất-thiết là thuộc về đối-đích cả. Theo ý ông thì thời-gian với không-gian chỉ là những cái người ta tưởng-tượng đặt ra để tiện so-sánh mọi sự-vật ở đời đó thôi. Nên ông nói rằng :

« Kể khôn ít, sánh sao được với kẻ khôn nhiều ; loài tuổi ngắn, sánh sao được với loài tuổi dài. Ta quyết thế, nhưng sao ta biết vậy? Người ta đã chia thời-gian ra thành năm, chia cách thế chứ chia cách khác cũng được. Vả lại một năm là cái gì? Nhiều hay ít? Lâu hay chóng? Một năm đối với cái khoảng lâu vô-cùng là cái gì? — Cây năm mọc buổi sớm, héo buổi chiều, biết đâu được ngày ba-mươi, ngày mồng một? Con ve sầu, mùa xuân sinh, mùa hạ chết, biết đâu được có mùa thu, mùa đông. Tuy vậy những vật ấy cũng sống một đời riêng. Đó là tuổi ngắn. — Ở phía nam nước Sở có cây minh-linh, lấy năm trăm năm làm mùa xuân, năm trăm năm làm mùa thu ; về đời thượng-cổ có cây đại-thung, lấy tám nghìn năm làm mùa xuân, tám nghìn năm làm mùa thu. Thế thì các tuổi ấy dài biết ngần nào? — Chẳng những cây cối, người ta cũng vậy. Kia như ông Bành-Tổ sống tám trăm năm, bây giờ vẫn còn tiếng là sống lâu, chúng-nhân muốn so-sánh với ông ấy, chẳng cũng đáng ngán lắm ru? »

Về phương - diện thời-gian, ông Trang-tử nói như vậy, mà về phương diện không-gian ông cũng nghi-ngờ,

nên ông lấy vài cái tỉ-dụ khác, hoặc ở sự quan-sát bằng ngày, hoặc ở trong truyện cổ-tích, để đánh đổ cái trí độc-đoán của người ta đi. Ông nói rằng :

« Trời xanh kia, có phải chính sắc trời thế đâu, chỉ vì xa-xôi không biết đâu là cùng đó thôi. Ở trên trời mà trông xuống dưới đất này, chắc cũng thế. — Vả, bề nước chưa không được nhiều thì chở thuyền to không nổi. Đổ một gáo nước lên trên thêm, thì một cái lá tre nổi trên mặt sẽ là thuyền ; nếu để cái chén vào, thì chân chén sệt xuống đất, bởi vì nước nông mà thuyền lớn vậy. »

Ông lại nói :

« Tại bề bắc có một con cá gọi là cá cón. Cá cón lớn không biết mấy nghìn dặm. Sau hóa thành chim gọi là chim bằng. Lưng chim bằng cũng không biết mấy nghìn dặm. Khi bay, cánh nó tựa như rủ khắp trời. Chim ấy, lúc nào khi bề động (bão) thì dời sang bề Nam. Bề Nam là một cái ao nhỏ của trời đó. Sách *Tề-hải*, là sách ghi chép sự kỳ-quái, có nói rằng : Khi chim bằng dời sang bề Nam, nước cón sóng ba nghìn dặm, vỗ cánh lên cao chín muôn dặm, bay sáu tháng mới nghỉ. — Một con học-cưu trông thấy chim bằng bay cao xa như vậy, cười mà rằng : Con chim kia bay đi đâu mà vội-vàng, cuồng-dại như thế ? Ta đây chỉ phải vỗ cánh vài cái cũng đủ bay lên trên cánh đồng, rồi ta lại đậu xuống cây du-phương. Ta lên được thế là cùng sức, vậy mà ta đối với chim bằng cũng chẳng khác gì nhau, chẳng qua hấn với ta cũng là cái mảy con lặc trong khoảng-không vô-cùng vậy. »

Ông Trang-tử không những ví chim bằng như con học-cưu mà thôi. Muốn cho cái tư-tưởng ông được thêm mạnh, ông bèn ví con đại-bằng ấy, đối với

cái vô-cùng, như những luồng khí ta hút buổi sáng ở trên cánh đồng, như các cái bụi mà xa trông thấy mùa bay ở trong một giải ánh sáng mặt trời.

Ấy ý-tưởng của ông tổ chủ-nghĩa « Tiêu-diêu phóng-khoáng » — tức là ông Trang-tử — đại-khải như thế, tuy viên-vọng, vì đó là một bài lý-luận về triết-học, không rõ-ràng như cách lý-luận về số-học của ông EINSTEIN, nhưng cũng đủ chứng cho ta tin rằng cái thuyết đối-dịch có đã lâu, kể từ đời thượng-cổ. Chẳng hay các nhà xướng ra thuyết đối-dịch bên Âu Mỹ ngày nay có biết đến ông triết-học Tàu ấy là ai không...

Thuyết của Lucretius

Sau ông Trang-tử, vào hồi năm 95-51 trước Gia-tô giảng-sinh, ông Lucretius là một nhà thi-nhân La-tinh cũng có viết một đoạn dịch sau đây để bày tỏ cái chủ-nghĩa của ông Epicurus nước Hi-lạp, mà bài này hình như đã phác-họa trước ra cái thái-độ của ông EINSTEIN đối với cái học-thuyết cũ của NEWTON.

« Cứ tự một mình nó thì cái thời-gian không có, nó có là chỉ bởi những vật ta có thể cảm biết được, những vật nhờ đó ta mới hiểu thế nào là kỳ-vãng, hiện-tại và tương-lai. Nếu ta không nghĩ đến sự chuyển-động hay là sự yên-ngỉ của các vật, thì ta không thể tưởng-tượng được thời-gian. »

Câu ấy trích ở trong quyền *De Nature rerum* ra. Nhưng trước ông EINSTEIN mà bàn về cái thuyết đối-dịch rõ-ràng nhất, duy có ông HENRI POINCARÉ ở nước Pháp (là anh em thúc bá với quan Giám-quốc Pháp bây giờ, ông vừa mất được mười năm nay).

Thuyết của ông Henri Poincaré

Ông HENRI POINCARÉ (1854-1912) là

một nhà số-học trứ-danh của nước Pháp. Khi bình-sinh, ông cũng đã bàn đến cái vấn-đề tương-đối (*problème de la relativité*) và bài - bác cái thuyết của ông NEWTON cho thời-gian và không-gian là tuyệt-đích (*absolus*). Vậy chúng tôi xin trích-dịch ra đây một hai đoạn ở trong bài đại - luận của ông về các ngài đồng-lãm. Ông thuyết-lý rằng:

« Ta không thể tưởng-tượng cái không - gian trống - rỗng được. Sự tương-đối của không-gian chính bởi đó mà sinh ra, ta không thể phá bỏ được. Kể nào nói đến không-gian tuyệt-đích là dùng một chữ vô-nghĩa. Tôi đứng ở một chỗ nào trong thành-phố Paris, ví-dụ ở đền *Panthéon*, và tôi nói: Ngày mai tôi sẽ trở lại đây. Nếu người ta hỏi tôi: Anh có định trở lại chính cái chỗ trong không-gian mà anh đã đứng ở đây không? Tôi sẽ trả lời rằng: Có. Thế nhưng nếu tôi trả lời như vậy thì sai, vì từ nay đến ngày mai, quả đất trong khi quay, đã mang đền *Panthéon* đi theo mình ra chỗ khác, đã chạy được hơn hai triệu cây-lô-mét rồi. Nếu tôi muốn nói rõ cũng không thể được, vì hai triệu cây-lô-mét của quả đất chạy ấy là đối với mặt trời, mà chính mặt trời cũng xoay - chuyển đối với đám sao Ngân-hà, đám sao Ngân-hà chắc cũng xoay-chuyển, nhưng ta không thể biết được cái tốc-độ của nó. Thành-thử không bao giờ ta biết đích được rằng mỗi ngày đền *Panthéon* xoay - chuyển bao nhiêu. Nói tóm lại, tôi nói có, là nghĩa rằng: Ngày mai tôi sẽ lại trông thấy cái nóc tròn đền *Panthéon*, nếu không có đền *Panthéon* thì câu của tôi thành ra vô-nghĩa mà đến không-gian cũng thành hư-vô. . . »

Ông lại nói thêm như sau này để kết-luận:

« Ta ví-dụ trong một đêm tất cả các vật trong vũ-trụ hốt-nhiên lớn hơn lên một nghìn lần, như vậy thì thế-giới này vẫn y-nguyên như trước, so với hình-thể cũ, tuy lớn nhỏ khác nhau, nhưng vẫn giống nhau. Song le, cái gì trước đo một thước thì bây giờ đo một nghìn thước, cái gì trước dài một li thì nay thành dài một thước. Cái giường tôi ngủ mà đến cả cái thân tôi nữa cũng sẽ lớn thêm lên theo cái mực-thước ấy. Sáng hôm sau, khi giở dậy, đứng trước một cái hoạn-cải lạ-lùng như vậy, thì liệu tôi có cảm thấy gì không? Nay! tôi sẽ chẳng biết gì đâu. Cách đo đúng đến đâu cũng không thể xuất-lộ được cuộc tang-thương ấy, bởi vì bây giờ những cái thước mà tôi dùng để đo cũng đã thay đổi đúng như các vật tôi muốn đo. Cứ thực ra, thì chỉ những kẻ thuyết-lý cho cái không-gian là tuyệt-đích, mới tin là sự hoạn-cải ấy đã xảy ra thôi. Nếu tôi đã thuyết-lý một lúc như họ, là cốt để chứng-minh rằng cách quan-sát của họ đáng công-kích. »

Nói về thuyết « đối-đích »

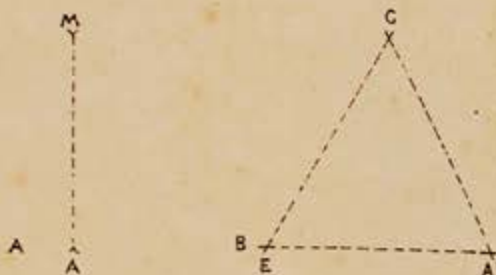
Các nhà tương-đối-học ngày nay lấy câu: « Ở trong vũ-trụ, cái gì cũng là đối-đích cả mà chỉ có cái lẽ ấy là tuyệt - đích thôi. — (*Tout est relatif et cela seul est absolu*) của ông AUGUSTE COMTE làm tôn-chỉ cho chủ-nghĩa của mình. Đã vậy, thì nói chuyện với họ, tưởng cũng khó xoay lăm, vì nếu chúng ta nói điều gì trái với thuyết đối-đích của họ, thì tất họ cho là « sai mọ » và bẻ ngay. . . Ví-dụ khi chúng ta nói: Đường Hà-nội — Sài-gòn dài, thì họ liền bảo ngay rằng nếu tiếng dài đấy là tuyệt-đích thì vô-nghĩa, vì dài đó là so với một con đường như con đường từ phố Hàng-đào đến chợ Đồng-xuân, chứ so với đường từ Âu sang Mỹ thì lại thành

ngắn. Chúng ta nói : Nhà Hát-Tây Hà-nội to, mà không vì với một cái nhà nào khác thì họ cũng lấy làm trái tai. Khốn quá !

Quả đất xoay chung quanh mình một vòng là một ngày, chuyển chung quanh mặt trời một vòng là một năm, nhưng cứ lấy cách đo thời-khắc của ta mà đem tính ngày, tính năm ở các thế-giới khác, thì ta sẽ thấy rằng một ngày ở trên Mộc-tinh chỉ có mười giờ, một năm ở Thủy-tinh chỉ có 88 ngày, một năm ở Hải-vương-tinh bằng 164 năm của ta. Mấy cái tỉ-dụ ấy cũng đủ cắt rõ nghĩa chữ « Tương-đối. »

Ông EINSTEIN nói rằng không có sự vận-chuyển nào là tuyệt-đối cả, vì từ xưa đến nay người ta vẫn chưa tìm được cách đo tốc-độ của một vật nào vận-chuyển mà lại không quan-hệ với một vật khác. Ông nói vậy là phản-đối cái thuyết của NEWTON ngày xưa dạy rằng muốn tìm tốc-độ một vật nào vận-chuyển thì đem chia cái bề dài con đường nó đã đi với số giờ nó đã dùng để chạy hết con đường ấy. Đối với ông NEWTON, thì thời-gian và không-gian là hai thực-thể có hạn-định rõ-ràng và không tùy-thuộc nhau (*le temps et l'espace sont deux entités définies, indépendantes l'une de l'autre*). Nhưng ông EINSTEIN lại cãi rằng hai cái ấy là đối-đích cả, vì một việc xảy ra ở trên quả-đất này mất một phút thì ở trên quả hành-tinh khác lại mất một phút khác. Ví-dụ lấy hai khối (*masses*) trong vũ-trụ như Kim-tinh và quả-đất. Trên Kim-tinh có một nhà thiên-văn-học A và trên quả-đất một ông khác B. Ông A liền xem một cái ánh - sáng đi từ A đến M mất bao nhiêu thời giờ. Trong khi ấy, ông B cũng làm vậy. A liền 1 phút, B lấy làm lạ, vì đồng-hồ của mình đã đi hơn một phút, mà hai cái đồng-hồ ấy lại cùng một máy. Vậy thế nghĩa là gì ? bởi lẽ gì ? Ông EINSTEIN luận rằng hai đằng ghi thấy

lâu chóng khác nhau, là vì đối với ông A thì trong lúc Kim-tinh quay, ông B chính thực không phải đo đường AM hay MA, nhưng đo đường A hay EA', mà đường EA' là đường Kim-tinh quay trong phút đó. Nếu ông đứng ở E mà xem thì cái tinh-thể lại đảo ngược.



Đoạn trên này khó hiểu, chúng tôi xin dẫn một vài cái tỉ-dụ khác :

a) Nếu ông đi du-lịch phương xa, cứ đi mãi không ngừng, rồi cách 3 hôm lại gửi thư về nhà một lần. Chắc ông lấy làm lạ rằng đầu sở Bru-chính nhanh chóng đến đâu, thư của ông cứ dần dần lâu hơn mới tới nhà. Lẽ đó là ông càng đi thì thư của ông muốn tới nhà lại phải đi đường xa hơn.

b) Lúc ra đi, nếu ông có đồ riêng để có thể nghe rõ được tiếng đồng-hồ nghe ở nhà ông, thì ông sẽ nghe thấy tiếng tích-tắc một ngày một thừa, chứ không mau như khi ông còn ở gần nhà nữa. Nếu trong một giây đồng-hồ ông có thể đi nổi 340 thước thì đồng-hồ hình như đứng lại, chỉ đánh tích-tắc một cái rồi thôi.

c) Mất ông trông một cái đồng-hồ quả-quit cầm ở tay ông thấy kim dài đi năm phút cũng chóng, nhưng nếu ông đeo một cái ống dòm mà cái đồng-hồ ở xa-lắc thì ông thấy nó đi lâu hơn, mãi mới đi được một phút. Thành thử cái kim nó đi nhanh như thường mà mình lại bảo nó đứng, vì khi ấy nó hình như đi chậm quá nên tựa-hồ đứng im.

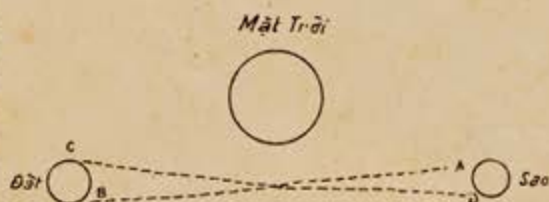
Các ngài nghe những nhà tương-đối-học lý-luận như vậy, chắc cho là lần-thần, nhưng ta phải hiểu những tỉ-dụ ấy là đúng và đủ chứng cho ta tin rằng cái thời-gian không có gì là đích cả. Khi cái thời-gian đã không có nghĩa đích-dáng, vì những lẽ kể trên kia, thì ta phải thay đổi cả lại cách đo thời-gian của ta dùng từ xưa tới nay. Nhưng muốn cải cách đo thời-gian, thì phải cải cả cách đo không-gian nữa, vì thời-gian không có không-gian thì vô-lý, vì hai dạng có quan-hệ mật-thiết với nhau. Nên ông MINKOWSKI đã kết-luận như sau này : Ông NEWTON tin rằng thời-gian và không-gian có thể cách-biệt nhau được là sai, là sự ảo-mộng. Hai cái ấy là hai cái phương-diện của một cách độc-nhất và nan-phân để chỉnh-lý các sự trong hữu-hình-thể-giới. (*Le temps et l'espace sont deux aspects d'une seule et indivisible manière de coordonner les faits du monde physique.*)

Thuyết đối-dịch của ông Einstein

Trước kia, những tư-tưởng cũ về thời-gian và không-gian, ai cũng công-nhận là căn-bản của Khoa-học, mà ngày nay ông EINSTEIN lại cho những cách quan-niệm ấy là sai lầm và chỉ là những cái màn tối nó che mắt ta không cho trông thấy cái chân-tướng của vũ-trụ. Ông lại lập lên một cái luật dẫn-lực mới (*nouvelle loi de gravitation*) để phá đổ cái nền cũ, bởi thế ảnh-hưởng rất sâu-xa.

Ông nói rằng : nếu có ánh-sáng của một ngôi sao nào đến gần mặt trời thì tất phải trệ, và ông lại tính để biết nó trệ đi bao nhiêu. Sao vậy ? Cái dẫn-lực-thuyết của ông NEWTON dạy rằng : Các vật đã có khối thì phải hấp-dẫn nhau. Vậy nếu ánh-sáng có khối, thì tất cũng bị mặt trời hoặc hành-tinh khác hấp-dẫn. Trong các khối thuộc bộ mặt trời

(thái-dương-hệ, *système solaire*), mặt trời lớn nhất, tất ánh-sáng ở các sao đi qua mặt trời hấp-dẫn nhiều hơn. Theo hình vẽ dưới này, nếu mặt trời không hấp-dẫn, tất ánh-sáng đi đường thẳng, nghĩa là đường A B, nhưng nếu có thì ánh-sáng phải trệ sang đường vòng A C và một người đứng ở trên quả đất quan-sát thì bao giờ cũng tưởng sao chiếu ánh-sáng ấy ở điểm D.



Theo thuyết NEWTON, thì ánh-sáng là những phần rất nhỏ phát ra bởi một nguồn sáng. Nếu các phần ấy có khối thì có lẽ bị mặt trời hấp-dẫn hơn bù kém nghĩa là theo số quân-bình là 75 li cong (75 secondes d'arc).

Lại có người nói rằng : ánh-sáng truyền ra trong tinh-khi (*ether*) thành luồng sóng không có trọng-lực (*ondes non pesantes*), thì không bị hấp-dẫn.

Ông EINSTEIN quyết rằng sóng đã có khối tất phải có trọng-lực, phải bị mặt trời hấp-dẫn và trệ đi là 1 li 75.

Trong ba thuyết ấy, thuyết nào phải, thuyết nào đúng ? Nếu các luật-pháp ở trong vũ-trụ có thể lấy kỷ-hà-học mà tính được, thì có lẽ cái thuyết của ông EINSTEIN là đúng hơn cả.

Hồi tháng năm năm 1919, có nhật-thực. Các nhà bác-sĩ Anh đều dự-bị để xét-nghiệm xem lý-thuyết của ông EINSTEIN có đúng không. Bao nhiêu tấm ảnh chụp được đều đem đến thiên-văn-đài Greenwich ở Londres, rồi các nhà số-học và thiên-văn-học cùng nhau tính những đường trệ của ánh

sáng. Sự kết - quả đem tuyên-bố ở Anh-quốc. Bác-sĩ-hội ngày 6 tháng 11 tây, tính số trung-bình của ánh-sáng treo là 1 li 80. Ông EINSTEIN nói trước là 1 li 75, ông NEWTON ước độ 0,75 còn phái thứ 3 thì quyết không treo một li nào. Trong ba người ấy, ai là tiên-tri, tưởng không cần phải gọi tên, các ngài cũng đã nhận ra rồi. Đây chỉ xin nhắc lại một lời của ông FRANKDYSON nói sau cuộc khảo-sát ấy: « Tôi đã quan - sát tường-tận những tấm ảnh ấy rồi. Tôi không thể nghi ngờ lời tiên - tri của ông EINSTEIN nữa và đã công-nhận cái dẫn-lực-thuyết của ông là phải. Theo thuyết mới ấy, thì ánh-sáng không đi thẳng mà lại đi cong, vì bị các tinh-tú hấp-dẫn. »

Đó là một sự phát-mình rất lớn-lao của ông EINSTEIN. Mấy năm về trước người ta không ngờ ánh-sáng cũng phải theo khuôn-phép của dẫn-lực và vẫn tưởng rằng những cách đo tốc-độ, lượng toàn-khối các vi tinh-tú trên bầu-trời của các nhà khoa-học là đúng, nay nhờ ông EINSTEIN cắt nghĩa mới biết là sai. Vậy trước khi nói qua đề các ngài rõ tại sao ta không thể tin rằng hình-thể ngôi sao này tròn hay méo, ngôi sao kia cách quả đất ta bao nhiêu cây-lô-mét, v. v. ..., chúng tôi hãy xin tóm tắt bằng một câu rất giản dị sau đây cái kết-quả sự thí-nghiệm vừa kể trên kia:

Ở trong vũ-trụ, phạm chỗ nào có dẫn-lực, ánh-sáng không tỏa theo đường thẳng, nhưng lại theo đường vòng như các vật có trọng-lực.
(*La lumière ne se propage pas en ligne droite dans les parties de l'univers où il y a de la gravitation, mais sa trajectoire est incurvée comme celle des objets pesants.*)

Trái lại, ở trong không-gian trống-rỗng không có hấp-dẫn-lực gì thì ánh-sáng chiếu thẳng chứ không bị treo theo đường vòng.

Chúng ta nói mặt trời đứng mà quả đất quay, nhưng chúng ta biết đâu rằng mặt trời cũng quay đối với một khối khác trong vũ-trụ; chúng ta biết đâu rằng bộ mặt trời cùng các tinh - tú, cùng cả vũ - trụ không hợp làm một l ộ rồi cùng quay? Trừ ra chúng ta có định được một cái « tham-chiếu-điểm » (*point de référence*) trong không-gian để chiêm-nghị sự xoay chuyển của các khối rải-rác trong vũ-trụ, không thì ta không thể nào biết mà giải-quyết điều đó được.

Ông HUYGHENS bàn rằng ánh-sáng phát ra như sóng, đời nay ai cũng công-nhận là phải. Nhưng ánh-sáng muốn truyền đi phải có môi-giới, nghĩa là cái gì nó đứng giữa để chở mình đi, không thì cái lý-thuyết ấy cũng hỏng nốt. Cái môi-giới đó, người ta gọi là tinh-khí (*ether*).

Chúng ta bảo ở ngoài lớp không-khí ta thở hút và ở giữa khoảng không nó ngăn cách quả đất ta với các thế-giới khác, có tinh-khí, nhưng tinh-khí là gì? Ta có chắc rằng có tinh-khí hay không? Nào ai trông thấy nó? Nào ai đo được nó? Chỗ nào cũng có nó, chất nào nó cũng thấm qua, nó như con tinh-ma mà các giác-quan ta không thể nào cảm biết được. Song le, dù thế nào thì thế, chúng ta phải khái-niệm rằng ở trong không-gian có tinh-khí mà cái tinh-khí ấy đứng im chứ không chuyển-vận cùng với các khối nó bao-bọc, như vậy thì ta mới dùng nó làm tham-chiếu-điểm để khảo-định tốc-độ các tinh-tú trong vũ-trụ được.

Trong bài này, chúng tôi sẽ không nói ông MICHELSON thí - nghiệm ra cách thế nào. Chúng tôi chỉ xin nói qua cách ông luận-lý như sau này: Nếu có tinh-khí không vận-chuyển và nếu quả đất quay có can - thiệp với tinh-khí, thì tất phải có luồng tinh-khí như xe-hỏa chạy thì có luồng

gió sinh ra. Ừ, cũng có lẽ phải. Như vậy thì tức quá ! Trước kia ai cũng công-nhận cái ức-thuyết về sự có tinh-khí là phải, mà nay lại phá bỏ đi để lập thuyết khác à ? Hay là thực không có tinh-khí ? Nếu không có thì ánh-sáng truyền sao được trong không-giới ? Không có tinh-khí làm môi-giới thì sóng điện, sóng vô-tuyến-điện, sóng Hiết (*Hertziennes*) đưa vào đâu mà lan chạy được ? Ấy đương khi các nhà bác-sĩ cứ bần-khoăn, hết lập thuyết nọ đến thuyết kia mà vẫn chưa giải-quyết được cái vấn-đề ấy, thì ông EINSTEIN xuất-hiện ra nói rằng : Không có cách gì chứng được tinh-khí có hay không, nhưng chúng ta hãy thử chịu không biết đến tinh-khí thì làm sao ? Nếu chịu không biết tinh-khí, thì lấy đâu làm « tham-chiếu-điểm » ? Nếu có tinh-khí không vận-chuyển, thì tốc-độ của các khối trong tinh-khí mới có thể tham-chiếu vào đây được. Nếu đã không có hoặc ta chịu không biết tinh-khí, thì làm thế nào lượng nổi được tốc-độ của các khối trong không-gian ?

Cứ xem các vì sao trên trời lóng-lánh hình như chuyển-vận và xét các hiện-tượng khác thì có lẽ tinh-khí cũng theo quả đất trong sự chuyển - vận, nhưng sự thí-nghiệm của ông MICHELSON lại bảo rằng tinh - khí không chuyển - vận theo quả đất. Hai cái lý - thuyết ấy phản-đối nhau, mà chính cái lẽ tương-phản ấy nó đã làm nguyên-tố và khởi-điểm cho cái thuyết của ông EINSTEIN.

Trên kia ta đã nói : đối với ông EINSTEIN và các nhà học-giả về phái ông thì khi ta nói cái tốc-độ của quả đất mỗi một giây là 30 cây-lô-mét, cái tốc-độ ấy chỉ có thể là đối-dịch thôi (thí-dụ đối với tốc-độ của ánh-sáng mỗi giây chạy được 3.000.000 cây) chứ không là tuyệt-dịch. Nay phải nói

thêm rằng khi ta bảo hình-thể ngôi sao này tròn hay bầu-dục, cũng không tin được, vì rằng ở trong tinh-khí, chỉ những khối (hay vật) không chuyển-động là giữ được cái hình-thể thực thôi, chứ đã chuyển-động thì cái hình-thể ấy tất sai đi ít nhiều tùy theo tốc-độ của các khối ấy. Ví-dụ hình-thể mặt trời tròn, nhưng nếu nó xoay nhanh quá thì cái hình tròn ấy sẽ thành bầu-dục. Sự thay hình ấy là một cái hiện-tượng đối với cái mắt mình trông, chứ không thực có đối với cái toàn-khối của vật mình nhìn. Theo ông EINSTEIN, cái hiện-tượng ấy sinh ra bởi các luật-phép của sự ánh-sáng tỏa-chiếu. (*La contraction des corps par la vitesse n'est qu'une apparence due aux lois de propagation de la lumière*). Hình quả đất quả thực tròn hay méo, vuông hay bẹp, ta không thể biết đích được. Nếu ngày nay các nhà lý-học bảo nó là hơi bầu-dục thì nó là thế mà không bảo nó là vuông là vì cái ức-thuyết trên tiện và dễ chứng-giải hơn cái ức-thuyết sau. — Trước khi ông EINSTEIN phát-minh ra luật dẫn-lực mới — cái luật này đã làm đảo - điên cả nền Khoa-học cổ, — thì các nhà thiên-văn ước rằng mặt trăng cách xa quả đất 85.000 dặm (*lieues*), nhưng từ ngày ta đã xét nghiệm thấy ánh-sáng không đi đường thẳng ở trong những vùng không-gian có dẫn-lực, thì ta mới biết rằng cái số ấy tính sai.

Thời-gian và không-gian đã có quan-hệ mật-thiết với nhau, thì từ nay hai cái ấy không thể cách-biệt nhau được.

Thường thường người ta muốn chỉ một vật gì trong không-gian thì dùng đến 3 bề để chỉ. Thí-dụ chúng tôi nói với ông : Nhà ông X ở Hà-nội. Như vậy thì hàm-hồ lắm, vì có nhiều nhà ở Hà-nội. Vậy chúng tôi nói thêm : Ở Hà-nội, phố K về tây-nam, tầng thứ 2.

Hà-nội tức là bề dài, phố K là bề rộng, tầng thứ 2 là bề cao, vì chỉ ba bề cả thấy.

Định một điểm trên một con đường thì dùng một bề; định một điểm trên một cái tường thì dùng hai bề; định một điểm trong một cái buồng thì dùng ba bề. Thế mà ngày nay nhờ ở thuyết đối-dịch, người ta lại tưởng-tượng một cái bề thứ tư nữa gọi là « không-thời-gian » (*espace-temps*). Bây giờ lấy tỉ-dụ vào sự chớp-ảnh thì dễ hiểu lắm. Ai cũng biết chớp-ảnh là những ảnh động chiếu liên-tiếp nhau trên một tấm vải. Mỗi một tấm ảnh làm cho ta có cái cảm-giác về không-gian nghĩa là 3 bề (*une sensation de l'espace c'est-à-dire à 3 dimensions*): nhưng ảnh này liên-tiếp với ảnh kia, tất phải cảm-giác vừa không-gian vừa thời-gian, nghĩa là bề thứ tư, gọi là « không-thời-gian ».

Cái đơn-vị của không-thời-gian gọi là « đường thế - gian » (*monde-ligne*), nhưng vì theo cái luật dẫn-lực của ông NEWTON thì các khối trong vũ-trụ hút lẫn nhau, thành-như cái đường ấy mỗi ngày một dỗi mãi đi. Ví-dụ vũ-trụ như một cái bong-bóng. Trên bong-bóng vẽ các đường ngang dọc gọi là « đường thế-gian ». Nếu bóp cái bong-bóng cho nó tung ra thì các đường ấy cũng tung ra. Cái bong-bóng tung ra thực là cái hình-ảnh của vũ-trụ đó.

Chúng ta thường nói: mặt trời đối với quả đất có lực. Cái lực ấy tất làm cho « đường thế-gian » căng cứng và tung ra. Cái lực của mặt trời tức là dẫn-lực mà cái lực ấy có thể khảo được. Nhà bác-sĩ EDDINGTON nói: Quả đất quay theo đường cong bầu-dục, không phải tại mặt trời muốn thế đâu, nhưng chính tại quả đất muốn lấy con đường thật ngắn mà đi. Đến chỗ này thì lý-thuyết của ông NEWTON hỏng rồi, vì ông không nói đến cái sức căng (*tension*), sức gắng (*effort*) ấy. Cái đại-

danh của ông EINSTEIN là đã thêm-bổ được những điều khuyết-diểm ấy. Ông nói: Bây giờ ta thí-dụ chỉ có một vị hành-tinh xoay chung quanh mặt trời. Theo như ông NEWTON thì đường quỹ-đạo (*orbite*) phải bầu-dục, mà không bao giờ dỗi được. Tôi cũng bảo là đường bầu-dục, nhưng bề quay một vòng thì nó lại tiến lên một tí, lại khác đường bầu-dục trước một độ. Cách vài thế-kỷ, chắc đường ấy thành khác hẳn, nhưng vẫn bầu-dục. Xưa kia, các nhà thiên-văn thấy các tinh-tú một ngày đi một khác mà không hiểu lẽ gì. Nay nhờ có cái luật ông EINSTEIN mới tìm ra, các nhà bác-sĩ đã tính biết được nguyên-nhân sự sai-suyễn ấy. Công-nghiệp ông thực là vĩ-dại. Ông khái-niệm cũng giống như ông NEWTON, song cái luật của ông có thể giảng được tất cả các luật của ông NEWTON, lại còn có thể phá được các sự huyền-bí mà xưa ông NEWTON không cắt nghĩa được, như sự sai-suyễn đường quỹ-đạo của sao thủy-tinh (*déplacement de la périhélie du Mercure*) xoay chung quanh mặt trời và sự ánh-sáng đi treo trong dẫn-lực-giới (*déviaton de la lumière dans le champ de gravitation*). Tuy vậy, chúng ta chớ tưởng rằng thuyết dẫn-lực của ông NEWTON sai lầm cả đâu. Nếu thuyết tương-đối của ông EINSTEIN đúng hơn, chẳng qua là vì ông đã biết điều-hòa hai cái với nhau để bổ-khuyết và chỉnh-dốn lại. Vả chẳng đời trước khoa-học còn phôi-thai, ông NEWTON có đủ tài-liệu đâu để dựng nên một công-nghiệp hoàn-toàn được. Vậy nếu ngày nay, thiên-ha đương nhao-nhao nói đến tên ông EINSTEIN, ta cũng chớ quên ông NEWTON, vì dù thế nào thì thế, ta không thể bỏ cả cái thuyết-hệ của ông như một vật cũ-rích và vô-dụng được.

Tổng - luận

Xưa ông NEWTON đã từng nói: « Tôi không biết tôi là gì ở trong vũ-

trụ, nhưng đối với tôi thì tựa như một đũa bé chơi đùa trên bờ bề, chốc chốc lại nhặt được hòn đá cuội tròn hay cái vỏ ốc đẹp, còn cái bề chân-lý mang-mang trước mắt, tuyệt-nhiên chẳng hiểu chi cả. »

Ông NEWTON nói vậy là ông quyết rằng cái bề lớn ấy hiện có ở trước mắt người ta, nhưng chưa ai nhìn suốt được, chưa ai khám - phá được, mà những cái hòn đá, cái vỏ ốc nhặt được, chính là những cái mà ông gọi là thời-gian và không-gian tuyệt-dịch.

Phái ông NEWTON và phái ông EINSTEIN đều đồng-ý nghĩ rằng ngày nay khoa-học chưa khám-phá được cái bí-tàng của Tạo-vật. Nhưng giới-hạn cái chủ-nghĩa « bất-khả-tri » (*agnosticisme*) của họ khác nhau. Phái trên tin rằng dù cái ngoại-giới xa cách ta thế nào mặc lòng, tri-thức người ta vẫn có thể tới được hai cõi thời-gian và không-gian. Phái dưới lại cãi rằng thời-gian và không-gian tuyệt-dịch của ông NEWTON chỉ là hai cái khái-niệm hẹp - hòi của tri-thức người ta. Hai bên không thể hòa-giải được với nhau là vì cái trình-độ hoài-nghi của họ không là một.

Thuyết của ông EINSTEIN xác-thực hơn thuyết của ông NEWTON, cái đó đã dĩ-nhiên, nhưng cũng chưa được hoàn-toàn, vì hoàn-toàn sao được ? Người ta suy - nghĩ ra chân-lý, nên những chân-lý ấy cũng sinh-hoạt như người ta. Nó thiên-hình vạn-trạng, mỗi đời trông thấy một khác, đời trước trông ra thế này, đời sau trông ra thế khác. Mới mấy năm về trước, ta cho cái luật dẫn-lực NEWTON là đúng, mà nay lại cho là sai, biết đâu về sau lại không có một bậc đại-trí đứng lên bác-rằng cái luật dẫn-lực EINSTEIN cũng còn sai. Vì lẽ ấy, ông GUSTAVE LE BON đã kết-luận rằng : « Ở đời không có cái chân-lý nào thiên - niên - bất - dịch

cho người ta, cũng như trong tạo-vật không có cái thực-thể nào vĩnh-viễn » (*Il n'y a pas plus de vérités définitives pour l'homme que d'êtres définitifs pour la nature*).

Chừng độ hai năm nay, tại Hội Bác-sĩ nước Pháp, ông PAUL PAINLEVÉ đã đứng lên bênh cho cái thuyết của ông NEWTON mà cãi rằng sở-dĩ ông EINSTEIN lấy số-học để tìm ra luật dẫn-lực, là nhờ ở ít nhiều cái ưc-thuyết của ông NEWTON hơi thay đổi khác đi và dựa vào các đường tham-chiếu tuyệt-dịch (*axes de référence privilégiés*), nghĩa là phải lia hẳn thời-gian ra ngoài không-gian và đem những vật chuyển-động bị hấp-dẫn (*mobiles gravitants*) đi theo các đường kính tuyệt-dịch. Và lại, ông EINSTEIN nói rằng ở trong vũ-trụ phạm cái vị-trí, sự chuyển-động, sự đứng-yên của mọi vật đều là đối-dịch cả, nhưng lời ấy mới là một ưc-thuyết thôi, vì hiện nay các nhà tương-đối-học chưa biết đứng vào chỗ nào ở trong vũ-trụ mà lại ra ngoài vòng dẫn-lực để tham-chiếu và xét-nghiệm những cái lý-thuyết thuộc về siêu-hình-học của mình.

Thuyết của ông EINSTEIN chưa được hoàn-toàn thực, nhưng ngoài những điều chưa thể tin được, đã có nhiều điều các nhà bác-học đã xét-nghiệm thấy đúng và cho là những lời tiên-tri, nên những lời công-kích của phái tuyệt-đối (*absolutistes*) không thể đáp đờ ông được. Nói tóm lại, những lý-thuyết của ông có thể ví như một ngọn đèn bẻ mà ông đã giơ cao lên để cho ta nhìn suốt vào một vài cái vực sâu trong bề khơi chân - lý. Cái công-nghiệp rực-rỡ của ông đã làm vẻ-vang cho cái thế-kỷ thứ 20 này.

Người ta sinh ra ở trên quả đất này khác chi một đũa trẻ con bị quăng vào một cái rừng rậm, trông chung quanh chỉ thấy những tối mù-mịt, lắm lúc nghĩ đến cái vấn-đề số-mệnh mình

chẳng hiểu ra làm sao, tức lắm, nên hết sức chặt cây cối chung quanh để thoát-ly ra ngoài, vì thế mới dọn được vài con đường sáng để đi. Khi đã « nhảy vượt qua cái bóng mình » để bước chân lên những con đường ấy thì thường tìm được ít chân-lý đủ làm mình được vui lòng hởi dạ như nhấc gập vài « chị Hằng-nga ngủ trong rừng ». Ông EINSTEIN chính là người đã có cái hân-hạnh tuyệt-trần gặp được tới gần một chị Hằng-nga ấy để nhờ nàng cắt nghĩa cho nghe một vài lẽ huyền-bí của vũ-trụ. Chao ôi ! còn gì

sung-sướng bằng sự gặp-gỡ ấy. Trông thấy một cái vẻ đẹp mà mắt phàm không được ngắm, đó chẳng là cái phần thưởng tối-cao của sự suy-nghĩ ư ?

Chúng tôi tiếc rằng thuật chưa được rõ cho lắm, nhưng cũng đã đủ dài cho một tập báo như tạp-chi *Nam-Phong*, vậy xin dừng bút và mong rằng một kỳ báo sau này sẽ có một bài khác rõ hơn bài thuật sơ-lược của chúng tôi đây.

TRƯƠNG TRÚC ĐÌNH và
NGUYỄN ĐÔNG-HÀ

SỰ BIẾN-ĐỔI CỦA HƯƠNG-THÔN TỪ XƯA ĐẾN NAY

III

Nói về vệ-sinh

Tôi không nói gì đến cuộc y-tế của Nhà-nước có ảnh-hưởng hay không đến dân-gian ; vì rằng nghề chữa thuốc chẳng qua là một cách lâm-thời chống giữ sự chết, chưa phải là cách hộ-vệ cho sự sống lâu dài.

Cũng như mấy mươi đời trước, người nước Nam ta chỉ trông về mấy vị thuốc Bắc, chưa hề biết cách ăn ở sạch-sẽ để ngăn-ngừa bệnh-tật trước khi chưa đến, và tăng thêm sức khỏe của thân-thể lên. Cho đến ngày người Tây đem cách ăn ở mới sang, cái quan-niệm của mình cũng là sở-thích cái sang cái đẹp của người mà cố miễn-cưỡng để theo cho được kịp.

Người An-Nam ta lại còn một cái quan-niệm rất lạ, một cái quan-niệm mà các nhà vệ-sinh-học đời nay không thể nhìn cười được, không thể không công-kích một cách rất kịch-liệt, là cái thuyết « sống lâu hơn ở sạch » vậy.

Thế nhưng về phần riêng tới thời cái quan-niệm đó tôi cho là không phải vô-lý hẳn, vì tôi đã có ý nhận kỹ trong dân-gian có thể chia ra hai thứ người, một thứ ăn ở

rất là sạch-sẽ thì thường yếu đau tật-bệnh ; và một thứ ăn ở không cần sạch-sẽ thì lại mạnh-khỏe sống lâu.

Hạng trên là những người ăn ở theo một cách riêng, rất khổ-khắc, rất kỹ-càng, bất-cứ đối với người hay đồ-vật nào hơi có cái hình như-bẩn một chút là ghê mình sờn dạ như người sợ quỷ sợ ma ; thậm-chi đối với những vị ăn thức uống là thứ nhất yếu-cần cũng coi như là thuốc độc, không dám bạo-gian mà ăn và đối với người luân-lý buộc phải thân-yếu cũng ghê sợ như kẻ thù-ngịch, không dám vắn-vít tơ-tình. Cả đời lúc nào cái mặt cũng nhăn-nhó, miệng thì nhỏ vật, chân tay rụt-rè, không bao giờ dám sờ sờ bạo-gian làm gì, mà có ai làm cái gì cho thì thể nào cũng không vừa ý, nào bẩn-gắt bắt-bủi, nào bứt-rứt tức-tối, tóm lại là một người không bao giờ được hưởng những sự khoái-chá ở đời, rồi dần dần thân - thể khô-héo, khí-huyết suy-nhược, mà đến yếu-vong.

Đến như những người ăn ở một cách tự-nhiên, thì không chịu để cho một vật gì nó áp-chế được mình, dần ở trong cái

cuộc đời bần-tiện, cảnh-vật xấu-xa cũng nghiêm-nhiên coi thường đi cả, hình như đem mình lên trên hết cả những sự ghê-gớm ở đời, gặp việc gì lương-tâm bảo làm cũng sẵn-sở mà làm cho được. dù đi trên đồng phân bón đất bùn cũng điềm-nhiên như ở trên đường cao đất phẳng, thấy vật gì khoái-chá là làm lấy mà ăn, có khi át được những thứ có chất độc thật; thấy chỗ nào nhếch-nhác cũng lấy mình ra sửa-sang; tóm lại là một người kiên-nhẫn, chăm-chỉ, hay sửa-trị được những sự như bần, chớ không chịu nó-lệ những chỗ như bần, không để cho nó làm khổ được mình, thành ra một cuộc nhân-sinh có hứng-thú, mà bao nhiêu cái hứng-thú xu-hướng cả vào gân thịt mình, lại thêm có vận-dộng nhiều mà tạo-thành một cái thân-thể rất khỏe-mạnh, rất lâu-dài.

Nhưng hai hạng người này chỉ có số ít, còn phần nhiều thời ở vào chỗ giáp-giới hai hạng này, nghĩa là không ốm yếu lắm, cũng không khỏe-mạnh lắm, không phải yếu-tử cũng không được trường-sinh; trừ ra những kẻ mới bước vào đời đã bị cái sự ăn-ở cầu-thả nó đào-thải đi không kè. Số nhiều người ấy cũng ù-li không nghe nói đến vệ-sinh bao giờ.

Ấy bởi người An-Nam ta hằng ngày kinh-nghiệm như thế, nên mới tin ở cái thuyết « sống lâu hơn ở sạch » và không hề nghĩ đến phép vệ-sinh như đời nay.

Tuy vậy đến khoảng mười-lăm năm nay, hai chữ vệ-sinh cũng đã kinh-quá các nơi thôn-ô. vì nhờ có một vài cuốn sách vệ-sinh bằng chữ quốc-ngữ, như sách ông Trần Văn-Thông, đã truyền-há vào trong dân-gian. Sách ấy tuy chưa gọi là lưu-thông được lắm, nhưng cũng đã ảnh-hưởng được một đôi chút vào trong chốn vách đất lều tranh. Nhờ có sách ấy mà cái tên vi-trùng đã lan đến tận nơi nhà què cùn - tịch, nhưng mới là một giọng vi - trùng nghe tiếng, chớ chưa được trông thấy thật hình. Thành ra cái

thuyết vi-trùng đối với dân thôn-ô cũng còn là một thuyết hoài-nghĩ.

Nếu lấy cái địa-vị là người ngoại-quốc thời đã nói rằng: từ khi văn quốc-ngữ thịnh, hành đến giờ, sách quốc-ngữ sản-xuất mỗi ngày một thịnh, chắc là trong cái vườn sách xuất-bản thế nào cũng được một vài cụm vệ-sinh đề cống-hiến cho quốc-dân rồi đấy. . . . Song lấy cái địa-vị người mình mà xét đến nội-viên, thì chỉ thấy đầy-rẫy những cây xâm cây xoan, cây ca cây lý, những cụm tiêu-thuyết um-tùm, rập-riu anh-yến, cùng những bông thơ ca vô-vi, phát-phối bướm-ong.

Đến những tờ báo là cái mạch máu hằng ngày chạy khắp thân-thể dân-gian, chắc đã giúp cho sức khỏe của dân-gian được một phần lớn. Song xét ra thời các báo hằng ngày chỉ mới chạy khắp cái óc thành-thị, và nói cho phải thì trong cái rừng báo cũng chỉ có loảng-thoảng một vài gốc vệ-sinh mà thôi. Là bởi vấn-đề vệ-sinh là một vấn-đề không thể thuyết-lý suông được, như các vấn-đề đạo-lý, triết-lý, tâm-lý, chính-trị, xã-hội, văn-văn, tất phải khảo-cứu tình-vi, kinh-nghiệm kỹ-lưỡng, lại thứ nhất là khó nói cho có văn-chương, vì thế không mấy người đủ tư-cách mà đặt-ngôn được.

Cho nên cái nền vệ-sinh trong dân-gian, trừ mấy con đường đặt sắt rải đá, còn vẫn y-nguyên những dấu như-bần ngày xưa, chung-quanh nhà ở vẫn còn hoàn-toàn các hồ ao tù-hãm, mà người dân thời vẫn múc nước về ăn ở dưới chỗ như-bần, trên đồng bùn-lầy; đến như nhà ở cũng không khác gì cái cảnh-tượng năm-mươi năm về trước chưa trông thấy trời đất Âu-Tây; không phải rằng kêu về nỗi cái số nhà tranh vách nát chưa mất dần đi, nhưng là nói về cái không-khí ô-uế nó vẫn quyền-luyến trong nhà, thứ nhất là những người giàu có kín cổng cao tường, lại thường sinh-trưởng trong cái phạm:

vi súc-vật hơn là những kẻ bần-cùng lam-lũ, rệu rã bìm leo. Nói đến thân-thể cũng mới vệ-sinh được một cái mặt cái đầu, thời chẳng qua là một cách tu-sức cho nó khỏi xấu để đi đầu-xảo ngoài đường. Trong xã-hội ta này nay có thể phân hai hạng người, một hạng thì bị sự sinh-hoạt chuyên-chiếm mất cả ngày đêm, nên dù hiểu phép vệ-sinh cũng không làm được; một hạng thì rất an nhàn, lại mang cái chủ-nghĩa yếm-thế, không tưởng gì sự sống của mình. Cũng có người thì nói dối rằng dân mình chưa đủ tư-cách tài-vật để thực-hành đúng như phương-pháp vệ-sinh Âu-Tây.

Vấn biết rằng dân nào cũng vậy, phải cần ăn cho khỏi chết đã, rồi mới tìm cách giữ cho sự sống. Nhưng cũng có nhiều cách dù già dù trẻ, dù giàu dù nghèo, ai ai cũng theo được cả. Duy muốn truyền bá vệ-sinh thời không nên quên mấy cái mục-đích sau này: là đối với một dân như dân ta cái trình-độ sinh-hoạt còn thấp quá, thời một tay ban cho họ cái hạnh-phúc, lại phải một tay ban cho tiền của để mà gây lấy cái hạnh-phúc kia. Chớ nếu một đảng giảng bảo vệ-sinh, lại một đảng tuyên án tịch-biên gia-sản, thì họ khủng-khiếp mà không dám làm. Tức như các nhà vệ-sinh-học dạy rằng: bao nhiêu đồ-đặc nhà ở người bệnh đã dùng thời hoặc phải đốt đi, phá đi, bỏ đi, hay là phải mua những thứ thuốc tây rất là đắt-đỏ mà trừ-trùng tẩy-uế đi. Lại bảo người nhà quê phải nánng ăn sữa, trứng, thịt, rượu, đậu, khoai, vắn vắn, để cho đủ chất tư-dưỡng thân-thể; nhưng cái hiện-tình của họ thì hằng ngày chỉ lấy nắm rau nắm củm dưỡng-sinh.

Một là đem cho tiền-của, để cho dân-gian hồi lòng gắng sức, hai là phải dùng những câu tỉ-dụ, những giọng khôi-hài cô-động, mới cắm vào lòng người một cách sâu-xa và khiến cho làm mới có hứng-thú.

Thí-dụ người An-Nam ta cò-lai chỉ có cái tính tự-nhiên, biết rằng ăn sạch thì ngon miệng, ở sạch thì đẹp mắt, chứ không biết rằng sự thờ còn quan-bệ hơn, dẫu giảng đến bao nhiêu họ vẫn không tin cho thề. Vậy thiết-tưởng chỉ nói một câu này sẽ khiến cho họ cảm biết một cách thiết-thực: « Người ta có thể nhịn ăn từ bảy cho đến chín ngày mới chết, nhưng nếu ngهن thở một phút thì có sống không? » — Đã hiểu như thế rồi, thì có thể nói thêm ra rằng: trong không-khí chỗ nào cũng đầy vi-trùng lẫn với vi-trần, nghĩa là bụi nhỏ gặp vật gì cũng gieo rắc vào—thủ đề cái gương trong một lúc, sẽ thấy bụi mờ thì biết — hoặc theo đồ ăn mà vào trong ruột, theo sự thở mà vào trong phổi người ta. Song đồ ăn vào bụng thời nhờ có những vị chua, cay, ngọt, đắng, và những nước miệng, nước vi-toan, đờm-chấp, tụy-chấp, làm cho giống trùng yếu hoặc chết đi. Đến như thở vào phổi thời chỉ có nước mũi là có tính trừ được vi-trùng, nhưng cũng nhiều khi bởi người ta cười nói mà hợp trùng vào miệng đem ngay đến phổi, sinh ra ho lao, vắn-vắn. Cũng có khi ngay đường thở chính là mũi cũng dọn đường cho vi-trùng vào phổi, như sau khi bắt hơi sổ mũi, là kế-tiếp ngay cảm ho, vì nước mũi đã tiêu-tán đi mất.

Nhưng lại cần phải biết rằng vi-trùng ấy không phải tự trên trời rơi xuống, mà tự dưới đất bay lên. Lại cũng có thứ lạnh thứ độc. Giống lạnh là ở chỗ địa-diêm phong-quang như ngoài cánh đồng, trên sông núi, đến khi vào chỗ có người và các động-vật ở, tiếp-thụ những xú-khí ở đó mới hóa ra độc, cũng tức như các loài động-vật, giống nào mà ăn chất độc thời thành tinh dữ.

Nay hãy nói đến nhà ở đã.

Muốn cho giống mình khỏe mạnh khỏi mắc bệnh tật vào mình, thời tôi tưởng không gì diệu bằng chỉ chữa ngay cái nhà ở. Thật thế, nhà ở của người mình

phải nhiều cái bệnh rất nặng, là do không được thoáng hơi, bởi thông-quốc theo một kiểu-cách chung, làm ba mặt tường, có một mặt cửa; mà thật thì chỉ có hai phần ba cửa, vì cái ngưỡng cửa lại chiếm mất một phần ba. Nhất-diện thời không có đường tiêu-tiết lưu-thông cái thân-khí trần-hủ ở người thở ra, với đậm-thân-chất ở phân súc-vật chứa vào; nhất-diện thời dễ giống vi-trùng được nơi sinh-sản rất tốt rất mau, rồi sẽ đánh đau những cái thân-thể gây yếu, vì thiếu đường-khí, nhiều đậm-thân-khí trên kia.

Người mình lại còn một cách lạ, là rất kiêng sợ ánh-sáng mặt trời và gió, là hai thứ thuộc trừ-trùng tầy-uế không phải mất tiền mà hay tuyệt-diệu, thường cứ đóng cửa quanh năm không cho vào đến trong nhà, thành ra lắm nhà tuyết-nhiên không có cửa.

Xét ra thời ánh-sáng mặt trời và gió không phải là không độc, nhưng độc cũng bởi người mình, cũng như con vật hóa dữ, là bởi gặp người chủ nuôi độc-ác. Nguyên nhà của mình phần nhiều vách không kín kẽ, để ánh nắng soi và gió lùa vào, cho nó phản nhau với cái khi-hậu giam-hãm trong nhà lâu ngày, hoặc đương lạnh pha nóng, đương nóng pha lạnh (cũng độc như nước nóng pha lạnh, nước lạnh pha nóng vậy), làm cho người ta cũng bị biến-đổi tính-chất của các cơ-quan mà thành ra bệnh. Nghĩ rằng có ít vào nhà mà còn độc-dữ như thế, huống là mở cửa ra cho vào nhiều, thì còn độc-dữ đến thế nào nữa. Có biết đâu rằng hằng ngày mở cửa ra luôn thời khí-hậu trong ngoài cũng là một. khi nào phạm hại đến người.

Ngạn-ngữ Tây có câu rằng: « Nơi nào ánh-sáng mặt trời không tới, ắt có thầy lang tới ». Câu ấy ngày nay đã vào đến cửa miệng nhiều người rồi, nhưng về phần óc thời còn chưa vỡ cái khối lý-thuyết ấy ra làm sao. Bảo rằng ánh-sáng có tính giết được vi-trùng, nhưng ai đã

được mục-kích cái cuộc ánh-sáng mặt trời giết trùng bao giờ? và cái quí gì là vi-trùng chứ? Vậy cần phải đem những sự-vật người ta thường làm hằng ngày ra mà thí-nghiệm thì vỡ lẽ ngay.

Cớ sao người ta đem những đồ ăn uống như thịt, cá, cau, chè, vãn-vãn, phơi rõ thật khô thì sau không mốc, hay là nếu đã mốc rồi đem ra phơi lại, thời có thể mất được mốc đi? Ấy chính là đem ra cho ánh-sáng mặt trời giết giống vi-trùng là cái men-mốc ấy đấy. Mà những vật thiu-mốc ấy, nếu không phải trùng thì sao ta ăn vào mắc phải ho liên và sinh đau dạ. Lại thấy người nhà quê thường để những đồ mắm muối ra hè ra sân cho khỏi giòi bọ, ấy cũng tức là biết lợi-dụng ngấm ánh-sáng mà sát-trùng đấy. Nói rộng ra thì tất cả đồ mặc đồ dùng, nếu đem phơi khô, hoặc đun sôi lên, đều khỏi mục-nát hư-hỏng cả — nhưng trước hết phải giặt rửa cho sạch đi đã sẽ phơi, và sau hết còn phải để vào chỗ nào có ánh-sáng mặt trời chiếu luôn, thì mới thật khỏi mắc bệnh được.

Hoặc có người hỏi rằng: Nếu nhà nào cũng làm cho ánh-sáng chiếu vào hết cả mọi nơi mọi chỗ thì ra phải làm nhà không có nóc, để trống như ngoài sân ư?

Không, ánh-sáng có hai thứ, một thứ là « ánh sáng sáng », một thứ là « ánh-sáng tối »; như nắng ở sân thì trong nhà (có mở cửa) là ánh-sáng tối, ánh-sáng tối ấy chiếu vào đâu lâu thì cũng diệt được vi-trùng; nhưng nếu chề đi một lần nữa, là bị vật gì ngăn đi, như ngưỡng cửa cao, hay là chấn bình-phong treo màn trướng và đề liên-liếp giường phản, thì ánh-sáng thành ra vô-lực, không còn trị được vi-trùng. Những nhà như thế thì thật là cái kho vi-trùng, cái lò thân-khí, làm cho người ta hay yếu đau, và vật dùng chóng hư-hỏng. Nếu không tin chắc, thì thử bỏ rơi vật gì vào trong xó tối hay dưới gầm giường, mấy hôm đem lên thì biết.

Trong sách nhỏ ta cũng có câu rằng :
« Dục hướng nam-phong, tu khai bắc dĩ » ;
mà kỳ-thực không hiểu sở-dĩ làm sao
muốn hóng gió nam lại mở cửa mặt bắc ;
vì không-khí cũng như nước, phải có
cổng lưu-thông đi, nếu không thì trong
nhà ứng-ứ cũng như cái ao nước đầy,
dẫu có gió ngoài cũng không chảy vào
được nữa.

Nói tóm lại thì nhà ở muốn cho ánh-
sáng mặt trời chiếu khắp, gió các mặt
được lưu-thông thì phải mở cửa cả bốn
phương-diện, mà cửa ra vào thì dưới đề
suông cho tiện việc sái-tảo nữa và khỏi
ngăn-trở sự đi lại, nhất là sự đi lại của
nữ-lưu, khỏi phạm một cái lỗi đối với
con mắt lễ-pháp.

Sau nữa còn lợi được một điều, tôi
xin nói hết, là làm theo kiểu mới như
trên đã nói thì một là không phải chờ
đợi năm lợi hướng, tuổi lợi làm ; hai là
sẽ đem cái nhà vào chỗ trung-tâm khoảng
đất, trừ được cái tệ nhà làm một hướng

cứ phải đem vào cùng tận đằng sau, để
một cái sân đằng trước, thành ra những
lúc có người du-khách, cũng phải diễn
mọi sự làm ăn ra trước cảnh sân, làm
giảm mất cái giá-trị của chủ-nhân nhiều
khi sợ ngược mà phải đình-dồn hết cả ;
đó cũng là một cố luyện thành cái tính
lãn-nọa đối với sự động-tác trong nhà ;
thứ nhất là đối với cuộc thao-luyện thể-
dục ngày nay, những người văn-nhã, coi
là một sự hồ-thẹn với con mắt trực-
tiếp của người ngoài.

Đó là mấy điều sơ-lược đấy thôi, mong
rằng các nhà thực đủ tư-cách về vệ-sinh-
học ra tay độ-thể cứu-dân, thời mới thực
là có ích lắm.

Nhưng có một điều tưởng các ngài nên
chú-ý, là dạy vệ-sinh cho dân quê ta, phải
tùy theo cái thói hủ của dân mà sửa dần,
chứ không thể cứ đem sách tây ra mà
truyền-bá ngay được.

(Còn nữa)

NAM-CỔ

TÌU - THUYẾT CỔ

LINH - NAM DẠT - SỬ (1)

嶺南逸史

XXVII

HỒI THƯ XXVII

(Tiếp theo)

Phùng-Ngọc thấy Giang Vạn-Dụ
không chịu ra, bèn đốc binh lên đánh
phá cửa ải, đánh luôn trong sáu bảy
ngày, không được việc gì cả, đã lấy
làm nóng ruột lắm. Hoàng Nhượng ra
hiển-kế mà rằng :

— Đất Nam-linh này bốn mặt đều
là núi cao cả, chỉ có một đường thông

vào được. Nếu quân giặc không chịu
ra, thì dẫu trăm vạn quân cũng chịu
không thể sao được. Kể bây giờ không
gi bằng làm như thế . . . này, lừa cho
nó ra, thì mới đánh phá được.

Phùng-Ngọc nói :

— Kể ấy dẫu hay, nhưng bỏ thúc-
phụ vào trong đám giặc, thì bụng
Phùng-Ngọc này không yên.

Hoàng Nhượng nói :

— Tôi chỉ mong hiền-điệt phá tan

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

được quân giặc, để vì Nhượng này rửa cái thù-sĩ cho nhà tôi, thời Nhượng này đầu chết cũng không tiếc gì.

Hoàng Nhượng cứ cố xin đi, Phùng-Ngọc phải nghe lời. Hoàng Nhượng cả mừng, liền cáo-từ Phùng-Ngọc đi vào trại Nam-lĩnh. Phùng-Ngọc gọi chủ-tướng ra truyền lệnh: Hoàng Khải-Ngu, Triệu Tín thì đem binh đến mai-phục ở phía bên tả đất Tân-diên, đợi khi nào Lưu Hán-Giang lìa trại ra đi, thì khởi-binh lên cướp lấy Tân-diên. Bàn Ma-La thì ra nghênh-dịch ở mặt đường Tân-diên đi lại. Hoàng Khải-Lỗ, Tống Kim-Cương thì đi mai-phục ở bên cạnh trại Nam-lĩnh, đợi khi nào Giang Vạn-Dụ ra khỏi trại, thì liền khởi-binh lên cướp lấy cửa ải. Còn các tướng-sĩ đều phân ra mai-phục các nơi đàng vào đây cả, chỉ đợi Giang Vạn-Dụ động-binh đi thì ập vào đánh.

Nói về Hoàng Nhượng khi đi đến cửa trại Nam-lĩnh, gõ cửa ải xin vào yết-kiến. Giang Vạn-Dụ cho gọi vào hỏi rằng:

— Ngươi là người ở đâu, vào yết-kiến ta có việc gì?

Hoàng Nhượng nói:

— Nhượng vốn là người ở Trung-trấn, mấy năm trước được nhờ Lam đại-vương bảo-hộ, cả họ đều lấy làm cảm-khích. Tức giận thay cho Hoàng Phùng-Ngọc dám đem quân đến giết mất Lam đại-vương; lại thả quân Dao-man ra tàn-sát giết sạch mất cả họ hàng nhà Nhượng, và bắt hai con Nhượng là: Khải-Ngu, Khải-Lỗ sáp vào đội quân, cho làm quân xung-phong đột-ky đi trước. Cái thù ấy thì sao cho quên được, Nhượng này xin đem thân làm con tin, xin nguyên-sủy đem quân ra cướp trại, đã có hai con tôi làm nội-ứng ở trong, quân Dao-man có thể đánh phá được. Nếu đánh tan quân Dao-man rồi, thì nguyên-sủy thưởng

cho cha con Nhượng này làm chủ trại Sái-dầu, tôi xin hết lòng khuyên-mã đề báo đền ân ấy.

Giang Vạn-Dụ nói:

— Ta chỉ sợ ngươi nói dối thôi.

Hoàng Nhượng nói:

— Nhượng này đầu ngu-dại đến đâu, có lẽ nào lại liều thân để chịu búa rìu ư? Chỉ nghĩ rằng quân Dao-man nó mạnh thế lắm, nếu nguyên-sủy đem cô-quân ra đánh, thì khó lòng mà đánh được. Nên sai người đến Tân-diên hẹn với Lưu nguyên-sủy cùng ra đánh úp, thì chắc là được hẳn.

Giang Vạn-Dụ cả mừng mà rằng:

— Nếu quả đánh được, thì ta cùng ngươi kết làm anh em, cùng chia giữ đất Tam-dô này.

Hoàng Nhượng nói đáp tạ lại. Giang Vạn-Dụ một mặt thì sắp-sửa binh-mã một mặt sai người đến Tân-diên hẹn với Lưu Hán-Giang khởi-binh đi cướp trại. Sự-giả về báo rằng:

— Lưu nguyên-sủy đã nghe lời, lập-tức khởi-binh đi rồi.

Giang Vạn-Dụ cả mừng, cật ngựa sắp binh, đợi đến nửa đêm, đem Mạc Hán-Khanh cùng lưỡng-lặc xuống núi, gặp và mười tên tiểu-tốt chạy đến trước ngựa, sẽ thưa hỏi rằng:

— Chẳng hay đi lại đó có phải là Giang đại-vương đấy không?

Giang Vạn-Dụ hỏi rằng:

— Lũ các người là quân bộ-hạ của ai?

Bọn tiểu-tốt sẽ thưa rằng:

— Chúng tôi theo Khải-Lỗ là bộ-hạ Hoàng tướng-quân, sai ra đề đón đại-vương đây.

Vạn-Dụ cả mừng, liền sai đi trước dẫn đường, đi gần đến trại trung-quân. Vạn-Dụ một mình một ngựa đi xông lên trước đánh phá vào trại trung-

quân, thời thấy đèn đuốc sáng trưng mà tịnh không có một người nào, biết là trúng-kế, vội-vàng tháo lui ra. Thời thấy bên tả Đan Dũng, bên hữu Mã Tân reo ầm lên xông ra đánh. Vạn-Dụ rẽ đường mà chạy, chạy lên và dậm đường, thời gặp vợ chồng Mai Anh ra đánh chặn đường. Nguyệt-Nga đôi tay đôi kiếm múa xông lên chực dậm vào giữa ngực Vạn-Dụ. Vạn-Dụ liền giơ dao lên chống-cự. Mai Anh thì đón đánh Mạc Hán-Khanh, giao-chiến không được ba hợp. Hán-Khanh hoang-mang, bị phải Mai Anh dậm cho một kích chết lả ra, binh-linh chạy tan hết. Mai Anh liền thúc quân vây bọc Vạn-Dụ, đánh nhau một hồi lâu, Nguyệt-Nga lấy ngay lưới gấm ra tung chụp vào giữa mặt. Vạn-Dụ không kịp giở mình, phải Nguyệt-Nga chụp lưới giạt được, nghiêng mình ngã ngựa, quân-sĩ xông lên trói ngay lại. Rồi liền tung binh lên đánh xông vào trại, thời trong trại đã bị Khải-Lỗ đánh phá được rồi. Nguyên là Khải-Lỗ phục-binh ở dưới núi, dò được Giang Vạn-Dụ đã đem binh xuống núi rồi, sợ cha mình ở trong trại giặc phải quân giặc nó giết hại, liền đem quân tráng-dũng của mình, hò reo xông lên trước, quân giặc đều chạy rạt cả, chém được mười bảy cái thủ-cấp giặc, phá được trại Nam-lĩnh, mở toang cửa ải ra cho quan-quân ủa vào. Giết hết quân giặc giữ trại không còn sót một mống nào cả, cứu được Hoàng Nhượng đem ra. Khải-Lỗ mình phải mất mấy nhát trọng-thương, đau không thể nhin được, kêu to lên một tiếng mà chết. Hoàng Nhượng khóc lóc một hồi rồi liền mua quan-tải liệm-thần. Trời sáng rõ, Phùng-Ngọc cùng với Mai Anh đều kéo vào trong trại Nam-lĩnh, ngồi yên đầu gối. Các tướng đều lần lượt vào hiến-công. Tả-hữu báo rằng: « Triệu tướng-quân đã trở về. » Phùng-Ngọc sai gọi vào hỏi.

Bẩm rằng: « Đã đánh phá được trại Tân-diên, Lưu Hán-Giang đã bị Khải-Ngu chém chết rồi. Khải-Ngu cũng bị thương chết. Bàn tướng-quân còn lưu lại trấn-thủ Tân-diên, đợi mệnh-tướng-quân phản báo. » Phùng-Ngọc cả mừng, đều ghi công vào sổ công-lao, đặt tiệc ăn mừng. Ngày hôm sau lại phân-phát các tướng đi bình-dịnh các trại Sơn-liêm, Tử-chương, Thi-cang. Cầm-giang, tặc-dãng thế là yên hết. Bèn viết tờ lộ-bố sai người về trước báo-tiếp cho Ngô Đốc-phủ. Lại sai gọi Bàn Ma-La về, báo tin cho Lý công-chúa biết, sắp-sửa thu quân khai-hoàn. Hoàng Nhượng tiến đến trước trước khóc mà từ rằng:

— Nhượng này gặp buổi thời-vận không ra gì, để cho va lấy đến phần-mộ tiên-nhân. May nhờ tướng-quân chỉ-huy, đánh giết được giặc để rửa xấu-hổ, thực là may lắm. Nay chỉ-nguyện tôi đã xoang rồi, xin kính-từ tướng-quân, xin về để mai-táng cho hai con.

Phùng-Ngọc nói:

— Thúc-phụ công cao, để đợi cho tiêu-diệt tàn về thiên-tử, gia-quan phong-thưởng cho đã.

Hoàng Nhượng nói:

— Nhượng này vì cha mẹ mà phải đi báo-cừu, chớ có công-cán gì đâu. Bấy lâu theo đòi hàng-trận, nhờ được uy-linh thiên-tử và lệnh chỉ-huy của tướng-quân, chớ có công-trạng gì. Những điều ân-sủng quá bản-phận mình, lẽ nào tôi lại dám nhận.

Phùng-Ngọc nghe nói càng thêm kính-phục, đem nghìn vàng ra tặng. Hoàng Nhượng từ-trối hai ba lần không được, phải nhận lĩnh lui ra, gọi bảo người nhà đem linh-cữu Khải-Ngu, Khải-Lỗ rước về hợp-táng ở Lâm-diên Trương-bát-lĩnh về phía tây huyện. Quan Tri-huyện Trần Triết sai lập bia đá đề 11 chữ: « Đại-Tổng

hiếu-tử Hoàng Khải-Ngu, *Khải-Lỗ chi mộ*. Về sau Hoàng Nhượng mất thì táng ở Ngưu - đường Đại-sơn-dầu về phía bắc huyện. Mộ không có bi-kiệt gì cả, thế mà người đi đường ai cũng biết là mộ Hoàng hiếu-tử. Sau Khuất Đại-Quân đi qua trước mộ có đề vào đá rằng :

*Cha hiếu sinh con hiếu,
Cha con một nhà hiếu.
Ngưu-đường cùng Táy-lâm,
Hai mồ còn đề dấu.
Người qua dưới bóng cây,
Ai là không trở bảo.*

Hoàng Nhượng khi đã táng hai con rồi, lại viết thư nhờ Phùng-Ngọc đưa lên Ngô Đốc-phủ đề tâu về thiên-tử, xin lập huyện Vĩnh-an để trấn-thủ cho phương-dân ở đó. Lời thư lược rằng :

« Cỗ-danh thuộc huyện Qui-thiện, Cầm-giang thuộc huyện Trường-lạc, là nơi đất hiểm-yếu, liền những núi non, chính là nơi sào-huyệt cho kẻ hung-dồ đó. Và lại cách nơi huyện-ty đến hơn hai trăm dặm, quân giặc nó nổi lên một cái thì dân không trông nhờ vào đâu được. Vậy xin lập ra một huyện để yên hợp lấy dân, tuy là khó-nhọc một ngày mà yên-ôn được đến vạn-thế. »

Phùng-Ngọc đem thư ấy trình lên Ngô Đốc-phủ. Ngô Đốc-phủ cho làm phải, tâu về triều - đình. Hoàng Thượng cả mừng, liền cho Hoàng Nhượng đốc - sức khởi-công. Hoàng Nhượng vâng mệnh, mộ phu đắp thành, lấy quân - pháp đốc - thúc, chia lao-dặt, cấp lương-thực, thường cuộc đủ, ván đắp đều, qua bốn tháng mà đắp xong thành. Nhượng thọ 81 tuổi, lên bậc thượng-thọ trong ngôi hương-âm. Khi mất rồi, có chiếu vua tỉnh-biểu tặn nhà, lập đàn thờ ở huyện Vĩnh-an, đề biều-ngạch rằng : *« Nhất môn tam hiếu »*.

Nói về Phùng-Ngọc sắp-sửa binh-mã, thu quân về tỉnh, khi kéo đến núi Bạch-vân, thì quân-sư Gia-Cát Đồng đã mất rồi, còn quân cữu ở trong nhà trạm, Mai Anh vô áo quan khóc viếng thương-thảm. Phùng-Ngọc cũng lấy làm cảm thương khôn xiết, bày lễ tế diện, rồi sai người đưa linh-cữu về an-táng ở núi Thiên-mã. Phùng-Ngọc kéo quân về đến Huệ-châu, thì Lý công-chúa cùng bố mẹ và Qui-Nhi, Kim-Liên đã về đó ba ngày trước rồi, cả nhà gặp mặt vui mừng khôn xiết, cùng kéo về tỉnh-thành. Ngô Đốc-phủ đem các quan ra khỏi ngoài thành mười dặm nghênh-tiếp, cầm lấy tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Hôm trước tiếp tin báo-tiếp, mới biết rằng quý-dai trung-hiếu dũng-liệt đều họp cả một nhà, giúp đỡ nên công, cái vĩ-tích ấy thực là thiên - cổ hân-hữu ; lão-phu này đã sai quan lâu về thiên-tử rồi.

Phùng-Ngọc nói đáp tạ lại. Khi vào đến trong thành, đem binh-mã đóng ở dưới phía đông pháo-dài, rồi đem chư - tướng vào quân - môn, dâng sớ công-lao lên Ngô Đốc - phủ. Đốc-phủ sai bày tiệc yến ăn mừng, đem ra rất nhiều trâu rượu để khao-thưởng quân-sĩ. Ngày hôm sau, Phùng-Ngọc đem các tù-phạm giải - nạp. Đốc-phủ sai quan tư-pháp điềm-xét cho tổng-giam, đề dọ chỉ vua phán - định. Quan Đốc-phủ cùng với Phùng-Ngọc đều làm tờ biều khai-tường công-lao các tướng-sĩ. Phùng - Ngọc lại làm riêng một tờ biều kể cái hiếu-liệt của Trương Qui-Nhi và Tạ Kim-Liên, trung-trinh của Lý Tiều-Hoàn, dũng-liệt của Mai Anh-Tuyệt, đều tâu lên vua biết. Thần-tôn xem tờ biều, long-nhan mừng-rỡ, liền xuống tờ chiếu triệu Phùng-Ngọc và mọi người cho tiến-kinh vào bệ-kiến. Phùng-Ngọc vội-vàng nghênh-tiếp chiếu-chỉ, sai thiết hương-án làm lễ phủ-phục nghe tuyên-chiếu.

Chiếu rằng: sắc cho Hoàng Quyền : Trẫm xét tờ tấu của người, biết rằng người đã dẹp tan quân giặc, yên lĩnh một phương, trẫm rất lấy làm khen-ngợi. Vả, thế-thiếp của người đều là người trung-hiếu dũng-liệt, đủ để khuyên đời, trẫm muốn nhất-kiến; người khá đem tất cả các tướng sĩ có công, giải quân tù-phạm tới Kinh, để làm lễ cáo-miếu đền công, tỏ ra việc đại-diễn. Còn như kỷ-luật nghiêm-minh, quân đi qua đâu không xâm-phạm, việc đó người đã biết, trẫm không cần phải nói. Nay sắc !

Tuyên chiếu xong, Phùng-Ngọc phủ phục tạ ơn, khoản-dãi sứ-giả về Kinh xong rồi, Phùng-Ngọc bèn họp chư-tướng lại thương-ng nghị sắp-sửa tiến Kinh. Mai Anh không muốn về Kinh, muốn cùng với Nguyệt-Nga hộ-tống ông bà Tư-trai về trại Gia-quế, rồi lĩnh quân đem Tiền phu-nhân và vợ chồng Đặng Bưu về núi Thiên-mã. Vạn Nhân-Địch, Bàn Ma-La không muốn làm quan, đều xin từ về sơn-trại. Phùng-Ngọc tiễn đưa mọi người về rồi, trở vào trong trường, thu-thập hành-trang, vào cáo-từ Ngô Đốc-phủ rồi lên đường tiến Kinh.

Thực là :

*Tướng-quân bắt giặc vừa xong việc.
Thiên-tử bàn công muốn tấn-phong.*

HỒI THỨ XXVIII

*Vua Thần-tôn mở tiệc phong-công,
Hầu Đông-an một nhà qui-ấn.*

Phùng-Ngọc cáo-từ Ngô Đốc-phủ rồi đem thế-thiếp và các tướng-sĩ có công áp-giải các tên tù-phạm đưa về kinh dâng nộp. Đi không bao lâu, đến cửa đô-môn, sai người vào tâu trước, vua truyền-chỉ cho Phùng-Ngọc được mặc nhung-phục vào hiến-phủ. Vua Thần-tôn ngự trên cửa Thừa-thiên nhận lễ mừng, truyền cho lũ Phùng-Ngọc đều đổi triều-phục vào bài-kiến.

Phùng-Ngọc vào bệ-kiến, vua hỏi những phương-lược bình giặc. Phùng-Ngọc đều qui tâu tường-tận. Vua cả mừng. Phùng-Ngọc lại tâu rằng :

— Tôi nghe quân-hạt rộng quá phải nên thu hẹp lại. Nay Cầm-giang, Cồ-danh đã nhờ ơn thánh-thượng cho đắp thành lập huyện. Còn đất La-bàng mông-mênh nghìn dặm, núi non trùng-diệp, người Dao-man ở quanh cả trong khoảng ấy, dễ sinh lòng phản-trắc. Thần ngu trộm nghĩ: Nhân nay Mai Anh đã qui-thuận, cũng nên phân châu lập huyện cai-trị lấy đất ấy, để khống-chế các nơi yếu-hại, yên dẹp quân đông-man, làm bảo-chương cho một phương, chẳng hay ý thánh-thượng nghĩ có nên chăng ?

Thần-tôn chuẩn y lời tâu, đổi La-bàng làm La-dịnh-châu, lập ra Đông-an, Tây-ninh hai huyện, sắc cho Lưỡng-Quảng Tổng-dốc Ngô Quế-Phương xem xét địa-thế mà kiến-lập các thành - trì. Phùng-Ngọc bái-tạ. Vua lại triệu Lý Tiều-Hoàn vào trước án phủ-dụ mà rằng :

— Nhà người tuổi còn trẻ mà đã biết tôn-quân qui-thuận, lập đồn-diễn nghĩ việc binh, thực là yên lòng trẫm.

Tiều-Hoàn nghe lời bái-tạ. Vua lại ban cho dự-yến ở điện-dinh. Mọi người lĩnh yến xong tạ ơn lui ra. Ngày hôm sau, Thần-tôn ra ngự Võ-anh-diện, truyền mệnh chư-tướng áp-giải các tên tù-phạm đến thị-trường chính-pháp. Lại triệu lũ Phùng-Ngọc vào trước điện, phủ-phục dưới kim-giai nghe sắc tuyên-phong :

Hoàng Quỳnh được phong làm Đông-an-hầu Binh-bộ thượng-thư tâu phủ Quảng-dông.

Trương Quý-Nhi làm Kiên-trinh phu-nhân.

Lý Tiều-Hoàn làm Đông-an Quận-

chủ Thuận-chính phu-nhân, và ban cho một tập măng-phục.

Mai Ánh-Tuyết làm Dũng-an phu-nhân.

Tạ Kim-Liên làm Hiếu-liệt phu-nhân.

Mai Anh làm Tây-ninh vương.

Tiền-thị, Đặng Nguyệt-Nga đều làm Nhất-phẩm phu-nhân.

Phù Hùng làm Đông-an huyện tri-huyện.

Đặng Bưu làm Tây-ninh huyện tri-huyện.

Bàn Ma-La làm Nam-úc Tổng-binh.

Mã Tán, Đan Dũng, Tống Kim-Cương đều làm Cẩm-y-vệ Chỉ-huy.

Triệu Tín làm La-định châu Du-kích.

Giả Kỳ làm Nam-lĩnh Du-kích.

Trương Chi-Long làm Đông-an Thiên-tổng.

Vạn Nhân-Địch làm Tây-lộ Đô-chi-huy.

Trần Long làm Chỉ-huy-sứ.

Hoàng Doãn làm Chỉ-huy-sứ.

Còn các viên Chánh-phó tướng đã mất rồi đều truy tặng chức Trung-dũng hiệu-ủy, truy-phong tam - đại. Đặng Bưu, Phù Hùng, Bàn Ma-La, Trần Long, Vạn Nhân-Địch, Tống Kim-Cương, Hoàng Doãn đều không muốn làm quan, nộp trả tờ cáo sắc, xin về dưỡng-lão ở nơi sơn-trại. Mã Tán, Đan Dũng, Triệu Tín lưu ở Kinh nhận chức, sau đều có công phong đến chức Chánh-tổng-binh.

Nhắc lại lũ Phùng-Ngọc được phong đều tung-hỏ bái-chúc tạ ơn lui ra khỏi triều rồi, thối thì vô-số các hàng quan-thân quen biết đều lại thăm mừng, lao-xao ồn-ào trong ba bốn ngày, chợt thấy có người đưa thiệp vào bẩm rằng: « Ở ngoài có quan tân tiến-sĩ Trương đại-nhân ở Huệ-châu muốn vào tương-

kiến » Phùng-Ngọc mở danh-thiệp ra xem, thời thấy trên mặt danh-thiệp đề rằng: « *Niên-gia quuyến - đệ Trương Phi-Long.* » Phùng-Ngọc nghi-ngờ hỏi Quý-Nhi rằng :

— Chẳng hay ông hương-thân này sao cũng tên là *Trương-Phi-Long*, hay là lĩnh-huynh dấy chăng? Không biết anh ấy tiến-kinh bao giờ, mà đã thi đỗ tiến-sĩ?

Quý-Nhi nói :

— Thiên-hạ cũng nhiều người đồng-danh, anh tôi vẫn theo học Trung-ly tiên-sinh, đọc sách ở Dịch-sơn, ít lâu nay không tiếp được thư-tín gì cả, sao lại có sự gặp may thế.

Phùng-Ngọc nói :

— Tôi không được gặp lĩnh-huynh bao giờ, phu-nhân hãy đi vào trong mảnh-mảnh, để tôi nghênh-tiếp ông ấy vào, phu-nhân sẽ ngó xem thi khắc biết rõ.

Quý-Nhi lui vào trong mảnh. Phùng-Ngọc ra tiếp rước ông ấy vào, thi-lễ mời ngồi. Phùng-Ngọc vừa toan cất lời hỏi. Quý-Nhi ở trong mảnh đã trông thấy quả là anh mình Trương Phi-Long, liền tươi cười chạy ra reo lên rằng :

— Chẳng hay anh lai-kinh từ bao giờ thế?

Phi-Long ngừng mặt lên nhìn, thất-kinh mà rằng :

— Nàng là em ta, sao lại đến ở đây?

Quý-Nhi cười trở Phùng-Ngọc mà rằng :

— Đó là chồng em đấy.

Phi-Long nghe nói, vừa kinh vừa mừng mà rằng :

— Tôi hôm nay đến đây là vì tình thân người làng, vào thăm, ai ngờ lại chính là phu-quân của hiền-muội.

Nói rồi vội-vàng thi-lễ chào hỏi lại

Phùng-Ngọc, và lại vái chào Quý-Nhi, Quý-Nhi nói :

— Thưa còn có mấy chị em nữa đề gọi ra cùng yết-kiến linh-huynh nhé?

Phi-Long nói :

— Xin mời các vị cùng ra tương-kiến.

Quý-Nhi vào đưa Lý phu-nhân, Mai Phu-nhân, Tạ phu-nhân cùng ra trung-đường. Quý-Nhi lần-lượt giới-thiệu từng người, thi-lễ xong cùng ngồi, tả-hữu biến trà xong, Quý-Nhi hỏi rằng :

— Chẳng hay anh lại-kinh bao giờ, mà đã thi được đỗ cao như vậy?

Phi-Long nói :

— Vì tôi có người bạn thân tên là Trịnh Tử-Chương làm Quốc-lữ Tư-nghiệp, cố khuyên bảo mãi tôi lại-kinh, thi vào nhà Quốc-học, năm nay thi Hội đỗ Tiến-sĩ thứ hai-mươi-bảy, nhờ ơn thánh-thượng thụ - chức Lại-bộ Viên-ngoại. Tháng ba năm trước, tôi có sai người đưa thư về nhà, chẳng hay hiền-muội có tiếp được không?

Quý-Nhi nói :

— Nguyên-lai thế này, mà anh lại không biết nhà ta gặp phải cơn tai-vạ lớn ư?

Nói rồi, lại trở ba vị phu-nhân mà rằng :

— Nếu không gặp mấy vị hiền-muội này cứu-giúp cho, thời em với cha mẹ dễ thường không trông thấy anh nữa.

Phi-Long cả kinh mà rằng :

— Chẳng hay gặp phải tai-vạ như thế nào?

Quý-Nhi bèn thuật lại truyện từ khi gặp Phùng-Ngọc cứu-hộ, cho đến khi bày kế chém Lam Năng, đều kể lại một lượt. Phi-Long vội-vàng đứng

dậy hương vào ba vị phu-nhân vái tạ mà rằng :

— Thực là nhờ ơn các vị phu-nhân lắm!

Nói rồi lại hương vào Phùng-Ngọc mà hỏi rằng :

— Thưa bác, định bao giờ vinh-qui?

Phùng-Ngọc nói :

— Tôi định ngày mai vào bái-từ thánh-thượng rồi dâng-trình.

Phi-Long nói :

— Như thế thì may lắm! Tôi xa nhà đã lâu cũng muốn về thăm. Hôm trước tôi đã tâu xin thánh-thượng, đã đặc-chỉ phê-chuẩn, ngày mai chúng ta cùng đi thi tiện lắm.

Phùng-Ngọc cả mừng, mời Phi-Long lưu lại yến-âm, chiều tối mới tan tiệc. Ngày hôm sau, cùng vào chầu bệ-kiến cáo-từ. Thần-tôn sai các triều-thần đều ra đô-môn tống-tiến. Thôi thì:

*Ơn nhuận ờn đào lòng bóng nhật,
Vẻ phân dù biếc đượm hơi sương.*

Phùng-Ngọc từ-biệt các triều-thần, rồi trông về phía tỉnh-thành Quảng-dông tiến-phát. Đêm nghỉ sớm đi, không mấy ngày đi đến tỉnh-thành, các quan tỉnh đều ra nghênh-tiếp vào thành. Phùng-Ngọc đem tất cả mọi người vào tạ ơn Ngô Đốc-phủ tiến-dẫn cho, và tiến Giả Kỳ, Mã Cách đi phó-nghiệm xong dẫu vào đây. Trương phu-nhân muốn mau về Gia-quê đề thăm cha mẹ. Phùng-Ngọc bèn cáo-từ Ngô Đốc-phủ cùng mọi người ra khỏi tỉnh-thành đều đi về Gia-quê. Khi mới đến Hoa-huyện, thì gặp Hoàng Hán tự châu La-định đi lại, thưa rằng :

— Mai đại-vương đã vì tướng-công khởi-lập dinh-tòa ở dưới núi Đại-hám, sai người đón ông bà và Trương thái-

công, thái-bà, Phù-lão-phu-nhân và Phù-lão-cha đều đến cả Đông-an rồi.

Phùng - Ngọc cả mừng. Lý Phu-nhân muốn từ về Gia-quế để tế-cáo Đô-bối đại-vương. Hoàng Hán nói:

— Mai đại-vương ở núi Đại-hám cũng đã khởi-lập một nơi miếu-diện để tượng Đô-bối đại-vương và tượng Phù Ly, Phùng Lực-Mộc cùng tượng Dương, Hứa hai phu-nhân đều đã rước đến núi Đại-hám cả rồi. Và còn đương tô tượng Gia-Cát Đồng, Thiết Lão-Hồ, Bạch Đường-Hồ, Mã A-Ma, Lợi Dụng, Đồng Miêu-Công, Văn Đại-Đạo các vị tướng-quân đều bày ở đôi bên hành - lang, mười phần trang-nghiêm, khói-hương thờ phụng đương náo-nức cả lên đó.

Nguyên là Đồng Miêu-Công, Văn Đại-Đạo đều đã lục-tục chết bệnh cả rồi. Lý phu-nhân nghe Hoàng Hán nói cả mừng, không trở về Gia-quế nữa, bèn gói ra 10 lạng vàng, 1000 lạng bạc, sai Hoàng Hán đem về Gia-quế tặng cho Bàn Ma-La. Còn cả nhà thì kéo về huyện Đông-an, đi đến đâu cờ quạt đầy đường, võng giá chen đất, các đình tòa quan phủ cùng các nhà sĩ-thứ, đều treo cờ kết thẻ, bày hương-đăng ra đón rước. Khi qua Nam-giang châu La-dĩnh, các quan châu huyện đều ra nghênh-tiếp. Đến phía đông-ngạn huyện Đông-an, thời thấy ông bà Tư-trai và Mai Anh, ông bà Trương thái-công và Phù-lão-phu-nhân, Đặng Bru, Phù Hùng, đều ở đấy ra nghênh-tiếp. Bà cô Phùng-Ngọc và biều-huynh là anh em Lưu Hạc-Linh cũng đã đến cả ở đó rồi. Phùng-Ngọc cùng mọi người vội-vàng xuống kiệu, để cùng các người tiếp-kiến, ai cũng đều mừng rỡ. Anh em Trương phu-nhân yết-kiến Trương thái-công và Long phu-nhân, nửa thương nửa mừng bồi-bồi khôn xiết. Trương thái-công cầm tay Long phu-nhân mà rằng :

— Đương khi bị cướp, cha con lìa tan, ngờ đâu còn có ngày nay nữa. May nhờ uy-linh thiên-tử, và các phu-nhân giúp đỡ, cả nhà được vinh-quí, Phi-long lại tên chiếm bằng vàng, thì còn hân-hạnh nào bằng.

Thái-công lại ngảnh về Phùng-Ngọc mà rằng :

— Phàm việc gì cũng có tiền-định cả. Lời nói của Hoàng dã-nhân ngày ấy, bây giờ mới nghiệm ra.

Phùng-Ngọc hỏi rằng :

— Chẳng hay sao biết là nghiệm ?

Trương thái-công nói :

— Tên Nhiều Hữu ở Phong-hồ vốn là con tên Thủy Thiên-Nhất ở Tây-thôn, vì theo mẹ đi lấy chồng khác, bèn đổi ra họ Nhiều, chớ vốn là họ Thủy, nghĩa câu: « *Phùng-thủy vi nạn* », là thế Thân mình phải hãm trong đám giặc Hỏa-dãi, đó là nghĩa câu : « *Ngộ hỏa vi nạn* ». Cái ngày lão-phu bị cướp là ngày binh-ngộ, « *tại ngộ-hương* » là nghĩa thế. Đây là đông-ngạn huyện Đông-an, nay tụ-hợp cả ở đây đó là *tụ quý đông-ngạn*. Lời nói tiên-nhân chẳng phải tiền-định là gì.

Trương phu-nhân ngảnh lại Tư-trai mà thưa rằng :

— Bà tiên-cô bảo rằng : « *Phá mạch kiến phu, tự-đắc chân-tín* » nghĩa là bảo con tìm thấy Hoàng-lang, thì tự khác biết đích tin cha mẹ. Còn như câu : « *Họa hề phúc ỷ, cát hương hung cầu* ». Nghĩa là bảo gặp giặc đấy mà rồi sau được phúc, ngay khi ấy thì không hiểu ra làm sao cả.

Nói chuyện rồi, cả nhà cùng đi đến núi Đại-hám, thời thấy một nơi phủ-đường tân-tạo, một dãy bảy tòa, cột vẽ xà chạm cực-kỳ rộng rãi, tả-hữu đều có các phòng quanh quẩn. Đằng sau lại có một cái hoa-viên, rộng ước và mẫu, đủ cả đình-đài lâu-các, ở giữa dáo ra một cái ao, sen ngó ngo-ngạt. Phùng-Ngọc cả mừng, vội-vàng hướng vào Mai Anh đáp tạ mà rằng ;

— Thiệt là làm bận lòng quý-báu của đại-vương lắm !

Cả nhà đều tiến vào trong phủ, mời ông bà Tư-trai, ông bà Thu-Cốc và Phù phu-nhân lên ngồi. Phùng-Ngọc đem thê-thiếp vào bái-yết, và lại vái chào Mai Anh, bày tiệc khánh-bà. Ngày hôm sau, mổ trâu giết lợn, tế cáo Đê-bổi đại-vương. Lý công-chúa thấy lập ra đền-dải cực-kỳ huy-hoàng kim-bích, liền hưởng vào Mai Anh bái-tạ. Cả nhà vui-vẻ xum-vầy chừng hơn một tháng, Phi-Long cáo-từ Thu-cốc xin tiến-kinh. Sau Phi-Long làm quan đến Thái-thường-chánh-khanh, rồi cũng từ quan về ở huyện Đông-an. Phùng-Ngọc lại sai người đến thôn Đào-hoa mời Phùng-Châu lại. Phùng-Châu không chịu lại. Phùng-Ngọc bèn sai người đem một vạn lạng bạc đưa về cho Phùng-châu. Một ngày kia, Phùng-Ngọc cùng với bốn vị Phu-nhân nói chuyện mà rằng :

— Xưa kia tôi cùng với nhạc-phụ đi chơi La-phù, có gặp Hoàng sơn-nhân cho tôi một viên hồng-hoàn tiên-dịch, bảo tôi rằng sau khi công-thành danh-toại rồi, phải nên kíp mà cáo lui thì sơn-nhân lại đến tiếp-dẫn. Tưởng như khi tôi mắc nạn ở ngục Nam-hải, còn mong gì đến phủ-quí nữa, thường có khi vợ chồng cũng không chắc gì gặp nhau. May sao ly mà lại hợp, lại gặp được Tạ-thị, thực là cái phúc phi-thường. Nếu nay ta lại còn tham-luyến quan-chức mãi, vạn-nhất có khi vấp ngã, thì hối sao kịp được. Vậy tôi muốn cáo-từ quan-chức, cùng với các phu-nhân tiêu-dao sơn-thủy, cập-thời hành-lạc, các phu-nhân nghĩ thế nào ?

Bốn vị phu-nhân đồng-thanh thưa rằng :

— Lang-quân nói phải đó.

Phùng-Ngọc bèn làm tờ biểu dâng lên cáo-từ quan-chức. Từ bấy giờ

Phùng-Ngọc suốt ngày chỉ cùng với bốn vị phu-nhân uống rượu ngâm thơ, gảy đàn ca-vịnh, hoặc khi đi lại về Tây-ninh, hoặc khi thưởng-hoa túy-nguyệt đề di-dưỡng tinh-tinh. Ông bà Tư-trai và ông bà Trương Thu-Cốc, Phù lão-phu-nhân, đều hưởng-thọ ngoại 90 tuổi mới mất. Sau này Trương phu-nhân sinh được một con trai, Lý phu-nhân sinh được hai con, Tạ phu-nhân sinh được ba con, đều đỗ cao-khoa làm quan đến ch nh-khanh, thành ra một họ lớn ở Đông-an. Phùng-Ngọc cho một con làm kế-tự cho Lý-Cương, một con kế-tự cho Tạ Nhân. Xuân-Hoa thì gả cho Hoàng-Hàn, Thu-Nguyệt thì gả cho Hoàng Thông, Ngọc-Tiên thì gả cho Chí-Long. Vợ Mai Anh là Tiền phu-nhân sinh được một trai, Đặng Nguyệt-Nga sinh được hai trai, đều đỗ-khoa cả, về sau cùng với con cháu Phùng - Ngọc đời đời kết làm hôn-nhân.

Một hôm gặp tiết-trùng-cửu, Phùng-Ngọc cùng với bốn vị phu-nhân thưởng cúc ở vườn sau, sắp toan chia vắn làm thơ, sức dàu Hoàng Thông chạy vào báo rằng :

— Bẩm, có Thạch thiên-sur lại chơi, muốn vào yết-kiến tướng-công và bốn vị phu-nhân.

Phùng - Ngọc cả mừng, đem các phu-nhân ra đón rước mời vào vườn sau. Thi-lễ xong, Phùng-Ngọc cười mà rằng :

— Chẳng hay lão-sur qua tới đây bao giờ ?

Thạch thiên-sur nói :

— Bần-tăng nhân qua Triệu-khánh hỏi thăm đồ-đệ, nghe thấy hiền-hầu công-thành danh-toại, về ẩn ở đây, nên mới lại qua thăm.

Phùng-Ngọc cả mừng, bày tiệc tray khoản-dãi, dâng rượu ba tuần rồi,

Phùng-Ngọc lại cất chén khuyên mời mà rằng :

— Tôi mà sánh đôi với tiên-nội Trương-thị, là nhờ lão-sư có tặng cho lời chú đó.

Thạch thiên-sư nói :

— Người ta gặp-gỡ cũng đều có định-số cả, chớ bần-tăng có công-cán gì đâu.

Phùng-Ngọc nói :

— Núi Đại-hàm này cao ngất mà linh-dị lắm, thường thấy có vân-hà ẩn-hiện; trên núi thấy có cả tri-dài quán-các, quả bích-đào rủ bóng, tiếng bạch - khuyển xủa người, vút chốc lại không thấy dấu cả, đó thực là nơi tiên-quật. Vậy tôi muốn dựng một ngôi bảo-sát ở núi này, để cung-phụng lão-sư, mong được thời-thường thỉnh-giáo, chẳng hay ý lão-sư nghĩ sao?

Thạch thiên-sư nói :

— Bần-tăng trụ-tri ở núi Trường-nhĩ đã quen, vả tháp-cốt của tiên-sư cũng ở đó, bỏ đi chỗ khác không được. Cồ-nhân có nói : « Núi không cứ gì lớn nhỏ, tùy theo người mà thêm trọng. » Núi Trường-nhĩ rất nhiều nơi di-tích, ngày trước hiền-hầu đã qua chơi, mới vịnh cho được hai bài thơ đá bàn cờ, nay muốn xin hiền-hầu cứ mỗi nơi danh - thắng ở núi ấy đều vịnh cho một bài, để cho Bần-tăng này được đem về khắc vào đá, cho núi ấy được tăng-sắc lên thì hay lắm.

Phùng-Ngọc mừng mà rằng :

— Phiền lão-sư khai các nơi danh-tích ra, để chúng tôi cùng với tiên-nội mỗi người làm mấy bài, xin lão-sư chỉ-giáo cho.

Thạch thiên-sư bèn lấy hoa-tiên khai ra các nơi danh-thắng, đưa cho Phùng-Ngọc xem thì là mười bốn cái đề-mục thơ. Phùng Ngọc nói :

— Đây xin nhờ bốn vị phu-nhân

mỗi vị làm cho ba bài, còn phần tôi xin làm hai bài, nên chăng ?

Mai phu-nhân nói :

— Thiếp là bậc sơ-học, xin cho thiếp làm hai bài thôi.

Phùng-Ngọc nói :

— Như thế thì cũng được.

Trương phu-nhân nói :

— Đầu bài thơ có bài khó bài dễ, phải nên gặp thăm mới được.

Phùng-Ngọc nói :

— Phải đó,

Liền đem đầu bài viết ra mười bốn cái giấy, rồi đem vè-tròn lại, mỗi người đều nhặt lấy một cái cầm ở tay. Ta phu-nhân nói :

— Chẳng hay làm theo thế-cách nào cho hay ?

Phùng-Ngọc nói :

— Xin cùng làm theo lối ngũ-ngôn cồ-thể là hơn.

Các người đều cho làm phải, đều cầm quán-bút, mở hoa-tiên, đua nhau làm thơ như điều sa thổ chạy, không dầy nửa khắc đều làm xong cả. Phùng-Ngọc bèn đưa đến trước mặt thiên-sư, Thiên-sư xem rồi mừng mà rằng :

— Bần-tăng này dẫu không biết thơ, nhưng thường nghe thi-gia Đỗ-đại-lão nói rằng : « Thơ ngũ-ngôn cồ-thể rất khó mà làm được cho xương-kinh lại càng khó lắm. » Vậy bần-tăng xin đem những bài thơ này về khắc vào đá, để làm vè-vang cho chốn danh-sơn.

Phùng-Ngọc cố mời thiên-sư ở lại chơi. thiên-sư cố từ xin về. Phùng-Ngọc bèn lấy ra 20 lạng bạc, 10 tấm vải hỏa-cán-bố, giao cho tên trưởng-ban đưa đến núi Trường-nhĩ để tặng thiên-sư. và viết ra và phong-thư nhờ thiên-sư đưa đến hỏi thăm Cồ-Khé Tăng tiên-sinh và Trương tiên-

sinh. Phùng-Ngọc tiễn Thạch thiên-sư đi rồi, vừa trở về trước phủ, thì thấy hai nàng ngư-nhân tay cầm năm con kim-ngư sắc đỏ đưa đến trước mặt Phùng-Ngọc, chúc mừng vạn-phúc, rồi hỏi rằng :

— Chẳng hay lang-quân còn nhớ thiếp chăng ?

Phùng-Ngọc ngẩng lại xem, kinh-nhạ mà rằng :

— Chẳng hay hiền tỉ-muội ở đâu lại đây đó, tôi vẫn lấy làm nhớ mong lắm.

Nguyên hai nàng ấy là Châu-thư, Vân-muội người thuyền chài cứu Phùng-Ngọc khi trước. Phùng-Ngọc cả mừng dắt tay đưa vào trong phủ-đường, cùng các phu-nhân tương-kiến, bày tiệc khoản-dãi. Trong khi uống rượu, Châu-thư cười hỏi Lý phu-phân rằng :

— Chẳng hay hiền-muội có nhớ khi mộng thấy tiên-nữ không ?

Lý phu-nhân kinh-nhạ mà rằng :

— Chẳng hay thư-thư sao lại biết được ?

Châu-thư nói :

— Tôi thường đi lại chơi với tiên-nữ, sao lại không biết.

Mọi người nghe nói đều lấy làm kinh-dị. Lý phu-nhân hỏi rằng :

— Dám hỏi thư-thư đã từng đi lại chơi với tiên-nữ, chẳng hay tiên-nữ ấy tên là gì, sao lại có quen biết tiên-muội ?

Châu-thư nói :

— Tiên-nữ ấy có phải là ai đâu, tức là bà Ma-cô đấy. Hiền-muội kiếp trước là Ngọc-nữ. Ngọc-nữ với Ma-cô cùng đối-cư ở La-phù. Về đời Hán, hiền-muội đã từng giáng-sinh ở nhà họ Lục, làm đến Thái-trung đại-phu. Kiếp này giáng-sinh tức là hiền-muội. Ma-cô sợ hiền-muội quên mất bản-lai diện-mục

cho nên nhờ chị em tôi đến tiếp-kiến hiền-muội nói chuyện cho biết.

Lý phu-nhân gật đầu mà rằng :

— Tôi còn nhớ đấng tiên-phụ tôi nói chuyện lúc tôi mới sinh, có mộng thấy một người xưng là Lục Giả đến đầu-thai.

Lý phu-nhân nói rồi lại than rằng :

— Nếu tôi không gặp được Ma-cô báo tin, Hứa, Dương hai nàng chết thay cho, thì sao có ngày nay được.

Phùng-Ngọc cũng cảm - động than rằng :

— Hứa phu-nhân đã từng hai lần hiện-hiện cứu giúp cho tôi, thực là cái khí-tiết trung-trình, sinh-tử như một, hiếm có người thế bao giờ. Nhưng còn cái chuyện cắt dọt cho vợ Hồng Nhất-Giáp không biết có phải là hai vị thư-thư không ?

Vân-muội cúi đầu cười mà rằng :

— Lang-quân hãy còn nhớ được ư ?

Trương phu-nhân hỏi rằng :

— Chẳng hay cái chuyện cắt dọt ra làm sao ?

Phùng-Ngọc bèn đem cái chuyện Hồng Nhất-Giáp nói có mộng thấy tiên-nữ xuống cắt dọt cho vợ, thuật lại cho nghe. Chúng đều cả cười. Châu-thư nói :

— Lang-quân với bốn vị hiền-muội đều là bậc thượng-giới tiên-ban, giáng-sinh trần-thế, nay phải nên thanh-tâm quả-dục, rồi tự khắc lại được phục-hoàn nguyên-vị. Thiếp nay xin tạm cáo-biệt, thế nào cũng có ngày lại được tương-kiến.

Nói rồi, đứng dậy dắt Vân-muội bước ra. Mọi người đều mời giữ lại không được, vừa bước ra ngoài sân thì vụt cái đấng-không mà biến mất. Cả nhà đều kinh-dị, tin là người tiên.

Từ bấy giờ Phùng-Ngọc cùng với các vị phu-nhân đều tuyệt hẳn nhân-sự, chỉ ngày ngày ra chơi hoa-viên, điếm-tĩnh tu-dưỡng, thương-dùng hưởng thọ. Bốn vị phu-nhân nhan-sắc cũng đều trẻ như lúc con gái cả. Phùng-Ngọc thì uống thuốc hồng-hoàn của Hoàng dã-nhân cho, tinh-thần cường-tráng, tóc cũng không thấy bạc một sợi nào. Năm ấy gặp tuần Lý phu-nhân bát-thập thượng-thọ, các con muốn bày tiệc ra hoa-viên mời các phụ-chấp và chư-mẫu ra đề bái-chúc, vừa bước ra vườn hoa, thì chợt nghe tiếng tiên-nhạc vắng-vắng ở trong vườn, vụt chốc thấy hà-quang rực-rỡ, thủy-khí tung-

bừng, bốc lên trời mà bay đi. Các con đều cả kinh, trông ra vườn không thấy ai cả, chỉ thấy hương bay ngào-ngạt, và trên án có để lại hai cái khăn lụa dệt hoa gấm, đề mấy câu thơ rằng :

*Tuyết trắng xem qua Thương-hải,
Hà quang bay tới Thủy-vi.
Thoát bỏ trần-gian muốn lụy,
Tìm về thượng-giới kia kia.*

Người đời sau đều cho là thành tiên cả.

ĐÔNG-CHÂU dịch
(Hết)

VĂN-UYÊN

DỊCH THƠ TÀU

與朱山人
Tặng bác Chu sơn - nhân

唐人杜甫
(Của ông Đỗ Phủ đời Đường)

錦里先生烏角巾。
園收芋栗未全貧。

Thầy Cầm-Lý ta khăn mỏ riêu,
Vườn trồng đầy khoai chưa thật
nghèo.

慣看賓客兒童喜。
得食階除鳥雀馴。

Chim vì thóc vãi quanh thềm dậu,
Trẻ thấy người quen đón ngõ reo.

秋水纔添四五尺。
野航恰受兩三人。

Mưa lũ nước thêm dăm thước lững,
Thuyền nan ta sẵn mấy người chèo.

白沙翠竹江村暮。
相送柴門月色新。

Trúc xanh, cát trắng, vàng trăng
nhật,
Tiễn khách bên thôn ngán cảnh
chiều.

Lời giải kiếm lời bình

Thơ này là thơ đi vào núi tìm chơi với kẻ sơn-nhân (hiệu người ẩn-sĩ) khi về, viết bài thơ này tặng lại, đề tỏ tình yêu mến bậc cao-thần, thuộc về thể tặng-biệt. Thơ này là thơ danh-bút, bút này là bút tả-chân; tả được chân-quang-cảnh, chân-sắc-tướng, chân-thú-vị, chân-tính-tĩnh; khác nào như một tập u-cư tiểu-thuyết; lại khác nào như một bức sơn-thủy họa-đồ. Thơ này người tục không làm nổi, mà người tục cũng không xem nổi.

三月三日義興李明府
後亭泛舟。

Mồng ba tháng ba, cùng quan Lý
Minh-phủ chơi thuyền ở nơi hậu-
đình, thuộc phủ Nghĩa-hưng

唐人皇甫冉
(Của ông Hoàng Phủ-Nhiễm đời Đường)

江南烟景復如何。

聞道新亭更可過。

Phong-cảnh Giang-nam nhớ ít nhiều,
Tàn-đình nghe nói những bây lâu.

處處薔蘭春圃綠。

萋萋藉草遠山多。

Vườn xuân nhuộm biếc lan đầy
Đọt núi in xanh cỏ một màu. [khóm

壺觴須就陶彭澤。

風俗猶傳晉永和。

Bành-trạch quan xưa làng đình-đính,
Vĩnh-hòa năm cũ thói phong-lưu.

更使輕桡徐轉去。

微風落日水增波。

Lênh-dênh ta thử con thuyền dạo,
Làn sóng hiu-hiu gợn gió chiều.

Lời giải kiếm lời bình

Thơ này là thơ người khách ở Giang-bắc, xuống chơi Giang-nam, cùng bạn tri-ký đi chơi thuyền, mà viết ra thơ này, thuộc về thể ký-sự. Bắt đầu tả ra cái tình mình sẵn lòng yêu-mến đất Giang-nam; rồi tả ra cái cảnh mộ-xuân ở Giang-nam, nào là lan biếc nhuộm vườn, nào là cỏ xanh in núi; lại kể ra nhân-vật ở Giang-nam nhiều người phóng-đạt, và phong-tục ở Giang-nam nhiều về phong-lưu, rồi kết lại đến sự đi chơi thuyền, ngày chiều, gió mát, con chèo đung-đính, làn sóng rập-rờn; nhân-nhã đường nào, phong-lưu đường nào. Đọc bài phú Xích-bích của ông Tô Đông-Pha, khiến người sinh ra lòng bát-ngát về cảnh chơi thu; đọc bài thơ này, cũng đủ khiến người sinh ra từ êm-dềm về cảnh chơi xuân vậy.

TÙNG-VÂN

THƠ MỚI

Cảnh-chiều

Khen ai khéo vẽ bức tranh chiều,
Cho khách nhàn-du lấm cảnh yêu!
Ngư ngó thuyền đầy nên vớt lưới,
Tiêu trông gánh nặng mới buông

riu.

Canh toan gác ách ngưng cây Thuấn,
Mục sắp tu còi giã ruộng Nghiêu.
Xao-xác chim về thêm tiếng nhạc,
Rõ-ràng là một cảnh tiêu-diêu.

NGUYỄN HUỲNH-MAI
(Gò-công Nam-kỳ)

Tự-trào

I

Hăm mấy năm nay ngộ thế nào,
Mà ra mình vẫn chưa ra sao.
Vào thi chỉ khỏe mau chân bước,
Dạy học còn lo rát cổ gào.
Bạc đánh thua làng không chịu thấp,
Cờ đi sai nước vẫn khoe cao.
Phong-lưu ai bảo phong-lưu mụn,
Cũng áo tôi tây cũng ả đào!

II

Cũng áo tôi tây cũng ả-đào!
Đố ai biết được lúc vay cào.
Tiền không vầy hén càng tiêu hao,
Chuyện rõ ngang cưa cứ nói tào.
Chữ nghĩa càng ngày càng dốt lại,
Ăn chơi mỗi tuổi mỗi bư vào.
Này nho như thế sự như thế,
Mà vẫn văn-minh dám tự-bào.

NGUYỄN VĂN-AN

Than nghèo

Tùng đến bao giờ mới lại thôi,
Loanh-quanh luồn-quần suốt năm
trời!
Bữa ăn lo chậm đàn con quấy,
Giấc ngủ chưa êm khách nợ đòi.
Nhà cửa lum-xum bầu-bạn rẻ,
Áo quần lưới-sươi chị em cười.
Còn gì khe-khắt hơn là thế,
Mà vẫn nghênh-ngang đứng cõng đời.

TẠ QUANG-NINH

Cảnh buồn buổi chiều

I

Cây thưa cỏ áy tựa khêu buồn,
 Gió bắc hòa cùng tiếng sáo suông.
 Ngắm cảnh chiều đông lòng bát-ngát,
 Sầu riêng riêng nặng nước cùng non.

II

Buồn tênh cái cảnh lúc hoàng-hôn !
 Viễn-xứ xa nghe vắng trống đồn.
 Non nước một màu sương tuyết diêm,
 Ngân lau hiu-hắt mạch sầu tuôn !

III

Lấp-ló ngán đông mảnh nguyệt tròn,
 Không-gian xao-xác nhận về non.
 Cảnh này ai vẽ tay con tạo,
 Khiến khách sầu đông tắc dạ chồn !

NGUYỄN XUÂN-ĐÀI

Cảm-tưởng

Sự đời một tỉnh lại mười mơ,
 Nghĩ nổi sau này đã chán chưa ?
 Sương-tuyết phối-pha xuân thắm-thoắt,
 Nước-non lặn-dặn tuổi già-nua.
 Con đường hi-vọng đường thắm-thắm,
 Cái kiếp tài-danh kiếp lọc-lừa.
 Thân-thể trăm năm đôi giọt lệ,
 Cùng ai toan tính cuộc sau xưa.

Lưu-biệt

Gặp bước phân-ký mới biết đau,
 Luyến người luyến cảnh lưỡng trông
 nhau.

Quan-hà một chén bao say tỉnh,
 Trần-thế trăm năm mấy bề đầu ?
 Cảnh đã ưa người non nước nọ,
 Người còn luyến cảnh cỏ cây đầu.
 Bán sầu ta hãy mua vui tạm,
 Cái hội trùng-phùng ắt chẳng lâu.

Từ-khúc

(Xuân-dinh-khúc)

Khi ở khi về,

Khi ở khi về,

Dương-quan lựa khúc, tình như mè.

Quan-hà một chén,

Vân-thụ đôi què ;

Tình nghĩa nặng,

Nước non thề.

Bắc nam dù cách,

Hợp tan âu cũng một nỗi kẻ !

Thôi thế thì,

Thôi thế thì,

Khóm sen tàn nở,

Hồn quốc rủ-ré.

Hội-hợp rồi ra lại đến kỳ.

PHẠM Tuấn-Tài.

THỜI-ĐÀM

Việc Thề-giới. — Việc thiên-hạ lúc đã
 định-đốn thì tưởng không có sức gì làm cho
 tiến lên được, mà lúc đã cấp-tiến thì mau
 chóng một cách lạ-lùng, như tích lại lâu
 ngày, đổ dồn một lúc vậy. Như việc Pháp
 Đức giao-thiệp về sông Ruhr, từ đầu năm
 đến giờ cứ nhùng-nhắng mãi, không biết đến
 bao giờ giải-quyết cho xong. Vụt thảng
 trước Chánh-phủ Đức tuyên-bố xin thôi sự
 « tiêu-cực đề-kháng », nghĩa là chịu công-
 nhân quân Pháp đóng ở hạt sông Ruhr,
 không phân-đối nữa, và xin công-nhiên
 thương-thuyết điều-định với nước Pháp.

Đó là một cái kết-quả hay rồi, vì Đức có
 thôi chống-cự thì việc mới mong điều-định
 được, và về riêng phương-diên nước Pháp
 thời thật là một sự đại-thắng cho cái chính-
 sách quả-quyết khôn-ngao của quan Thủ-
 tướng POINCARÉ. Nhưng không những sự
 hoan-nạn không đến một mình, mà sự may-
 mắn cũng không đến một mình bao giờ, cái
 may nọ thường dắt cái may kia. Vả may
 cho nước Pháp ắt là không may cho nước
 Đức, thời câu « họa-vô đản-chi » đối với
 nước Đức vẫn là đúng vậy. Số là vừa có tin
 nước Đức đành chịu thua ở hạt sông Ruhr,
 lại kể luôn tin nước Đức bị phân-liệt ở hạt

sông Rhin, tin sau này còn quan-hệ hơn tin trước nhiều.

Điện Havas ở Paris ngày 21 tháng 10 báo rằng bốn giờ sáng ngày hôm ấy ở thành Aix-la-Chapelle, là thủ-phủ hạt sông Rhin, đảng « phân-li » (*les séparatistes*) tuyên-bố dân-quốc độc-lập và đoạn-tuyệt quan-hệ với Chính-phủ Berlin. Tin ấy là nghĩa làm sao? Đảng « phân-li » là đảng nào, mà làm sao lại có một cái đảng lạ-lùng như thế? Muốn cho hiểu rõ tin ấy quan-hệ là đường nào, thời phải biết qua cái lịch-sử lập-quốc của nước Đức thế nào. Nước Đức không phải là bao giờ cũng như bây giờ đâu, nước Đức nguyên không phải là một Đế-quốc thống-nhất như trước khi chiến-tranh. Trước năm 1871, nước Đức chưa phải là nước Đức, chỉ là một cuộc liên-bang gồm nhiều nước thuộc về giống Nhật-nhĩ-man, nhưng mỗi nước vẫn độc-lập. Hồi trận năm 1870-71 với nước Pháp, nước Phổ là một nước lớn trong các liên-bang ấy, may được thắng Pháp, bèn thừa-thế hợp-nhất cả các nước kia lập thành một đế-quốc gọi là Đức-đế-quốc, mà vua nước Phổ là GUILLAUME đệ I thời xưng-đế thống-trị cả các nước Nhật-nhĩ-man. Đế-quốc ấy thật là công-nghiệp của vua GUILLAUME và tể-tướng là BISMARCK, nhưng sự hợp-nhất ấy không khỏi có ý miễn-cưỡng. Nhiều nước không muốn hợp-nhất với Phổ, mà bị Phổ cưỡng-bách phải theo, như nước Bavière, hạt sông Rhin, v. v. Trong khi Đức-đế-quốc, tức là Phổ, còn mạnh thì không thể làm thế nào được; kíp đến hồi chiến-tranh vừa rồi, Đức bị thua, mấy nước liên-bang mới dần dần tỏ cái ý muốn phân-lia mà độc-lập. Ở hạt Rheinland, ngay từ tháng 11 năm 1918, hồi mới đình-chiến, cái phong-trào phân-li với Đức đã bắt đầu khởi lên rồi. Đảng phân-li có hai lĩnh-tụ là DORTEN và MATS, hết sức vận-dộng từ bấy đến nay, được Pháp ám-trợ nhưng bị Anh ám-trở, mãi đến nay mới thành-công. Cớ sao Pháp lại có ý ám-trợ? Là bởi hạt Rheinland (tiếng Pháp là Rhénanie) ở giáp-giới nước Pháp, dân-số ngót 10 triệu người, vốn không có ác-cảm gì với Pháp như dân Đức khác, nay toành một nước độc-lập, thời thứ nhất là chia cái sức của Đức-đế-quốc ra, thứ nhì là cách nước Đức với nước Pháp, trừ cho nước Pháp một cái nguy-hiểm ở ngay cạnh mình. Báo tây đã nói rằng: « Đất Rhénanie mà phân-lia với nước Prusse về đường chính-trị,

đường quân-bị, đường kinh-tế, thời thành như cái tường chắn cho sự phòng-bị của nước Pháp, chứ không phải là đội tiên-phong cho sự xâm-nhập của nước Đức, như hồi năm 1914 vừa rồi đó, và nếu sự phân-lia không thành thì sau này có lẽ lại thế nữa. » Nay sự phân-lia đã thành rồi, đất Rhénanie đã tuyên-bố độc-lập, nghĩa là đoạn-tuyệt quan-hệ với nước Đức rồi, nước Pháp được tin ấy há chẳng lấy làm mừng dư? Và lại lâm-thời-chính-phủ mới của đất Rhénanie đã tuyên-cáo rõ-ràng cho các nước biết rằng Dân-quốc Rhénanie sẽ sẵn lòng chịu một phần nợ bồi-thường của nước Đức đối với Đồng-minh, tùy theo dân-số và tài-lực của bản-hạt. Như vậy thời nước Pháp còn có ngăn-ngại gì mà không ra sức giúp? Song giúp là giúp ngấm mà thôi, công-nhiên vẫn tuyên-bố trung-lập, vì việc là việc nội-chính của nước Đức, liệt-cường không có lẽ can-thiệp vào. — Đến như nước Anh thời lại thủy-chung vẫn phản-đối sự đó, và hết sức ám-trở. Như hồi năm 1919, đại-tướng Mangin nước Pháp làm thống-soái quân-đội Pháp ở hạt sông Rhin, chỉ vì có cảm-tình với đảng « phân-li » ở đấy mà thủ-tướng Anh Lloyd George cố vận-dộng cho Chính-phủ Pháp hồi bấy giờ phải bãi-chức mà gọi về; Chính-phủ Pháp vì quá nề cũng phải chiều lòng nước Anh như thế. Từ bấy đến nay, nước Anh không để qua một dịp nào mà không ngăn-trở đảng « phân-li » cho không làm thành được, không ngăn-trở nước Pháp cho không ám-trợ được đảng ấy. Nay việc đã thành rồi, nước Anh vẫn khăng-khăng không chịu công-nhận, nói rằng vì Pháp xui dân Rhénanie nên mới gây ra sự phân-lia đó, và sự đó là trái với hòa-trước Versailles. Cớ sao mà nước Anh lại giữ cái thái-độ phản-đối như thế? Chỉ vì một lẽ, là cái gì lợi cho nước Pháp, nước Anh không ưa, về việc sông Ruhr cũng vậy, về việc sông Rhin cũng vậy, mà tự cô-kim bao giờ cũng vẫn như vậy. Cái then-chốt của việc ngoại-giao Âu-châu ngày nay, và từ xưa đến nay, là sự Pháp-Anh xung-đột nhau, xung-đột nhau một cách êm-ái, nhưng vẫn là xung-đột nhau, như lời tây nói rằng « ghét nhau một cách thân-thiết » vậy. Có hiểu cái lẽ ngấm đó thời mới hiểu được việc Âu-châu, không những việc Âu-châu, việc thế-giới đời bây giờ nữa. Đức-đế-quốc bị phân-liệt thời thế nước Đức sẽ sút kém đi, thế nước Đức bị

sút kém thời nước Đức không đủ nguy-hiểm cho nước Pháp nữa, nước Pháp không bị cái nguy-hiểm ở cạnh mình nữa thì có thể gia-công khoáng-trương thế-lực trong thế-giới, thế-lực nước Pháp mà mạnh quá thì thế-lực nước Anh tất bị nhụt; Anh sợ như thế nên hết sức cản-trở cho Pháp không quật-khởi lên được. Từ khi chiến-tranh xong đến giờ, sự giao-thiệp Pháp-Anh thật là ngoài mặt bạn-bè mà trong lòng hiềm-ky vậy.

Hiện nay xứ *Rhenanie* đã tuyên-bố độc-lập, xứ *Palatinat* ở gần đấy cũng vận-dộng phân-li. Cái phong-trào giải-tán Đức-đế-quốc ấy kể đã mạnh lắm, nhưng cũng gặp những trở-lực nhiều, ở bên trong là các đảng quân-nhân và đảng đế-chí, ở bên ngoài là nước Anh. Chưa biết sau này kết-quả thế nào.

Về việc sông *Ruhr* thời từ khi Chính-phủ Đức chịu thôi sự « tiêu-cực đề-kháng », thợ Đức đã về làm các xưởng Pháp nhiều lắm; dân-tinh cũng yên-ổn, không xảy ra nhiều sự nhiễu-loạn như trước. Nhưng mà cái vấn-đề bồi-thường vẫn chưa giải-quyết được chút nào. Nay nước Anh còn đương bàn họp một hội-đồng các nhà chuyên-môn về tài-chính của mấy nước Đồng-minh (Pháp, Anh, Tỉ, Ý, Mĩ, v. v.), để xét xem cái sức nước Đức có thể trả được mỗi năm bao nhiêu; hội-đồng ấy có lẽ sắp họp nay mai.

— Về phía Nam Âu-châu, mới rồi mới xảy ra hai việc lớn. Một là việc giao-thiệp nước Ý với nước Hi-lạp. Hai là việc chính-biến ở nước Tây-ban-nha (*Espagne*). Nguyên nước Ý có một phái-bộ quân-quan sang định địa-giới xứ *Albanie*, mấy viên quan võ của phái-bộ bị ám-sát ở thuộc-hạt nước Hi-lạp. Chính-phủ Ý liền phái chiến-hạm đến chiếm đảo *Corfou* của Hi-lạp để thị-uy. Các báo đã sợ có lẽ gây ra một cuộc chiến-tranh nữa, như việc ám-sát Hoàng-thái-tử Áo đã gây ra cuộc chiến-tranh năm 1914 vậy. Nhưng may việc đem ra Hội-ng nghị các Sứ-thần (*Conference des Ambassadeurs*) điều - đình xong. — Ở Tây-ban-nha thời đã lâu nay tinh-thế rối-loạn, bè nọ đảng kia, công-kích nhau dữ lắm; lại nhân việc chinh-chiến ở *Maroc* (vì *Maroc* tuy phần nhiều thuộc nước Pháp đã dẹp yên rồi, nhưng còn một phần nhỏ thuộc nước Tây-ban-nha vẫn còn chưa bình được) dai-dẳng mãi mà hao binh tổn tướng nhiều, có một

đảng quân-phiệt, lãnh-tụ là tướng *PRIMO DE RIVERA*, dấy binh lên, áp-đảo tòa Nội-các tại-chức thuộc về đảng tự-do, giải-tán Nghị-viện và chiếm lấy quyền chính-phủ. Người ta nói rằng việc chính-biến này, vua *ALPHONSE XIII* đã có biết trước và cũng ám-thuận cho làm, nên không phải là phản-đối với vua, chỉ phản-đối với đảng nghị-viện đương cầm quyền mà thôi. Nhưng nay quyền đã sang tay đảng quân phiệt rồi, không biết việc nước có chạy hơn trước không. Kể thừ-giải lấy làm ngờ, vì cái họa đảng-phái ở Tây-ban-nha có phần tệ hơn ở các nước nhiều.

..

Việc Á-Đông. — Việc bầu Tổng-thống ở nước Tàu. — Ngày mồng 5 tháng 10, Nghị-viện đã họp ở Bắc-kinh được đủ số lệ để bầu Tổng-thống. Số người bầu là 590. Tào Côn (Tsao Kou) là đốc-quân Trục-lệ (Tché-li) được trúng-cử 430 vé. Kết-quả sự bầu-cử như sau này: Tào Côn (Tsao Kou), 480 vé; — Tôn Dật-Tiên (Sun Yat-Sen), 33 vé; — Đường Kế Nghiêu (Tang Ki-Yao), 20 vé; — Xâm Xuân-Huyền (Tsen Chuao-Hsuan), 8 vé; — Đoàn Kỳ - Thụy (Touan Ki - Joué), 7 vé; — Ngô Bội-Phu (Ou Pei-Fou), 5 vé; — Lục Vinh - Diên (Lou Yong-Ting), Ngô Cảnh-Liên (Ou Ching-Lien), Trương Tác-Lâm (Tchang Tso-Ling), mỗi người một vé; — Còn 12 vé trắng.

Ngày 10 tháng 10 là ngày kỷ niệm Dân-quốc. Tào Côn đến Bắc-kinh để nhận chức và làm lễ tuyên - thệ, nhân thế tuyên-bố hiến-pháp mới. Rồi gửi một cái điện chúc-tri cho cả quan-dân trong nước, kể đại-khái cái chính-kiến của mình, nhất là về mấy điều như sau này: 1° sẽ chú-ý lo việc hợp-nhất nước Tàu; — 2° sẽ gia - công sửa lại tài-chính trong nước, thế nào cho khỏi phải vay của ngoại-quốc; — 3° chỉnh-đốn lại việc giáo-dục quốc-dân; — 4° bãi-bớt những nhữn-g-binh, bắt đầu tự-tĩnh Trục-lệ trước; — 5° chấn-l hưng việc công-nghệ và giảm bớt các thuế-lệ.

Sau khi làm lễ phó-nhiệm, Tổng-thống mới có đọc một bài diễn-thuyết, đại - khái cũng nói ý-kiến như thế, nhưng kết-luận rằng cái chương-trình ấy thật là to-tát, ông rất mong-mỏi làm cho được, nhưng chưa chắc có đủ

sức làm được không. Ý-giả ông đã lường biết cái sức của ông còn yếu, hay là dự biết sự phản-đối của các đảng cứu-dịch ông sẽ kịch-liệt là dường nào.

Hiện nay có hai phái hết sức phản-đối Tào Côn và cho sự bầu-cử mới rồi là không hợp-thức: một là phái Phụng-thiên (*Moukden*), tức là Trương Tác-Lâm (*Tchang Tso-Ling*), đốc-quân Đông-Tam-Tĩnh (*Mandchourie*), hai là phái Quảng-đông, tức là Tôn Văn. Một mặt thời Trương đương tập-hợp tới 10 vạn quân đóng ở giáp tỉnh Trục-lệ, chỉ đợi qua mùa đông này là tràn vào đánh quân Tào; một mặt thời Tôn đương bàn hợp liên-quân của mấy tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây, Phúc-kiến, Hồ-nam, Tứ-xuyên, Vân-nam, Qui-châu, Triết-giang. Thêm-tây, đề tiến lên « trệ tội viên Tổng-thống trái phép. »

Ngay khi mới có tin Tào Côn được bầu, Tôn đã gửi một tờ thông-diệp cho lãnh-sự Anh ở Quảng-đông đề nhờ chuyển-đề cho ngoại-giao-đoàn. Tờ thông-diệp đại-khái nói rằng:

« Về việc bầu Tổng-thống ở Bắc-kinh mới rồi, xin liệt-cường biết cho rằng phần nhiều quốc-dân Tàu phản-đối sự bầu-cử Tào Côn lên chức ấy. Người ấy vô-giáo-dục, bất-thực-tự, quốc-dân không ai ưa, không những vì chính tay đã tàn-phá thành Bắc-kinh Lôi tháng 2 năm 1912, không những vì chính tay là thủ-phạm về việc cướp xe-tô ở Lâm-thành (*Ling-cheng*), nhưng thứ nhất là vì việc bầu-cử trái luật sai phép và dùng những cách hối-lộ thật không xứng-đáng với một nước văn-minh.

« Lịch-sử nước chúng tôi cũng nhiều việc như-bản thật, nhưng chưa từng có việc gì xấu-xa bằng việc bầu-cử vừa rồi. Không ai nhẫn-tâm chịu được một sự ô-ước như thế. Cả nước Tàu coi sự bầu-cử mới rồi là một sự cướp-lược, một sự phản-bội. Ý dân là muốn gây lấy một cái Chánh-phủ hợp dân-nguyên, và hiện nay những người làm hướng-dạo cho quốc-dân đương hết sức mưu toan về việc đó.

« Vậy xin các Liệt-cường, xin các đại-biêu của Liệt-cường ở Bắc-kinh, đừng cử-dộng việc gì khiến được cho kẻ mới cướp quyền nước Tàu cho rằng Liệt-cường đã sẵn lòng công-nhận mình. Vì Liệt-cường mà công-

nhận Tào Côn thời chỉ làm cho sự nội-loạn nước Tàu càng ngày càng thêm lên vậy. Công-nhận như thế là làm một sự không công-bằng, trái với ý-nguyên quốc-dân chúng tôi thuộc về một việc thiết-yếu cho vận-mệnh trong nước. »

Không biết Liệt-cường có nghe lời khẩn-cầu của Tôn đó không, nhưng Bản-chỉ chủ-bút mới rồi có được tiếp chuyện một bà nữ-sĩ mới đi du-lịch Tàu về, qua Hà-nội, bà có thuật chuyện rằng bữa làm lễ phó-nhiệm Tổng-thống mới ở Bắc-kinh hiện bà có được đến dự xem, nhưng xét trong những người Tây đến xem không có một người nào là Công-sứ hay Lãnh-sự các nước cả, nghe đâu vì ngoại-giao-đoàn (*le corps diplomatique*) có ỷchưa muốn công-nhận Tào Côn, nên chính-phủ Tàu không mời đại-biêu các nước đến dự lễ nữa.

Thuộc về việc bầu-cử Tào Côn vừa rồi, người ta lại còn đồn rằng Tào đã mua mỗi vé bầu là 1000 đồng, được cả thảy 480 vé, thời mất vị-chi là 480.000 đồng. Mất 48 vạn đồng tuy cũng đắt hơn cái giá bầu-cử bên ta thật, nhưng đã được làm Tổng-thống một nước lớn! Song, tình-thế như thế, không biết có chắc được bền không?

...

— Sự thiên-tai của Nhật-bản vì arời ảnh-hưởng về đường chính-trị nước ấy thế nào? — Trong khi các nhà từ-thiện đương nghĩ cách cứu-cấp cho người Nhật bị-nạn, thời các nhà ngoại-giao đã đo lường cái ảnh-hưởng của sự thiên-tai ấy về đường chính-trị thế nào. Xét trong các báo nước Anh nước Mỹ, ngoài những câu lẽ-lối chia buồn, đã thấy như có cái ý đặc-chí vui thắm. Sự đời như thế, cái khổ cho người thường khi là cái sướng cho mình, nhất là khi lợi mình với lợi người xung-đột với nhau, như Anh Mỹ đối với Nhật vậy. Về phần nước Pháp thời vốn không có mối cạnh-tranh gì với nước Nhật, nên cái cảm-tình chia buồn và sự cử-dộng cứu-tế có lẽ thành-thực hơn các nước.

Nay cứ bình-tình mà xét thời sự thiên

tại Nhật-bản mới rồi ảnh-hưởng về đường chính-trị nước ấy thế nào? Báo *Impartial* ở Sài-gòn có đăng một bài xã-thuyết của ông FRANÇOIS DE TESSAN, là một nhà làm báo có giá-trị ở Paris, năm xưa đã có theo quan Toàn-quyền Long sang khảo-sát bên ta và đi du-lịch Á-Đông, bàn tường về cái vấn-đề ấy như sau này :

« Nước Nhật không những bị hại to về sự động đất vừa rồi. Người Nhật từ sau khi chiến-tranh đến giờ, không được hưởng hết quyền-lợi về sự chiến-thắng cùng với các nước Đồng-minh, vẫn lấy thế làm thiệt-tội và đem lòng căm-tức. Cho nên cách ngoại-giao đối-dãi với các nước tuy vẫn ôn-hòa, mà lời nghị-luận của các báo trong nước không khỏi có giọng chua-cay oán-giận.

« Nhưng gần đây Nhật muốn tỏ ý thân-thiện với Nga, đó cũng là một sự kết-quả của cái lòng kích-phẫu ấy vậy. Nước Nhật-bản xem ra càng ngày càng lấy cái nghĩa liên-lạc các nước Á-châu làm gốc sự chính-trị của mình. Bởi nghĩa liên-lạc đó nên đã là-dẫn dắt KEMAL ở Thổ-nhĩ-kỳ trong sự khôi-phục nước Thổ, đã phái một nhà ngoại-giao sang nước ấy gọi là đề « quan-sát » (*observateur*), nhưng không phải là đứng yên mà quan-sát, cũng có phần hoạt-dộng ít nhiều. Người Nhật coi cái phong-trào độc-lập ở nước Thổ như một sự phục-thù của Đông-phương đối với Tây-phương. Tuy cái lợi-quyền của nước Nhật ở Thổ-nhĩ-kỳ không có mấy, mà nước Nhật cũng cho sự vận-dộng của người Thổ để thoát-li cái thế-lực các nước Âu-châu là một sự quan-hệ to cho mình về đường linh-thần. Bởi thế nên thấy việc hành-dộng của MUSTAPHA KEMAL được thành-công, người Nhật lấy làm hoan-ngênh lắm.

« Các nhà chính-trị Nhật căm-tức các nước Tây-phương thứ nhất là từ hội-nghị Thái-bình-dương ở Washington. Vì thấy mình ở hội-nghị ấy cô-độc, biết rằng không thể nương-tựa vào nước Tây nào được, nên bây giờ mới xoay

phương - chằm chính-trị về mặt Đông-phương, mặt Á-châu. Vả lại nước Mỹ xây pháo-dài ở bờ bể, nước Anh đặt hải-cảng ở Singapore, là có ý gì, chẳng qua là đề đối với Nhật mà thôi. Lại hai nước ấy phái người sang Tàu cổ-dộng về việc gì, chẳng qua là cổ-dộng để xui-giục cái ác-cảm của người Tàu đối với người Nhật. Đó là ba cái nguyên-nhân làm cho sự ngoại-giao nước Nhật đổi phương-hướng vậy.

« Ngay từ tháng bảy vừa rồi, ở Đại-bản (*Osaka*) đã lập nên một hội đề vận-dộng công-nhận cho Chính-phủ Sô-viết (*Soviet*) nước Nga. Hội ấy một hôm hội-dồng ba nghìn người, đồng-thanh tuyên-bố rằng : « Nước Nhật-bản cần phải công-nhận Chính-phủ Sô-viết, vừa về phương-diện thế-giới, vừa về phương-diện riêng nước Nhật. Ba nước Nga, Tàu, Nhật, mà đồng-minh được với nhau thời đủ ngăn-trở được cái thế-lực của giống *Anglo-Saxons* ở Á-châu và giữ được sự hòa-bình ở Đông-Á. »

« Trong một số « Ngoại-giao-tạp chí » (*Gwaikojihō*) mới đây, ông HANIZAWA lại bàn về vấn-đề ấy một cách tường-tận hơn, ông nói rằng : « Từ hai mươi năm nay, cái phương-châm của sự ngoại-giao nước ta là nhất-thiết phải đề-huê với nước Anh, và không được phật-ý nước Mỹ. Đến hội-nghị Washington, ta mới tỉnh-ngộ.... Cứ thực ra thì từ hai-mươi năm nay, tình-thế trong thiên-hạ thay-đổi biết bao nhiêu, mà nước ta vẫn không dời hai nước Anh Mỹ. — Nước ta còn đương lúng-lúng chưa thoát-li được hai nước ấy, thời may sao ông Goro khởi-xướng ra nên giao-thiệp với Chính-phủ Sô-viết và thương-thuyết với đại-biêu Chính-phủ ấy là ông Joffe. Từ đấy nước Nhật mới thông-dồng với một cái thế-giới mới mà Anh với Mỹ không có thế-lực gì cả. Bấy giờ những kẻ thức-giả như bị một cái luồng điện nó lay động mà tỉnh thức dậy, biết rằng nước mình có thể theo một cái chính-sách khác mà không nên cứ giữ khư-khư cái chính-

sách cũ chỉ làm tôi đòi cho nước Anh và nước Mỹ. »

« Ông HANIZAWA nói rằng : nước Nhật hướng-lai vẫn giữ một cái địa-vị « lép vế » làm như « con chó canh cửa » cho người ta. Phải nằm một chỗ mà can các cửa bể Thái-bình-dương, đứng lên đi đâu cũng không được, đến chỗ nào là địa-phận của giống *Anglo-Saxons* thì ngoài cửa người ta để chữ : « Cấm không cho vào. » Hòa-ước thành *Versailles* chẳng qua là công-nhận cho giống *Anglo-Saxons* được bá-quyền trong thiên-hạ, đến hội-ng nghị *Washington* thời cái quyền ấy lại càng rõ-rệt lắm, lại càng nặng-nề cho thế-giới lắm. Nay đã quá lắm rồi, thế-giới không thể chịu như thế mãi nữa. Bởi thế cho nên nước Nhật bây giờ phải nhớ rằng ngoài hai nước Anh Mỹ, còn có hai nước Nga Đức, Nhật có thể đề-huê được. »

« Có điều chắc, là hiện nay nhiều người Nhật cũng nghĩ như ông HANIZAWA đó, nghĩ rằng nay nước Nhật phải khai-mạc một cuộc chính-trị mới lấy quốc-gia Nhật-bản và đoàn-thể Á-châu làm gốc. Tòa nội-các của Thủy-soái YAMAMOTO ngày nay tuy không công-nhiên tuyên-bố cái chính-sách như thế, nhưng thật là đồng-ý như thế. Nội-các này phản-đối với những người đã biểu đồng-tình với hội-ng nghị *Washington*, và trong Nội-các có Nam-tước Goro là người chủ-trương việc giao-thiệp với Nga, thế thì đủ biết khuynh-hướng thế nào. »

« Hoặc-giả nói : Nhưng mà cái thiên-tai mới rồi chẳng làm trái cái mưu của Nhật dư ? Nhật bị hại chuyển này biết bao giờ cho khôi-phục lại được ? Trong khi bối-rối lúc đầu, báo *Osaka mainichi* có than rằng từ nay cái thế-lực nước Nhật sẽ kém sút đi và nước Nhật sẽ phải hạ xuống bậc « hải-cường » thứ ba. Lời đó là lúc khùng-hoảng nói ra như thế, chứ thực thì hải-quân Nhật-bản có bị tổn-hại gì về động đất mới rồi đâu. Chỉ có mấy chiếc tàu cũ ở cửa Hoàn-hân bị hỏng mà thôi. Nhưng ý người Nhật lâu nay đã

muốn đem chiến-cảng ra gần Đông-kinh, vậy nay sắp phải trùng-tu thành Đông-kinh thì chắc là đặt chiến-cảng ở đấy. — Về đường tài-chính thì sự hại ước đến 6 ngàn triệu yên (*yen*), tức là 50 ngàn triệu phật-lãng (50 *milliards*). Nhưng trong khi chiến-tranh công-nghệ thương-nghệ nước Nhật đã phát-đạt to, hiện các nhà băng có đến 85 phần 100 hiện-ngân về số giấy bạc lưu-hành. Vả lại dân Nhật có cái nghị-lực vô-song, tuy chuyển này bị hại to nhưng rồi sẽ khôi-phục được ngay và không chịu đòi cái phương-châm chính-trị như trên đã nói vậy. »

Giới-thiệu sách mới. — Bản - chỉ có tiếp được quyền *Tục-ngữ An-Nam* thứ ba, tiếp theo những quyển trước, của ông linh-mục Triệu Hoàng-Hòa (Père BARBIER) soạn ra, mỗi câu phương-ngôn tục-ngữ có dịch ra chữ tây cả, cũng đã có công góp-nhặt được nhiều lắm, xem thế thì biết tiếng nước ta không phải là nghèo. Sách này có thể tiện cho các người Tây học tiếng ta và người ta học tiếng tây nữa. Sách có 52 trang, giá bán 0\$50.

— Bản-chỉ lại tiếp được sách *Tân-ước thành-thư* của « Hội Tin lành », mới xuất-bản lần thứ nhất, dày 430 trang, mà cách in rất là sáng-sủa đẹp-đẽ. Lại khéo tìm được nhiều tiếng An-Nam để dịch cho rõ nghĩa. Coi đó đủ biết văn-chương quốc-âm nước ta muốn đem dịch sách nào cũng được, chứ có phải là thiếu tiếng đâu. Nếu dịch khéo ra mà góp đủ cả tiếng ba kỳ, thì sách nào mà chẳng thông-dụng được.

— Tập tạp-chí của hội Tri-tri về kỳ tháng chín mới rồi có soạn đăng một mục địa-dư các tỉnh Bắc-kỳ. Tỉnh nào cũng có kê đủ tất cả vị-tri, khí-hậu, sơn-xuyên, thổ-sản, công-thương, kỹ-nghệ, lại nói tường cả các nơi danh-thắng, đường đi lại xa gần, mỗi tỉnh lại có một bản-đồ riêng, để tiện tra-cứu cho dễ hiểu. Thế thì sách này không những là giúp cho các trường học lấy vào làm khoa-học địa-dư, mà lại tiện cho khách du-lịch xem biết các

nơi danh-thắng của nước nhà mà đi thưởng-ngoạn các chốn kỳ-quan thắng-tích. Các nhà soạn-giả rất là có công-phu. Nghe đâu có in ra làm sách riêng để bán, vậy Bản-chỉ vui lòng mà giới-thiệu trước cùng chư độc-giả.

— Hiệu Mạc Đình - Tư mới xuất-bản quyền *Liệt-nữ-kiếm* là một truyện tiểu-thuyết người liệt-nữ gặp cơn binh-biến dám chống lại giặc để bảo-toàn danh-dự cho chồng. Người liệt-nữ ấy thành-danh là bởi một thanh kiếm giết đũa dâm-phu, nên gọi là *Liệt-nữ-kiếm*. Thực là một truyện tiểu-thuyết có luân-lý, bọn nữ-lưu ta nếu đọc những sách này, thì không đến nỗi hại như những truyện hoang - đường nhảm-nhĩ xưa nay. Sách in ra cả thấy 72 trang, những trang đầu lại có các tranh vẽ. Giá bán 0 \$ 25.

— Các sách của người Tây nói về Đông-Pháp ta, gần đây xuất-bản mỗi ngày một nhiều, tuy giá-trị mỗi quyển một khác, nhưng ta cũng nên xem cho biết người Tây phẩm-bình ta thế nào. Ông FRANÇOIS DE TESSAN là một nhà làm báo có tiếng ở Paris, năm xưa đã theo quan Thống-chế JOFFRE đi du-lich Mi-châu, mới rồi lại có sang khảo-sát bên Đông-Pháp ta và du-lich các nước Á-Đông, mới xuất-bản một quyển du-ký, đề là *Dans l'Asie qui s'éveille. Essais indo-chinois* (Ở đất Á-châu mới tỉnh thức. Mấy bài bình-luận về Đông-Pháp). Sách có ngót 400 trang, có địa-đồ, có ảnh, và 29 thiển như sau này: I. Nói về thành-phố Sài-gòn và người ở Sài-gòn; — II. Người Khách trần sang Nam-kỳ thế nào; — III. Thành Chợ-lớn mới; — IV. Gạo, ruộng và các nhà máy gạo; — V. Đi chơi qua miền Tây Nam-kỳ; — VI. Xem các trại trồng cao-xu; — VII. Xem nhà thờ quan Đốc-phủ Phương ở Chợ-lớn; — VIII. Đi săn voi; — IX. Một sở nghỉ mát trên núi Langbian; — X. Tục truyền về truyện cọp; — XI. Tự Nha-trang đến Đà-nẵng; — XII. Hoàng-đế Khải-dịnh; — XIII. Lễ vạ-thọ vua An-Nam; — XIV. Một nơi vương-phủ ở Huế; — XV. Hải-phòng và

vịnh Hạ-long; — XVI. Hà-nội; — XVII. Chính-sách Pháp-Việt-dễ-huế; — XVIII. Sự giáo-dục về đường lý-tài và thương-nghiệp của người An-Nam; — XIX. Bọn học-sinh và trường Thuộc; — XX. Hội Khai-trí-tiến-dức và sự diễn-kịch MOLIÈRE; — XXI. Người đàn-bà An-Nam; — XXII. Sự phát-đạt của xứ Bắc-kỳ; — XXIII. Thành Nam-vang (*Phnom-penh*), chùa-chiền và cung-diện; — XXIV. Bọn con gái múa của vua Cao-miên; — XXV. Nhà bác-cổ-quán và trường mỹ-nghệ Cao-miên; — XXVI. Đền Angkor; — XXVII. Tỉnh Battambang; — XXVIII. Tỉnh Compong-Cham; — XXIX. Kết-luận.

Cứ xem cái mục-lục đó thì đủ biết sách bản rộng là dường nào. Còn giọng văn-chương thời giản-dị và lời phán-đoán lại thích-đáng lắm. Thiển nói về Hội Khai-trí có nói đến ông chủ báo *Trung-Bắc* Nguyễn Văn-Vĩnh và Bản-chỉ-chủ-nhân Phạm-quân, có ý khen cái công của hai ông truyền-bá sự văn-minh tư-tưởng của Đại-Pháp ở nước Nam.

Sách in ở hiệu « *La Renaissance du Livre*, 78, boulevard Saint-Michel, Paris. » Hiệu sách Tây ở Hà-nội cũng có bán, giá là 12 quan.

— Phủ Toàn-quyền có gửi cho bản-chỉ ba tập sách của sở Canh-nông Nam-kỳ mới xuất-bản: một tập của ông P. BUSSY, Chánh Phòng Thi-nghiệm Canh-nông, nói về « Bất-đại và những chất bón đất ở Nam-kỳ » (*Notions sur le sol et les engrais en Cochinchine*); — một tập của ông DAVRAIGNE, Chánh sở Canh-nông ở Nam-kỳ, nói về sự « Kén chọn các hạt giống về thóc gạo » (*La sélection pour la standardisation des paddys et des riz*); — một tập của ông BÙI QUANG-CHIÊU, coi sở Lâm-Tơ ở Nam-kỳ, nói về « Nghề Tằm-Tơ ở Nam-kỳ » (*Notions sur la sériciculture en Cochinchine*). Theo tin Nam-kỳ gần đây, ông DAVRAIGNE mới mất, và ông BÙI QUANG-CHIÊU được quyền thay chức Chánh Sở Canh-nông ở Nam-kỳ. Ông Bác-vật BÙI, quốc-dân ta ai cũng biết tiếng. Người An-Nam ta mà được làm chánh một sở, đứng đầu một tòa, mới có ông là một vậy.

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIỀN - ĐỨC »

Tòa trị - sự Hội yết-kiến quan Toàn-quyền Merlin. — Ngày thứ ba 13 tháng 11, Tòa Trị-sự có thay mặt Hội lên yết-kiến quan Toàn-quyền MERLIN. Quan Hội - trưởng Hoàng Trọng-Phu hôm ấy khó ở không ở Hà-đồng ra được, chỉ có những ông sau này tiếp mặt quan Toàn-quyền : quan Thượng Lê Trung-Ngọc, quan Thượng Từ Đạm, ông Phạm Quỳnh, ông Lagrèze, ông Nguyễn Văn-Vĩnh, ông Đỗ Thận, quan Tuần Vũ Ngọc-Oánh. Quan Thống-sứ Bắc-kỳ lấy tư cách là quan Thủ-hiến bản-xứ, lại vừa là danh-dự Hội-trưởng bản-hội, thân-hành giới-thiệu các quan-viên Hội cho quan Toàn - quyền. Quan Toàn-quyền tiếp-dãi một cách rất ân cần và tỏ lòng mến cái chủ-nghĩa của Hội ta lắm. Ngài diễn-thuyết hơn nửa giờ đồng-hồ, nói nhiều điều cao-thượng và cảm-kích lắm. Nghe nói ngài xưa nay không hề tiếp người nào và Hội nào lâu như thế. Coi đó thời biết ngài có ý biệt-dãi Hội ta vậy. Ngài hứa rằng Hội có thể trồng cây ở ngài và ngài sẽ hết sức giúp Hội.

Cuộc Đấu-xảo mĩ-thuật. — Cuộc Đấu-xảo Mĩ-thuật của Hội đã bắt đầu nhận đồ từ ngày 13 tháng 11, đến ngày chủ-nhật 25 thì khai hội, có quan Toàn-quyền và quan Thống-sứ đến dự lễ khánh-thành. Hiện nay đã nhận được nhiều đồ đẹp lắm. Cuộc đấu-xảo này chắc là có ảnh-hưởng to về mĩ-thuật xứ Bắc-kỳ ta. Kỳ sau sẽ thuật tường.

Tiệc tháng ngày 31 tháng 10. — Tiệc tháng ngày thứ bảy 31 tháng 10 được hơn 50 ông hội-viên vừa tây vừa ta đến dự. Hội lại còn mời mấy ông trị-sự Hội Nhã-hoa, đã từng giúp Hội hòa-nhạc nhiều lần. Tiệc xong

rồi các ông ấy lại cho các hội-viên được thưởng mấy khúc nhạc hay lắm. Ngoài các ông Hội Nhã-hoa, lại có mấy ông tài-lữ nữa cho nghe mấy bản dân-tàu.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi, có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng, các ngài hội-viên có điều gì dị-nghị, xin viết thư về cho Hội biết.

Xin vào chân chủ-trì

1. — Ông Docteur Lê Văn-Chỉnh, Médecin chef de l'ambulance, à Sông cầu (Annam).

2. — Nguyễn Mộng - Dịch, cửu-phẩm, ở làng Yên-sở, huyện Đan-phượng, tỉnh Hà-đồng, (Do ông hội-viên Lương Hữu-Nhân giới-thiệu).

3. — Nguyễn Văn-Bình, cửu-phẩm văn-giai, người làng Đáp-cầu, làm thầu-khoán ở Thái-nguyên.

4. — Phạm Duy-Xương, lý-trưởng làng Phục-lễ, tổng Phục-lễ, huyện Thủy-nguyên, tỉnh Kiến-an. (do ông hội-viên Trần Văn-Có giới-thiệu).

5. — Trần Hữu-Chiêm, tri - phủ phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-đồng (đã nộp 20 đồng vào Hội rồi).

6. — Trần Khắc-Huỳnh, quán làng Đại-hoàng, tổng Cao-dã, huyện Nam-sang, tỉnh Hà-nam, hiện làm thợ ở Sở Hauts Fourneaux (N^o 1809, groupement tonkinois), ở Nouméa, Nouvelle-Calédonie.

7. — Trần Tiến-Quán, quán làng Tứ-kỳ, tổng Phan-xá, huyện Tứ-kỳ, hiện làm trợ-giáo ở trường phủ Ninh-giang, Hải-dương. (Do ông hội-viên Nguyễn Ngọc-Thành giới-thiệu).

Hội viên mới. — Những ông kê

tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 74 (Aoút 1923), nay hết hạn hai tháng, không ai dị-nghị, được nhận vào Hội kể từ ngày 1 tháng 11 năm 1923.

A Vào chân tán-trợ

Ông Võ Văn-Tâm (đã gửi cho ông Thủ-quĩ 100 đồng).

B Vào chân chủ-trì

Ông Bửu Vi, — Đỗ Tất-Đạt, — Mai Đăng-Đệ, — Ngô Thế-Sùng, — Nguyễn Hữu-Nhuận, — Phạm Cửu, — Phạm Văn-Lộc, — Vũ Linh-Chiêu, — Vũ Hữu-Dụng.

C Vào chân thường-hội-viên

Ông Đào Tiến-Tường.

Việc làm Tự-diễn. — Theo lệ đã định, ngày 30 tháng 10 và 15 tháng 11, hội-dồng làm tự-diễn đều họp ở nhà Hội từ 8 giờ tối đến 11, 12 giờ để bàn nghĩa các chữ. Hội-dồng cử ba ông Trần Trọng-Kim, Bùi Kỳ và Dương Bá

Trạc, làm bản sơ-thảo, chăm-chuốt hai quyển Tự-diễn GÉNIBREL và PAULUS CỦA mà đặt lại theo phạm-lệ đã định; ông Phạm Quỳnh và Nguyễn Hữu-Tiến thời lục những câu tục-ngữ ca-dao và các truyện nôm đề nghị câu thí-dụ; còn các ông Nguyễn Văn-Vĩnh, Đỗ Thận, Phạm Huy-Lục, Nguyễn Văn-Luân thời kiểm-diểm và bổ-khuyết; ông Nguyễn Đôn-Phục thời chuyên riêng về việc nhặt những chữ nho và diễn nho dùng trong văn-chương nôm. Hiện đã định-cáo được mấy chục chữ đầu, kỳ sau sẽ in thử để công đồng-lãm.

— Tháng mới rồi, Hội - đồng có nhận được một tập những tiếng thông-dụng ở nhà quê của ông Nguyễn Trọng-Thuật ở Hải-dương gửi lên.

Các báo hằng ngày : *Trung - Bắc-tân-văn*, *Khai-hóa-nhật-báo*, *Thực-nghiệp-dân-báo*, đều giúp việc điều-tra quốc-âm chăm-lắm. Những câu của các báo ấy đăng, Hội - đồng đã cắt riêng ra và để một chỗ để khảo-cứu và chọn lọc về sau.

Lời văn đẹp, tư-tưởng hay

(*Extraits et pensées*)

L'âme française

... Et cette âme unanime apparaît dans sa nudité idéale. Elle est liée aux aspects de notre sol comme le ciel à l'eau qui court, et nous la voyons partout présente et insaisissable. Tenace, rude avec les rochers orangeux d'Armorique, mais tremblante et douce avec les feuillages de Touraine et d'Ile-de-France, elle a aussi la gravité tranquille des Flandres et la fièvre joyeuse de la Provence. Dans ses éclats changeants, elle unit les contradictions et les contrastes qui font le mouvement et le prix de la vie. À des certitudes

Hồn nước Pháp

... Cái hồn chung ấy phát-biểu ra một cách hiển-nhiên. Nó liền với phong-cảnh trong đất nước, như trời nước một màu vậy. Nó bàng-bạc khắp mọi nơi, mà mung-lung phiêu-diêu. Ở đất *Armorique* đầy những núi đá treo-leo, thời nó cứng-cỏi chất-phác, nhưng ở đất *Touraine* và đất *Ile-de-France* đầy những cây cỏ tốt tươi, thời nó lại mềm-mại êm-ái; ở đất *Flandres* thời lại lặng-lẽ yên-ôn, mà ở đất *Provence* thời lại nóng-nả vui-vẻ. Thiên-hình vạn-trạng, như điều-hóa được mọi sự phản-trái mà làm cho cuộc đời có hoạt-động, có giá-trị. Có lúc thật-thả như con trẻ, có lúc đa-nghị như ông lão. Cả

enfantines, elle joint des réserves et des doutes de savant. Elle affirme en se moquant et nie avec sagesse. Artiste ou fruste, faite de roseaux chantants ou taillée dans le chêne nouveau, elle semble détenir toute la part de beauté et de santé morale accordée aux humains. On la croit capricieuse et difficile dans l'instant où elle se montre disciplinée et soumise. C'est que par l'usage de la liberté, elle apprit à commander, et pour sa conquête, à obéir. On la sent impatiente, anxieuse d'accomplir de grands exploits, de marcher avec le « progrès », de perfectionner son œuvre, tandis que sa critique inlassable, qui n'épargne rien ni personne, paraît la vouer aux travaux stériles. Tout en elle est surprise et voici qu'à l'heure de l'action, s'accommodant des pires circonstances, elle étonne l'univers par sa foi rajeunie, se prend à communier avec ses chefs et meurt sur leurs ordres...

(Le Temps)

Le penseur

Le paysan retourne le sol, l'ouvrier forge l'outil, le savant calcule, le philosophe rêve. Les hommes se ruent en des chocs douloureux pour la vie, pour l'ambition, la fortune ou la gloire. Mais le penseur solitaire, écrivain, agissant, fixe leur destinée. C'est lui qui éveille en eux les sentiments engendrés des idées dont ils vivent, et qu'ils s'efforcent de fixer en des réalités sociales. C'est lui qui, de ses formules obsédantes, les pousse à l'action, aux grandes réparations d'équité, de vérité. C'est lui qui les enchante de la jeune espérance dont l'appel enivrant les entraîne à la vie. C'est lui qui les console, les retient, et, pansant les blessures, conduit le vaincu d'hier à la victoire de demain. Il ouvre les cœurs, pénètre la vie, révèle l'homme à l'homme, et véritablement le crée dans sa conscience et dans sa volonté.

Avoir été, pour un jour, pour une heure, l'ouvrier d'une telle œuvre, suffirait à la gloire d'une vie.

GEORGES CLÉMENTEAU

quyết điều gì tựa-hồ như chế-nhạo, mà háng-bồ điều gì tựa-hồ như khôn-ngaoan. Khi thời lộc-lỗ, khi thời mộc-mạc, khi thời ngu ở ống sậy véo-von, khi thời ngu ở cây « sên », cần-cội, bao giờ cũng như gồm được cả cái tốt-đẹp của đời người vậy. Giữa lúc phục-tòng kỷ-luật thời thiên-hạ lại cho là chất-chường phát-phơ. Vì rằng đã được hưởng tự-do, nên biết cái cách cai-quản, và đã phải khó-nhọc mới thu-phục được cái tự-do ấy nên cũng biết cả cách phục-tòng nữa. Bao giờ cũng thấy như háng-bái, như nóng-nảy, muốn làm những sự-nghiệp lớn, muốn tiến-bộ cho mau, mở-mang cho rộng, thế mà lại thấy lúc nào cũng bình-phàm công-kích hoải, chẳng, tha chẳng nề gì ai, tựa-hồ như chỉ biết nói mà không biết làm vậy. Cái hồn ấy thật cũng li-ký; thế mà đến giờ phải hành-động dầu gặp cơ-hội khó-khẩn thế nào mặc lòng, thấy dũng-được quả-cầm, đồng-tâm với kẻ chỉ-huy, bất chết cũng chịu chết, khiến cho thế-giới phải lạ thay. . .

Nhà tư-tưởng

Người làm ruộng cày đất, người làm thợ rèn đồ, nhà bác-học tính-toán, nhà triết-học mơ-tưởng. Người ta đua chen sâu-xé nhau, vì sinh-kế, vì công - danh, vì tiền - của, vì vinh-dự. Nhưng nhà tư-tưởng đứng một mình, hoặc viết vảo, hoặc hành-động, định cái vận-mệnh cho người đời. Chính nhà tư tưởng thúc-giục những cái tình-cảm nó sinh ra những tư-tưởng khiến cho người ta hoạt-động và gia-công gắng sức thực-hành trong xã-hội. Chính nhà tư-tưởng như khua chuông gõ mõ bên tai người ta giục-giã cho người ta phải hành-động, phải sửa lại những nỗi bất-bình, điều giả - trá. Chính nhà tư-tưởng gây cho người ta cái lòng hi-vọng háng-hái dễ cho ra mà quyết-đấu với sự đời. Chính nhà tư-tưởng an - ủi cho người ta, phần-chấn cho người ta, làm cho khuây nỗi đau-đớn, khiến cho kẻ bại hóm trước sẽ thành kẻ thắng hôm sau. Chính nhà tư-tưởng mở tấm lòng người ta, thấu-lẽ sâu ở đời, phát-biểu cái bản-chân của người ta, và thật là gây dựng ra con người hữu-tâm hữu-chí.

Nếu được một ngày một giờ làm một người như thế, cũng đủ vẻ-vang cả một đời.